

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**Aan**  
Lành gạo - Ngon cơm



**BẢN CÁO BẠCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 27/01/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/12/2025)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 382 ...../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7.. tháng 5.. năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày 8./5./2026 tại:

**Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0287.309.6769 Fax: Không có Website: <http://aan.vn>

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên : Ông Trương Đức Nam  
Chức vụ : Tổng Giám đốc  
Số điện thoại : 0287.309.6769

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 27/01/2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/12/2025)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- **Tên cổ phiếu** : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lương thực A An
- **Loại cổ phiếu** : Cổ phiếu phổ thông.
- **Mã cổ phiếu** : AAN
- **Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết** : 65.000.000 cổ phiếu
- **Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá** : 650.000.000.000 đồng

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

- Tên công ty** : Công ty TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
- Địa chỉ** : Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại** : 024 3761.3399 Số fax giao dịch: Không có
- Website** : <http://www.vpaudit.vn/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

- Tên công ty** : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE
- Trụ sở chính** : Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thi Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại** : (024) 7108 9234 Số fax giao dịch: Không có
- Website** : <https://www.dnse.com.vn/>

**MỤC LỤC**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	7
1. Tổ chức niêm yết .....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	8
1. Rủi ro về kinh tế .....	8
2. Rủi ro luật pháp .....	11
3. Rủi ro đặc thù .....	11
4. Rủi ro quản trị công ty .....	15
5. Rủi ro khác .....	17
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	18
1. Khái niệm .....	18
2. Từ viết tắt.....	18
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT</b> .....	20
1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết niêm yết: .....	20
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết .....	33
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết .....	35
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác .....	42
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành .....	43
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài .....	43
10. Hoạt động kinh doanh .....	44
11. Chính sách đối với người lao động.....	101
12. Chính sách cổ tức .....	103
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...).....	103
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu (nếu có) .....	103
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích .....	104

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.....	104
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>104</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	104
2. Tình hình tài chính.....	112
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết	145
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức .....	146
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....</b>	<b>152</b>
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....	152
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	152
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), kế toán trưởng .....	153
<b>VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....</b>	<b>170</b>
1. Loại cổ phiếu .....	171
2. Mệnh giá cổ phiếu .....	171
3. Mã cổ phiếu.....	171
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	171
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	171
6. Phương pháp tính giá.....	172
7. Các loại thuế có liên quan.....	174
<b>VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....</b>	<b>176</b>
<b>IX. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>176</b>
<b>X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....</b>	<b>177</b>
<b>XI. PHỤ LỤC.....</b>	<b>178</b>

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh.....	20
Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của AAN .....	35
Bảng 3. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 28/01/2026.....	43
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ .....	52
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất .....	52
Bảng 6. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ của AAN qua các năm – Công ty mẹ.....	54
Bảng 7. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ của AAN qua các năm – Hợp nhất .....	54
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ .....	55
Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất.....	55
Bảng 10. Tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ.....	57
Bảng 11. Tài sản cố định theo báo cáo Hợp nhất .....	58
Bảng 12. Danh sách tài sản có giá trị lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2025.....	59
Bảng 13. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp theo từng thị trường hoạt động theo BCTC hợp nhất.....	63
Bảng 14. Dòng tiền đầu tư công ty mẹ .....	63
Bảng 15. Dòng tiền đầu tư Hợp nhất .....	64
Bảng 16. Khoản mục đầu tư vào tài sản cố định và dài hạn .....	67
Bảng 17. Khoản mục đầu tư tài chính và góp vốn vào đơn vị khác .....	69
Bảng 18. So sánh thông số kỹ thuật các nhà máy chế biến gạo của Công ty .....	70
Bảng 19. Chỉ tiêu chất lượng gạo thành phẩm theo phân loại sản phẩm .....	72
Bảng 20. Các hợp đồng lớn của Công ty .....	78
Bảng 21. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của AAN .....	82
Bảng 22. So sánh quy mô với các đơn vị cùng ngành .....	87
Bảng 23. Cơ cấu lao động Công ty mẹ 2024-2025.....	101
Bảng 24. Hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2024 - 2025.....	104
Bảng 25. Hoạt động kinh doanh Hợp nhất giai đoạn 2024 - 2025 .....	105
Bảng 26. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ .....	113
Bảng 27. Vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất.....	113
Bảng 28. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ.....	115
Bảng 29. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất.....	116
Bảng 30. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình .....	119
Bảng 31. Mức lương bình quân của người lao động công ty.....	120

Bảng 32. Tổng hợp tình hình công nợ – Công ty mẹ.....	121
Bảng 33. Tổng hợp tình hình công nợ – Hợp nhất .....	121
Bảng 34. Các khoản phải thu của Công ty mẹ.....	121
Bảng 35. Các khoản phải thu Hợp nhất .....	122
Bảng 36. Các khoản phải trả của Công ty mẹ.....	128
Bảng 37. Các khoản phải trả Hợp nhất .....	129
Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2024.....	138
Bảng 39. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2025 .....	138
Bảng 40. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2024.....	139
Bảng 41. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2025.....	139
Bảng 42. Số dư trích lập các quỹ của Công ty.....	140
Bảng 43. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ .....	141
Bảng 44. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất.....	142
Bảng 45. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất.....	146
Bảng 46. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của AAN .....	152
Bảng 47. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm: .....	153
Bảng 48. Danh sách thành viên Ban điều hành gồm: .....	163
Bảng 49. Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm: .....	164

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức niêm yết**

Ông Trương Sỹ Bá	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trương Đức Nam	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Toàn	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

**2. Tổ chức tư vấn**

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng Việt - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (*Theo Giấy ủy quyền số: 10/2025/VBUQ-DNSE-TGD ngày 31/07/2025 của người đại diện theo pháp luật*)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 0901/2026/HĐTV-NHDT/AAN-DNSE ngày 09/01/2026 với Công ty Cổ phần Lương thực A An. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Lương thực A An cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Tốc độ tăng trưởng kinh tế có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, nhu cầu tiêu dùng gia tăng, mở rộng cơ hội thị trường; ngược lại, suy giảm kinh tế có thể làm giảm sức cầu, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trong cả năm 2025: Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính GDP tăng 6,8%, trong khi OECD dự báo ở mức 6,2%. Mục tiêu của Chính phủ đặt ra là tăng trưởng 8,0%, phản ánh quyết tâm nhưng cũng cho thấy áp lực về điều hành chính sách và rủi ro từ thị trường toàn cầu.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, GDP của Việt Nam cả năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng 8,02%, qua đó vượt đáng kể các dự báo ban đầu của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (“WB”) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (“OECD”), đồng thời hoàn thành mục tiêu 8% mà Chính phủ đặt ra. Bất chấp những biến động phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu và thách thức từ thiên tai, kinh tế Việt Nam năm 2025 đã ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ và khẳng định vị thế dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á. Đáng chú ý, nền kinh tế duy trì xu hướng tích cực với quý sau cao hơn quý trước. Riêng quý IV/2025 ước tính tăng 8,46% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất của quý IV trong vòng 15 năm qua.



(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)

Đối với Công ty Cổ phần Lương thực A An, tác động từ tăng trưởng GDP có thể phân tích theo 2 chiều hướng:

**Tích cực:**

- Nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng, đặc biệt ở phân khúc gạo cao cấp, dầu gạo và các sản phẩm chế biến từ gạo.
- Xuất khẩu gạo được hỗ trợ bởi tăng trưởng kinh tế và mở rộng thị trường nhập khẩu (châu Phi, Trung Đông, Nhật Bản, Hàn Quốc).
- Tăng trưởng GDP cao tạo niềm tin cho nhà đầu tư, cải thiện cơ hội huy động vốn cho các dự án mở rộng nhà máy, chuỗi logistics và phát triển vùng nguyên liệu.

**Tiêu cực:**

- Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào biến động bên ngoài (giá dầu, thương mại quốc tế). Suy giảm tăng trưởng toàn cầu có thể làm giảm nhu cầu nhập khẩu gạo, dầu gạo từ các thị trường truyền thống.
- Áp lực cạnh tranh gia tăng khi nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước mở rộng quy mô để tận dụng đà tăng trưởng, làm giảm biên lợi nhuận của AAN.
- Bất kỳ sự suy giảm nào của nền kinh tế thế giới và trong nước đều có thể tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng phát triển của Công ty.

**b. Rủi ro lạm phát**

Lạm phát là yếu tố ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào và hiệu quả kinh doanh. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, CPI bình quân cả năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát mà Quốc hội đặt ra, trong khi lạm phát cơ bản cả năm tăng khoảng 3,21%. Điều này cho thấy áp lực giá cả vẫn được duy trì trong tầm kiểm soát, mặc dù còn tiềm ẩn rủi ro nếu giá năng lượng, lương thực và dịch vụ tăng mạnh do những biến động trên thị trường quốc tế và trong nước.



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Đối với AAN, rủi ro lạm phát tác động ở nhiều khía cạnh:

Chi phí đầu vào: Giá vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì, vận tải) có xu hướng tăng, làm gia tăng chi phí sản xuất gạo. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán và biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Chi phí nhân công: Mức lạm phát cao kéo theo yêu cầu điều chỉnh lương tối thiểu, gia tăng chi phí nhân sự tại các nhà máy chế biến và kho vận.

Lãi vay: Lạm phát cao có thể buộc Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt, làm tăng chi phí vay vốn ngắn hạn mà AAN đang sử dụng để thu mua lúa gạo vụ mùa.

Nhu cầu tiêu dùng: Lạm phát kéo dài có thể làm giảm sức mua ở phân khúc khách hàng thu nhập trung bình – thấp, ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm gạo phổ thông.

Đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực lương thực, lạm phát cao sẽ làm tăng chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, nhân công và lãi vay, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận.

### **c. Rủi ro lãi suất**

Hoạt động của Công ty có sử dụng vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng. Do đó, biến động lãi suất trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và dòng tiền.

Trong bối cảnh năm 2026, áp lực mặt bằng lãi suất cho vay tăng đến từ hầu hết các ngân hàng thương mại. Mặc dù Công ty đã chuẩn bị phương án đối phó nhưng rủi ro tăng lãi suất trong ngắn và trung hạn không thể loại trừ. Thêm vào đó, chênh lệch giữa các ngân hàng là tác động trực tiếp việc lựa chọn thay đổi hoặc duy trì đối tác tài chính của doanh nghiệp như AAN.

AAN thường xuyên sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại để tài trợ cho hoạt động thu mua lúa gạo theo mùa vụ. Do đặc thù ngành hàng, nhu cầu vốn lưu động cao tập trung vào một số thời điểm trong năm, khiến Công ty chịu rủi ro lớn từ biến động lãi suất.

- Nếu lãi suất duy trì ổn định hoặc giảm, chi phí tài chính của Công ty sẽ được kiểm soát, cải thiện lợi nhuận sau thuế.
- Ngược lại, trong trường hợp lạm phát tiếp tục tăng, Ngân hàng Nhà nước buộc phải tăng lãi suất điều hành, lãi suất cho vay thương mại có thể tăng từ 1–2 điểm %, gây áp lực đáng kể lên chi phí vay vốn ngắn hạn của AAN. Với quy mô dư nợ hàng nghìn tỷ đồng, biến động lãi suất dù nhỏ cũng có thể làm tăng chi phí tài chính hàng chục tỷ đồng mỗi năm.

AAN cần duy trì chiến lược:

- Cơ cấu lai danh mục nợ, ưu tiên vay ưu đãi từ các ngân hàng đối tác chiến lược.
- Kết hợp niêm yết trái phiếu hoặc huy động vốn từ cổ đông chiến lược để giảm phụ thuộc vào tín dụng ngắn hạn.
- Ứng dụng quản trị dòng tiền hiệu quả, cân đối thời điểm thu mua – xuất bán nhằm hạn chế dư nợ đỉnh điểm.

### **d. Rủi ro tỷ giá**

Tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt là USD/VND, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu, thanh toán quốc tế và chi phí tài chính của Công ty. Năm 2025 và đầu năm 2026, trong bối cảnh các ngân hàng trung ương lớn vẫn duy trì lãi suất cao, áp lực tỷ giá với VND

dự báo tiếp tục hiện hữu.

Mặc dù hoạt động xuất khẩu của AAN mới bắt đầu được ghi nhận từ tháng 11/2025 sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, quy mô doanh thu xuất khẩu hiện còn ở mức khiêm tốn. Tuy nhiên, trong bối cảnh Công ty định hướng mở rộng thị trường quốc tế trong thời gian tới, biến động tỷ giá USD/VND vẫn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty trong trung và dài hạn:

- Doanh thu cung ứng xuất khẩu: Khi VND mất giá so với USD, Công ty được hưởng lợi vì doanh thu quy đổi tăng. Tuy nhiên, biến động quá mạnh cũng gây bất ổn trong kế hoạch tài chính và hợp đồng dài hạn.
- Chi phí nhập khẩu: Một số vật tư, bao bì và thiết bị máy móc chế biến được nhập khẩu bằng USD. Khi tỷ giá tăng, chi phí nhập khẩu tăng, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.
- Thanh toán quốc tế: Biến động tỷ giá làm tăng rủi ro khi Công ty phải thanh toán các hợp đồng vận tải, bảo hiểm quốc tế.

Trong bối cảnh năm 2025 và sang năm 2026, đồng USD có xu hướng duy trì sức mạnh do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giữ lãi suất cao, áp lực tỷ giá với VND tiếp tục hiện hữu. Điều này tạo cả cơ hội lẫn rủi ro cho AAN.

Giải pháp quản trị:

- Cân đối thu – chi ngoại tệ để hạn chế rủi ro tỷ giá.
- Đàm phán điều khoản hợp đồng theo hướng linh hoạt về tỷ giá.
- Sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro (forward, option) khi biến động tỷ giá vượt ngưỡng cho phép.

Bất kỳ sự biến động mạnh nào của tỷ giá có thể làm gia tăng chi phí, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

## **2. Rủi ro luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/ hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... và các bộ luật về thuế quan cùng các quy định pháp luật khác của Việt Nam.

## **3. Rủi ro đặc thù**

### **a) Biến động giá gạo thế giới và rủi ro cạnh tranh xuất khẩu**

Doanh thu và lợi nhuận của AAN phụ thuộc trực tiếp vào diễn biến giá gạo thế giới; giá gạo biến động mạnh có thể làm xói mòn lợi nhuận chi trong ngắn hạn.

- **Rủi ro biến động giá lúa gạo là rủi ro trọng yếu của ngành.** Thị trường lúa gạo đang bước vào giai đoạn điều chỉnh sau chu kỳ tăng trưởng mạnh; trong giai đoạn 2024–2025, giá

gạo quốc tế đã có biến động lớn, từng đạt mức cao kỷ lục rồi giảm trở lại khi nguồn cung toàn cầu gia tăng và các quốc gia xuất khẩu lớn, đặc biệt là Ấn Độ, quay trở lại thị trường. Theo các tài liệu tham khảo ngành, năm 2025 giá gạo thế giới giảm mạnh, trong khi nguồn cung gạo toàn cầu tiếp tục duy trì ở mức cao, tạo áp lực lên mặt bằng giá và biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Đối với A An, rủi ro này tác động trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt trong trường hợp giá đầu vào trong nước tăng theo mùa vụ nhưng giá bán đầu ra giảm hoặc điều chỉnh chậm hơn.

Để giảm thiểu rủi ro, Công ty định hướng đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng gạo thơm, gạo chất lượng cao và các sản phẩm giá trị gia tăng; đồng thời linh hoạt trong ký kết hợp đồng, theo dõi sát diễn biến thị trường để điều chỉnh chính sách mua hàng, bán hàng và tồn kho phù hợp. Công ty cũng tiếp tục áp dụng các chính sách quản trị hàng tồn kho và quản trị chi phí sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế tác động tiêu cực khi giá thị trường biến động bất lợi.

– **Rủi ro cạnh tranh xuất khẩu:** Thị trường gạo quốc tế có tính cạnh tranh cao, chịu ảnh hưởng mạnh từ cung – cầu toàn cầu, chính sách xuất khẩu của các quốc gia lớn và yêu cầu ngày càng cao từ các thị trường nhập khẩu. Các báo cáo gần đây cho thấy Việt Nam vẫn thuộc nhóm quốc gia xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới, nhưng năm 2025 ngành gạo đã chịu sức ép lớn từ sự quay trở lại của nguồn cung Ấn Độ, trong khi một số thị trường nhập khẩu chủ lực có xu hướng giảm mua trong từng thời điểm nhất định. Công ty đánh giá đây là rủi ro mang tính dài hạn, có thể làm giảm thị phần, thu hẹp biên lợi nhuận, đặc biệt trong các hợp đồng dài hạn ký ở mức giá cao nhưng bị yêu cầu điều chỉnh giảm và gia tăng yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Để ứng phó, Công ty A An chủ trương chuyển dịch dần sang phân khúc gạo thương hiệu, gạo chất lượng cao, gạo hữu cơ và các sản phẩm chế biến sâu; đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một vài thị trường truyền thống, tăng cường khai thác các thị trường có nhu cầu ổn định và các thị trường yêu cầu tiêu chuẩn cao. Việc Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo cũng tạo nền tảng để chủ động hơn trong ký kết và thực hiện các hợp đồng xuất khẩu trực tiếp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong trung và dài hạn.

Bên cạnh đó, AAN định hướng thực hiện đồng bộ các biện pháp quản trị rủi ro. Công ty từng bước nâng tỷ trọng vùng nguyên liệu liên kết nhằm chủ động hơn về chi phí đầu vào, đồng thời đẩy mạnh phát triển các dòng gạo thương hiệu và sản phẩm giá trị gia tăng để cải thiện biên lợi nhuận. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và linh hoạt trong chính sách ký kết hợp đồng, qua đó góp phần hạn chế mức độ nhạy cảm của kết quả kinh doanh trước biến động bất lợi của thị trường gạo toàn cầu.

**b) Thiếu liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và nông dân**

Do sở hữu chuỗi cung ứng khép kín chưa đủ lớn khiến AAN đối mặt với rủi ro lớn về nguồn nguyên liệu và khả năng cạnh tranh dài hạn.

- Hiện nay, phần lớn nguyên liệu của AAN vẫn thu mua từ Hợp tác xã và các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo, tỷ lệ hợp tác trực tiếp với nông dân còn hạn chế. Điều này khiến công ty khó kiểm soát chất lượng và chi phí.
- So sánh với một số doanh nghiệp đã phát triển cánh đồng lớn hoặc vùng nguyên liệu riêng, rõ ràng AAN ở thế yếu hơn khi tham gia vào các thị trường đòi hỏi tiêu chuẩn cao như Nhật Bản hoặc EU.
- Nông dân Việt Nam có xu hướng bán cho nơi trả giá cao nhất, không cam kết dài hạn nên AAN dễ bị động, nhất là khi giá lúa nội địa tăng đột biến.

Rủi ro về nguyên liệu không chỉ ảnh hưởng tới chi phí và lợi nhuận ngắn hạn, mà còn ảnh hưởng lâu dài đến năng lực cạnh tranh và chiến lược phát triển bền vững của AAN. Nhà đầu tư thường đánh giá thấp doanh nghiệp không có chuỗi cung ứng khép kín, do đó rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến định giá cổ phiếu.

Để giảm thiểu rủi ro về nguồn nguyên liệu, AAN định hướng từng bước mở rộng vùng nguyên liệu liên kết và tăng cường hợp tác dài hạn với nông dân, hợp tác xã. Công ty đồng thời đẩy mạnh các chương trình bao tiêu, hỗ trợ kỹ thuật và chuẩn hóa giống nhằm nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng đầu vào.

**c) Biến đổi khí hậu và rủi ro môi trường tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)**

- **Rủi ro biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến vùng nguyên liệu** là rủi ro mang tính cấu trúc của ngành lúa gạo. Hoạt động sản xuất và thu mua lúa của Việt Nam tập trung lớn tại Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực chịu ảnh hưởng mạnh của xâm nhập mặn, hạn hán, mưa bão bất thường và biến động nguồn nước. Nguồn cung lúa gạo phụ thuộc đáng kể vào điều kiện khí hậu và yếu tố mùa vụ, trong khi các hiện tượng bất lợi có thể làm giảm sản lượng, ảnh hưởng chất lượng hạt lúa, làm tăng chi phí thu mua và gia tăng rủi ro trong khâu sản xuất – chế biến. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, đến năm 2050, khoảng 30–40% diện tích lúa tại ĐBSCL có thể bị ảnh hưởng, kéo theo sản lượng và chất lượng giảm sút nghiêm trọng.

Đối với Công ty A An, rủi ro này có thể tác động đến tiến độ cung ứng nguyên liệu, kế hoạch sản xuất và hiệu quả thực hiện đơn hàng, đặc biệt trong những thời điểm cao điểm mùa vụ hoặc khi điều kiện thời tiết không thuận lợi. Khi nguồn cung giảm, AAN không chỉ đối mặt với chi phí thu mua cao hơn mà còn phải đầu tư nhiều hơn vào bảo quản, chế biến để đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn quốc tế. Đây là rủi ro mang tính dài hạn và khó kiểm soát, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung, sản lượng, chi phí sản xuất và cuối cùng là khả năng duy trì xuất khẩu ổn định của AAN. Nhà đầu tư thường định giá thấp hơn các doanh nghiệp chịu rủi ro môi trường cao, dẫn đến áp lực giảm giá cổ phiếu trong trung – dài hạn.

Để thích ứng, Công ty tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa vùng nguyên liệu liên kết, tăng cường hợp tác với các hợp tác xã, hộ nông dân và đơn vị cung ứng uy tín; đồng thời áp dụng các quy trình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng cường năng lực sấy, bảo quản và kiểm soát chất lượng nguyên liệu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch. Công ty cũng chủ động

tham gia các chương trình phát triển lúa chất lượng cao, phát thải thấp để tận dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và nâng cao tính bền vững của chuỗi cung ứng.

**d) Ảnh hưởng của tình hình kinh tế - chính trị hiện nay**

Công ty nhận định đây là rủi ro có tác động gián tiếp nhiều hơn là trực tiếp đối với hoạt động kinh doanh hiện tại. Xung đột tại Trung Đông, đặc biệt tại các tuyến hàng hải trọng yếu, có thể làm tăng cước vận tải biển, chi phí bảo hiểm, chi phí nhiên liệu và thời gian giao hàng, qua đó ảnh hưởng đến chi phí logistics và biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Một số tài liệu cũng ghi nhận các biến động địa chính trị có thể tạo ra áp lực lên chuỗi cung ứng toàn cầu và giá cước vận tải, đồng thời làm gia tăng mức độ bất định của thương mại quốc tế. Tuy nhiên, do thị trường xuất khẩu của công ty A An hiện chưa tập trung chủ yếu vào khu vực Trung Đông, nên tác động trực tiếp đến doanh thu chưa lớn; ảnh hưởng chủ yếu nằm ở chi phí vận hành, lịch giao hàng và khả năng dự báo kế hoạch xuất khẩu. Đồng thời, trong một số giai đoạn, nhu cầu dự trữ lương thực gia tăng tại các quốc gia trong khu vực bất ổn cũng có thể tạo ra cơ hội ngắn hạn cho xuất khẩu gạo. Vì vậy, Công ty đánh giá rủi ro này ở mức cần theo dõi sát, đặc biệt khi hoạt động xuất khẩu được mở rộng trong thời gian tới. Để chủ động ứng phó, Công ty tiếp tục đa dạng hóa thị trường, xây dựng điều khoản hợp đồng linh hoạt, theo dõi sát diễn biến giá nhiên liệu và vận tải quốc tế, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đối tác logistics và tổ chức tín dụng để đảm bảo tính chủ động về dòng tiền và tiến độ giao hàng.

Tổng thể, Công ty nhận thức đầy đủ rằng các rủi ro nêu trên có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: biến động giá lúa gạo ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và biên lợi nhuận; cạnh tranh xuất khẩu tạo áp lực lên thị phần và giá bán; biến đổi khí hậu làm gia tăng rủi ro vùng nguyên liệu và chi phí đầu vào; còn tình hình kinh tế - chính trị hiện nay làm tăng chi phí logistics, tác động đến kế hoạch giao hàng và hiệu quả vận hành. Trên cơ sở đó, Công ty A An đã và đang triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị rủi ro, bao gồm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, củng cố vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực bảo quản – chế biến, kiểm soát tồn kho và theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn và bền vững trong trung và dài hạn.

**e) Rủi ro chính sách và biến động thị trường**

Sự phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu chủ lực khiến AAN dễ bị tổn thương khi các nước thay đổi chính sách nhập khẩu.

- Philippines và Indonesia hiện là hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của gạo Việt Nam. Chỉ cần một thay đổi chính sách tạm ngưng nhập khẩu hoặc giảm hạn ngạch, doanh nghiệp sẽ đối mặt ngay với tồn kho lớn.
- Ví dụ, năm 2025, Philippines tạm ngưng nhập gạo từ Việt Nam trong 2 tháng, khiến nhiều doanh nghiệp bị chậm xuất khẩu, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền.
- AAN chưa đa dạng hóa đủ thị trường để giảm rủi ro, trong khi việc mở rộng sang Châu Âu, Nhật Bản hay Trung Đông đòi hỏi thời gian và đầu tư đáng kể.

Chính sách nhập khẩu bất ngờ từ các quốc gia đối tác có thể khiến doanh thu xuất khẩu AAN sụt giảm mạnh trong ngắn hạn, đồng thời gây rủi ro tồn kho và chi phí tài chính. Điều này có thể làm giảm niềm tin của nhà đầu tư, khiến giá cổ phiếu phản ứng tiêu cực ngay khi có thông tin bất lợi.

Để hạn chế rủi ro từ biến động chính sách và thị trường xuất khẩu, AAN định hướng tiếp tục đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, từng bước giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Đồng thời, Công ty tăng cường phát triển kênh tiêu thụ nội địa và các dòng sản phẩm giá trị gia tăng nhằm tạo nguồn doanh thu ổn định bổ trợ cho hoạt động xuất khẩu. Công ty cũng chủ động theo dõi sát diễn biến chính sách tại các thị trường trọng điểm và linh hoạt trong kế hoạch bán hàng, qua đó góp phần giảm thiểu rủi ro gián đoạn xuất khẩu và áp lực tồn kho trong các giai đoạn biến động.

#### f) Rủi ro chi phí đầu vào và logistics

Chi phí đầu vào và logistics biến động mạnh khiến AAN dễ bị thu hẹp biên lợi nhuận trong môi trường cạnh tranh gay gắt.

- Giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bao bì... thường xuyên biến động theo giá dầu và chính sách nhập khẩu.
- Chi phí logistics quốc tế đang ở mức cao, đặc biệt trong bối cảnh giá dầu tăng và xung đột địa chính trị làm gián đoạn chuỗi vận tải biển.
- AAN khó có thể chuyển toàn bộ chi phí tăng thêm sang khách hàng do giá gạo quốc tế bị chi phối bởi các đối thủ cạnh tranh (Thái Lan, Ấn Độ).

Nếu chi phí đầu vào và logistics tiếp tục tăng, biên lợi nhuận ròng của AAN có thể thu hẹp đáng kể. Điều này làm cho kết quả kinh doanh thực tế thấp hơn kỳ vọng, ảnh hưởng trực tiếp đến định giá cổ phiếu và sự quan tâm của nhà đầu tư.

Ngoài ra, AAN định hướng tăng cường kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả vận hành toàn chuỗi. Công ty từng bước mở rộng vùng nguyên liệu liên kết nhằm chủ động hơn về giá đầu vào, đồng thời đàm phán với nhà cung cấp và đối tác vận chuyển để ổn định chi phí.

**Tổng kết chung:** Tổng thể, Công ty nhận thức đầy đủ rằng các rủi ro nêu trên có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: biến động giá lúa gạo ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và biên lợi nhuận; cạnh tranh xuất khẩu tạo áp lực lên thị phần và giá bán; biến đổi khí hậu làm gia tăng rủi ro vùng nguyên liệu và chi phí đầu vào; còn xung đột Trung Đông và các yếu tố địa chính trị làm tăng chi phí logistics, tác động đến kế hoạch giao hàng và hiệu quả vận hành. Trên cơ sở đó, Công ty A An đã và đang triển khai đồng bộ các biện pháp quản trị rủi ro, bao gồm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, củng cố vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực bảo quản – chế biến, kiểm soát tồn kho và theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn và bền vững trong trung và dài hạn

#### 4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty còn tồn tại một số hạn chế, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Để giảm thiểu rủi ro quản trị công ty, AAN đã xây dựng các cơ chế đảm bảo tính độc lập trong quản trị, cụ thể như sau:

- **Về cơ chế đảm bảo tính độc lập trong quản trị và kiểm soát giao dịch với các bên liên quan:** Công ty hoạt động trên cơ sở Điều lệ tổ chức và các quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Quy chế công bố thông tin đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Chức năng quản trị, giám sát và điều hành được phân định rõ ràng giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành; trong đó Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh hằng ngày, chịu sự kiểm tra, giám sát trực tiếp từ Hội đồng quản trị và cơ chế giám sát độc lập của Ban Kiểm soát.

- **Về cơ chế đảm bảo tính độc lập trong hoạt động điều hành:** Ban Điều hành Công ty hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, đảm bảo tính độc lập trong việc ra quyết định điều hành vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện tại gồm 05 thành viên, trong đó có thành viên Hội đồng quản trị độc lập là ông Đoàn Nhật Tân thực hiện chức năng giám sát, phản biện, tham gia ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề quan trọng, đặc biệt là các giao dịch với bên liên quan, qua đó góp phần đảm bảo các quyết định được ban hành khách quan và hạn chế rủi ro xung đột lợi ích.

- **Đối với các giao dịch với bên liên quan:** Công ty áp dụng cơ chế kiểm soát chặt chẽ theo quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Các giao dịch này đều được nhận diện, rà soát và phê duyệt theo đúng thẩm quyền; các cá nhân có lợi ích liên quan thực hiện kê khai đầy đủ và không tham gia thảo luận, biểu quyết đối với các nội dung có khả năng phát sinh xung đột lợi ích. Đồng thời, các giao dịch được thực hiện trên nguyên tắc độc lập, minh bạch, theo giá thị trường và chịu sự giám sát độc lập nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin của công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Các giao dịch với bên liên quan và các thông tin quan trọng khác đều được công bố đầy đủ, kịp thời, đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin của cổ đông và nhà đầu tư.

- **Kiểm soát xung đột lợi ích với công ty mẹ:**

Công ty thiết lập cơ chế kiểm soát xung đột lợi ích với công ty mẹ cụ thể như sau:

(i) Tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin và phê duyệt giao dịch với bên liên quan;

- (ii) Thiết lập và duy trì các quy chế nội bộ về quản trị công ty, trong đó có cơ chế nhận diện, kiểm soát và xử lý xung đột lợi ích;
- (iii) Vai trò kiểm soát độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban Kiểm soát: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban Kiểm soát có chức năng giám sát và phân biệt độc lập đối với tất cả các quyết định có liên quan đến công ty mẹ hoặc có khả năng ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Giám đốc có lợi ích liên quan đến công ty mẹ phải thực hiện nghĩa vụ kê khai đầy đủ và không tham gia biểu quyết đối với các nội dung có khả năng phát sinh xung đột lợi ích;
- (iv) Cam kết bảo vệ lợi ích của cổ đông thiểu số: Công ty cam kết không sử dụng tài sản, nguồn lực hoặc cơ hội kinh doanh của Công ty A An vì lợi ích riêng của công ty mẹ hoặc cổ đông lớn theo cách gây bất lợi cho Công ty và các cổ đông khác. Mọi hỗ trợ về nguồn lực giữa các pháp nhân trong cùng nhóm (nếu có) đều được thực hiện trên cơ sở hợp đồng rõ ràng, điều kiện công bằng và được phê duyệt theo đúng thẩm quyền;
- (v) Công bố thông tin minh bạch về giao dịch với bên liên quan: Toàn bộ các giao dịch phát sinh với công ty mẹ và các bên liên quan được nhận diện, ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính kiểm toán và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

#### **5. Rủi ro khác**

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM**

#### **1. Khái niệm**

- Bản cáo bạch : Bản cáo bạch là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc niêm yết chứng khoán của Công ty.
- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Lương thực A An
- Tổ chức kiểm toán : Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực A An đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua
- Vốn điều lệ : Tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Lương thực A An
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu : Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Lương thực A An
- Người có liên quan : Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

#### **2. Từ viết tắt**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- Công ty/AAN/A An : Công ty Cổ phần Lương thực A An
- CTCP : Công ty cổ phần
- CP : Cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- BKS : Ban Kiểm soát
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CCCD : Căn cước Công dân
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- BCTC : Báo cáo tài chính

- NNB : Người nội bộ
- Thuế GTGT : Thuế giá trị gia tăng
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- VND : Việt Nam đồng
- SGDCK : Sổ Giao dịch Chứng khoán
- VSDC : Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- TP. : Thành phố
- HĐ : Hợp đồng
- BLĐ : Ban lãnh đạo

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**1. Thông tin chung về Tổ chức đăng ký niêm yết:**

- Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN
- Tên viết tắt : A AN FOOD ., JSC
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : A AN FOOD JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109510866 do Sở đăng ký doanh nghiệp Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 27/01/2021, thay đổi lần thứ 07 ngày 25/12/2025
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại : 19006869
- Số fax : Không có
- Website : <https://aan.vn/>
- Vốn điều lệ : 650.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi tỷ đồng)
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Trương Đức Nam - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính:

**Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh**

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	<b>Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)</b>	<b>4631 (Chính)</b>
2	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
3	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
4	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
5	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
6	Xay xát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở)	1061

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Lương thực A An thành lập vào ngày 27/01/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 27/01/2021, thay đổi lần thứ 07 ngày 25/12/2025, với số vốn điều lệ thực góp ban đầu là 100 tỷ đồng. Đến nay, AAN có vốn điều lệ là 650 tỷ đồng. Các dấu mốc quan trọng của Công ty như sau:

### Năm 2021:

- Tháng 01/2021: Thành lập công ty vốn điều lệ đăng ký 250 tỷ đồng.
- Tháng 10/2021: Giảm vốn điều lệ thành lập thực góp 100 tỷ đồng.
- Tháng 12/2021: Thành lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### Năm 2022:

- Tháng 12/2022: Năm giữ 99% Nhà máy gạo Yến Đăng tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang),

### Năm 2023:

- Tháng 03/2023: Nhận chuyển nhượng thương hiệu gạo A An.
- Tháng 05/2023: Sở hữu nhà máy gạo Đồng Tháp (nay là tỉnh Tiền Giang).
- Tháng 06/2023: Sở hữu nhà máy gạo Hòa Bình tỉnh An Giang.
- Tháng 07/2023: Tăng vốn điều lệ lên 350 tỷ đồng.

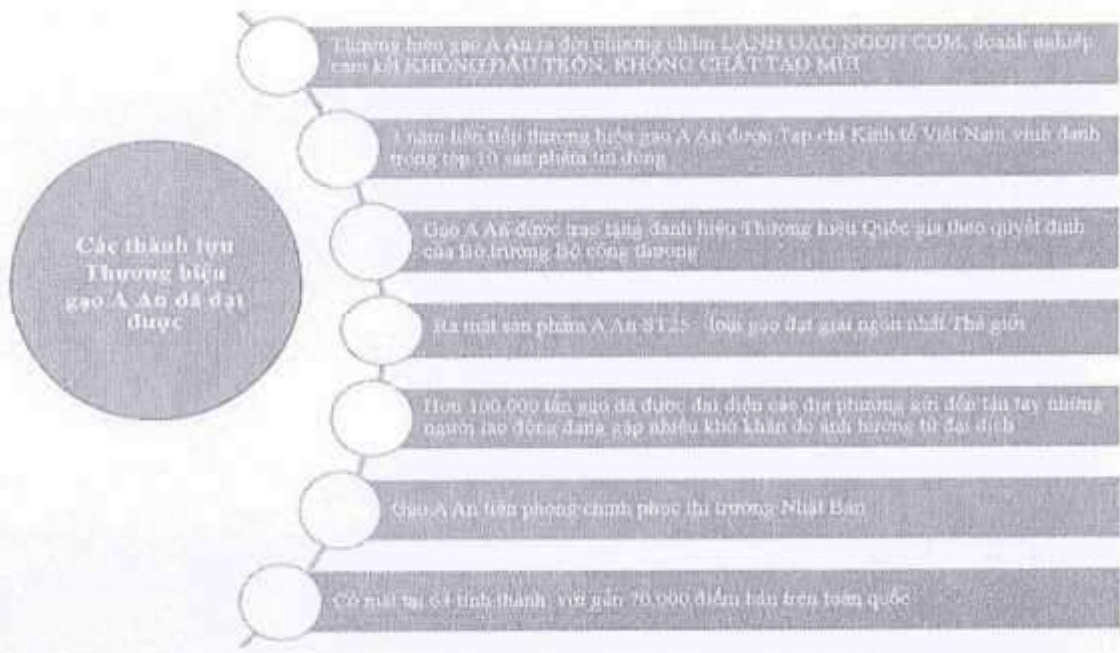
### Năm 2024:

- Tháng 11/2024: đạt chứng nhận Công ty có sản phẩm đạt thương hiệu Quốc gia Việt Nam trong chương trình Thương hiệu Quốc gia Việt Nam do Bộ Công thương tổ chức

### Năm 2025:

- Tháng 07/2025: Công ty trở thành công ty đại chúng với vốn điều lệ 350 tỷ đồng.
- Được Bộ Công thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Xuất khẩu gạo số 376/9-2025-TP.HN/GCN ngày 23/09/2025.
- Tháng 11/2025: Thực hiện chào bán thành công 30 triệu cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và tăng vốn điều lệ lên 650 tỷ đồng.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

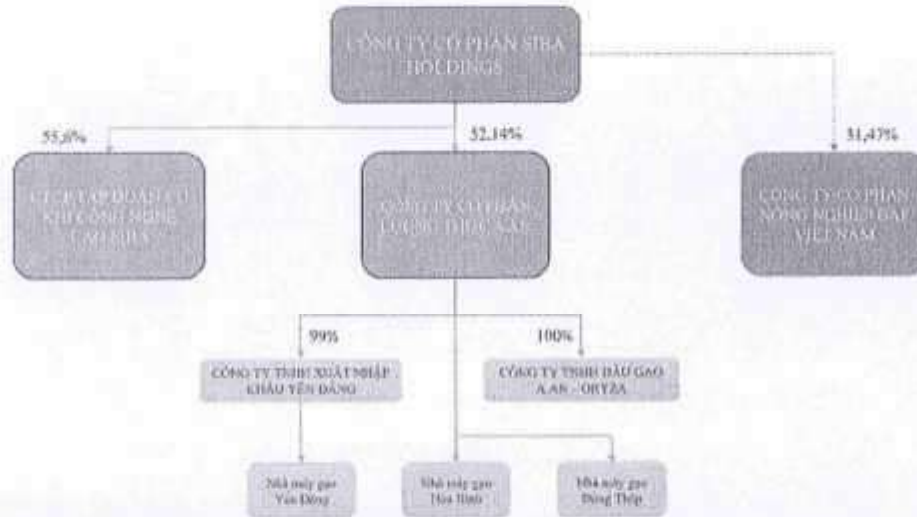


**Hình ảnh các thành tựu đạt được:**



**3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết**

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

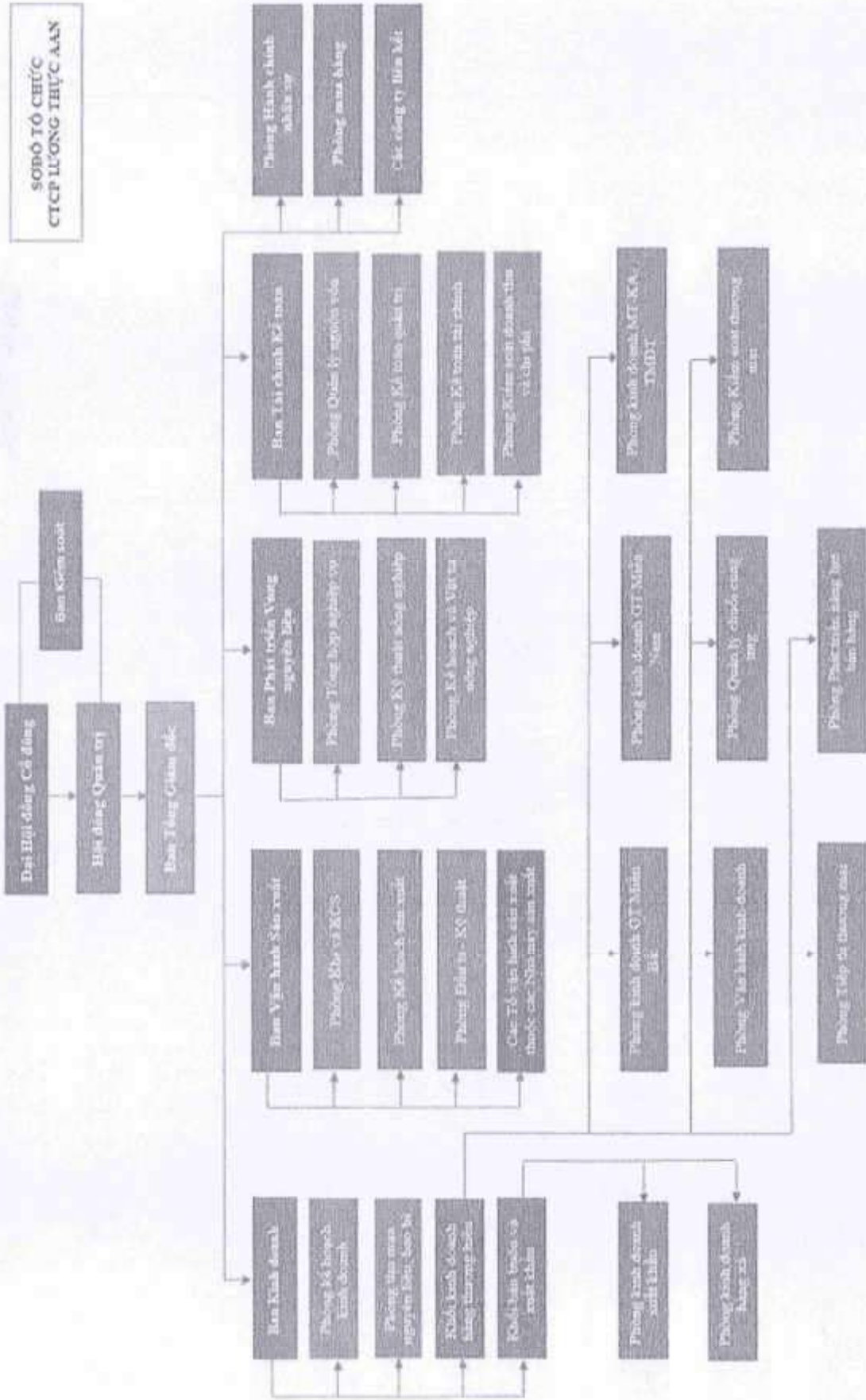


Công ty cổ phần Lương thực A An được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty hoạt động kinh doanh đa ngành, phát triển trên nền tảng ngành sản xuất, chế biến và kinh doanh lúa gạo. Đến thời điểm hiện tại, công ty có 02 công ty con, 03 nhà máy gạo - Chi tiết các công ty con được trình bày ở mục IV.5 Bản cáo bạch này.

#### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết

Để chuẩn bị cho công tác quản trị công ty trước khi trở thành công ty đại chúng và mục tiêu niêm yết cổ phiếu thành công, Công ty đã từng bước xây dựng lộ trình quản trị trên tinh thần tuân thủ nguyên tắc và nội dung quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo quy định tại Điều 40, 41 Luật Chứng khoán năm 2019 và sẽ thực hiện đầy đủ theo các quy định, hướng dẫn tại Chương VIII: Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng - Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã triển khai được một số hoạt động quản trị như sau:

- Thông qua áp dụng điều lệ công ty theo mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.04/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2025;
- Kiện toàn bộ máy về Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đáp ứng đúng điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 24.03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2025;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025;
- Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty tại Nghị quyết HĐQT số 15.8/2025/NQ-HĐQT ngày 15/08/2025.



#### **4.1 Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.

#### **4.2 Hội đồng quản trị**

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động.

#### **4.3 Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.

#### **4.4 Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ban hành những chính sách, quy trình, quy định phù hợp riêng cho từng mảng hoạt động đảm bảo tối ưu về vận hành và giảm thiểu rủi ro và chi phí hoạt động;
- Luôn luôn quan sát, theo dõi sát sao sự vận hành của hệ thống đảm bảo mọi hoạt động của công ty, của từng phòng ban luôn đi đúng hướng theo định hướng và chiến lược đã được HĐQT đề ra và luôn có những hướng dẫn, chỉ đạo và quyết định xử lý kịp thời nếu có dấu hiệu lệch hướng;
- Ban hành chính sách thưởng – phạt phân minh nhằm tạo động lực kích thích tinh thần làm việc của toàn bộ CBCNV công ty cũng như có những răn đe chính đáng nhằm tránh rủi ro về mất nhân sự và tài sản.

#### **4.5 Ban Kinh doanh**

##### **❖ Chức năng**

- Ban kinh doanh vận hành theo mô hình quản lý tập trung, điều phối hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm mua hàng nguyên liệu, bán hàng xá, bán cung ứng xuất khẩu và xuất khẩu trực tiếp (bao gồm uỷ thác xuất khẩu nếu có).
- Ban kinh doanh là bộ phận tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong hoạt động phân tích thị trường lúa gạo, lập kế hoạch mua bán hàng hoá.
- Ban kinh doanh đảm bảo vận hành kiểm tra, kiểm soát các hoạt động liên quan bán hàng cung ứng nội địa, bán hàng xuất khẩu và thu mua hàng nguyên liệu.

##### **❖ Nhiệm vụ**

- Phân tích về thị trường, nhu cầu tiêu thụ, khả năng mua hàng, tồn kho hàng hoá từ đó đưa ra đề xuất mua hàng, bán hàng.

- Điều phối hoạt động mua hàng nguyên liệu lúa, gạo nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh theo chủ trương của Ban lãnh đạo Công ty.
- Điều phối hoạt động bán hàng cung ứng nội địa và xuất khẩu theo đúng chủ trương Ban lãnh đạo Công ty.
- ❖ **Quyền hạn.**
- Được quyền điều phối hoạt động mua bán lúa, gạo theo chủ trương đã được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt.
- Lập kế hoạch mua hàng, bán hàng nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh Công ty theo đúng chủ trương của Ban lãnh đạo.
- Được quyền phối hợp với Ban Vận hành Sản xuất trong các hoạt động mua bán hàng, sản xuất trả đơn hàng.
- Được quyền yêu cầu Ban tài chính phối hợp cung cấp thông tin về thanh toán, theo dõi công nợ bán hàng nhằm đảm bảo cho công tác mua hàng và bán hàng được thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo đúng chủ trương Ban lãnh đạo đề ra.
- Đánh giá hiệu quả công việc, đề xuất khen thưởng, kỷ luật nhân sự thuộc phạm vi vận hành của Ban kinh doanh.

#### **4.6 Ban vận hành sản xuất**

##### **a) Chức năng:**

- Công tác Logistics: Sắp xếp, chọn lựa phương thức và phương tiện vận chuyển phù hợp, kịp thời đáp ứng nhu cầu nhập - xuất hàng hóa; điều phối phương tiện vận chuyển từ khâu mua hàng, bán hàng và chuyển hàng hoá nội bộ phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp quản lý công tác giao nhận, đảm bảo giao nhận hàng đầy đủ, đúng loại, không để xảy ra tình trạng thất thoát và kịp tiến độ giao hàng theo đúng kế hoạch.
- Lập kế hoạch sản xuất, luân chuyển hàng nội bộ, theo dõi đóng hàng túi, hàng xá và hàng đã xuất lên phương tiện vận chuyển... triển khai tổ chức thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tăng năng suất. Thiết lập, duy trì và cải tiến quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá hiệu suất sử dụng kho chứa, năng suất hoạt động của các dây chuyền sản xuất, đề xuất giải pháp cải thiện làm tăng năng suất.

##### **b) Nhiệm vụ.**

###### **\* Nhiệm vụ Logistics.**

- Tiếp nhận thông tin kế hoạch vận chuyển lúa/gạo/cám, vật tư... của các bộ phận liên quan.
- Lập kế hoạch vận chuyển theo yêu cầu và chủ động điều động phương tiện nhận lúa/gạo/cám/vật tư... luân chuyển kho nội bộ, nhận hàng mua cung ứng, vận chuyển hàng xuất khẩu và phương tiện nhận hàng tàu nội địa đúng tiến độ.
- Theo dõi nhập liệu thông tin các phương tiện vận chuyển, đảm bảo đầy đủ thông tin phương tiện, giao nhận, theo dõi hao hụt, đăng tải,... Tổng hợp phân tích số liệu, lập báo cáo theo dõi vận chuyển theo tuần, tháng. Báo cáo đăng tải hàng ngày.

- Thường xuyên rà soát cung đường, giá vận chuyển, các chính sách đôi nhậ để có sự điều chỉnh thay đổi phù hợp trong vụ cao điểm và ngoài vụ thấp điểm.
- Đề xuất trình duyệt giá vận chuyển đối với các cung đường mới phát sinh. Trình phê duyệt cho các lô hàng vận chuyển gấp, các lô hàng phát sinh đặc biệt.
- Hoàn thiện hồ sơ chứng từ hợp đồng, phụ lục, tờ trình,... liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty.
- Mở rộng tìm kiếm các đơn vị vận tải phục vụ cho hoạt động vận chuyển. Thực địa khảo sát thường xuyên các tuyến vận chuyển đường thủy.

**\* Nhiệm vụ Kho bao bì Tổng.**

- Phối hợp theo dõi về nhập – xuất tại kho, bao bì tồn kho; thiết lập sơ đồ kho, vị trí, loại bao, số lượng để dễ nhận dạng cây hàng.
- Thường xuyên kiểm tra kho Bao bì đảm bảo đúng số lượng, chất lượng, đúng quy định; thực hiện các đề xuất bán thanh lý bao bì phế không thể tái sử dụng.

**c) Quyền hạn.**

- Đánh giá kết quả tổng hợp thông tin báo giá vận chuyển, đàm phán, thương thảo hợp đồng, đề xuất Ban giám đốc phê duyệt chọn đơn vị thực hiện. Kết hợp tổ chức đánh giá khách hàng uy tín hàng năm.
- Lập kế hoạch và chuẩn bị cho công tác vận chuyển, chọn lựa phương tiện vận chuyển phù hợp.
- Theo dõi và giám sát chặt chẽ quá trình giao nhận hàng, đảm bảo chất lượng, số lượng, chuẩn loại và đúng tiến độ.
- Thực hiện sản xuất theo kế hoạch, luân chuyển hàng nội bộ, theo dõi đóng hàng túi, hàng xá và hàng đã xuất lên phương tiện vận chuyển...
- Theo dõi, kiểm tra chất lượng nguồn hàng hoá đầu vào, công đoạn sản xuất, xuất hàng, kiểm tra từng phương thức sản xuất tại nhà máy/kho phù hợp kế hoạch sản xuất.
- Xây dựng số lượng và khối lượng công việc, thời gian phải hoàn thành công việc, thời điểm bắt đầu và kết thúc của mỗi công việc và thứ tự thực hiện các công việc theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt.
- Được yêu cầu, đề nghị các phòng/bộ phận cung cấp các tài liệu có liên quan để thực hiện các công việc cần thiết.
- Đánh giá hiệu quả công việc từng nhân sự, đề xuất, khen thưởng, kỷ luật đối với nhân sự thuộc lĩnh đang quản lý.

**4.7 Ban phát triển Vùng nguyên liệu**

**a) Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ**

- Phối hợp tổ chức các sự kiện hội, họp; kế hoạch làm việc với Sở, Ban ngành, các địa phương trong vùng nguyên liệu. Tham mưu, thực hiện các chính sách, lịch công tác, kế hoạch dự nguồn tài chính (nếu có) ...

- Nghiên cứu, tham mưu cho BLD các vấn đề liên quan đến luật pháp và hệ thống quy định, chính sách, quy trình thủ tục hành chính liên quan đến Ban Phát triển vùng nguyên liệu.
- Phối hợp thiết lập và tổ chức thực hiện các Tiêu chuẩn An Toàn Vệ Sinh Thực phẩm liên quan đến gạo thương hiệu, gạo an toàn thực phẩm, gạo hữu cơ... đang lưu thông và định hướng của Công ty.
- Theo dõi & vận hành Hệ thống Quản lý chất lượng theo yêu cầu của các Tiêu chuẩn hiện có trong vùng nguyên liệu.
- Điều phối, triển khai hoạt động đánh giá bên ngoài/nội bộ như: Đánh giá nhà cung cấp; tiếp và làm việc với các đoàn đánh giá/khách hàng; triển khai đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng thuộc Ban.
- Cập nhật hồ sơ các tiêu chuẩn chất lượng đang áp dụng: chương trình thẩm tra, theo dõi thiết bị đo lường, hiệu chuẩn/kiểm định thiết bị đo lường định kỳ.
- Kiểm soát hồ sơ và đánh giá nhà cung cấp nguyên/nhiên vật liệu có liên quan.
- Kiểm soát quy trình Kiểm soát côn trùng, động vật gây hại; đánh giá và quản lý nhà thầu thực hiện.
- Phối hợp hướng dẫn nông dân cách ghi chép nhật ký theo quy trình đánh giá chất lượng.
- Quản lý, đánh giá nhân sự của Ban, đề xuất chuyển chuyển, đánh giá KPIs, khen thưởng.
- Phối hợp thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ liên quan đến Ban.

**b) Phòng Kỹ thuật nông nghiệp**

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá vùng nguyên liệu, các loại giống, thổ nhưỡng và các nguy hiểm tiềm tàng xung quanh. Theo dõi tiến độ từ khi xử lý đất trồng, sự phát triển, sinh trưởng của cây lúa, hướng dẫn nông dân cách canh tác phù hợp với chất lượng Công ty đã định hướng.
- Thường xuyên xuống đồng cùng nông dân chăm sóc lúa và kiểm tra chất lượng, theo dõi, quan sát quá trình sinh trưởng cây lúa. Tổ chức họp nông dân nông cốt trong việc xây dựng qui trình kỹ thuật.
- Định lượng và thời gian bón phân, phun thuốc hợp lý nhất, đánh giá chất lượng sinh trưởng lúa để đảm bảo chất lượng và năng suất sau thu hoạch.
- Nghiên cứu các loại thuốc phòng, chữa bệnh cho lúa. Phối hợp hướng dẫn nông dân ghi chép sổ sách (nếu có). Đánh giá chất lượng, hiệu quả vật tư nông nghiệp sau khi sử dụng. Tham mưu BLD các chủng loại vật tư chất lượng trên thị trường.
- Cập nhật các kỹ thuật mới trong canh tác lúa, định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân các kiến thức chăm sóc cây lúa, áp dụng công nghệ phù hợp... để nông dân có hiệu quả tốt nhất.
- Kiểm tra sự tuân thủ sử dụng thuốc, vật tư tại các nông hộ (thông qua sổ nhật ký có đầy đủ thông tin về loại vật tư: giống, phân bón, thuốc); đánh giá chung mức độ sâu bệnh hại.
- Phối hợp Phòng phòng Kế hoạch và Vật tư trong việc lập kế hoạch sử dụng vật tư theo từng

giai đoạn sinh trưởng, mùa vụ; cắt, ngưng sử dụng phân bón, ngưng phun thuốc; cắt ngưng nước... báo cáo, trình BLĐ phê duyệt chốt giá khi thu hoạch lúa.

- Cung cấp các thông tin cần lưu ý về chất lượng lúa khác biệt giữa các hộ nông dân cho Tổ thu mua (nếu có).
- Quan hệ tốt với Chính quyền địa phương, nông hộ trong các công tác có liên quan đến dự án.

**c) Phòng kế hoạch và vật tư nông nghiệp**

**❖ Vật tư nông nghiệp**

- Lập kế hoạch phù hợp về công tác quản lý và sử dụng vật tư nông nghiệp vào canh tác lúa tại các vùng nguyên liệu đã liên kết, bao tiêu. Vật tư bao gồm: lúa giống; phân bón vô cơ, hữu cơ và phân bón khác; thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, chế phẩm sinh học; chất xử lý, cải tạo môi trường trong sản xuất lúa, ...
- Phối hợp phân tích, đánh giá chất lượng, giá cả vật tư. Tham mưu, đề xuất giải pháp nhằm sử dụng nguồn vật tư tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí.
- Phối hợp Phòng Kỹ thuật nông nghiệp trong việc lập kế hoạch vật tư trình BLĐ phê duyệt cụ thể theo từng mùa vụ, từng vùng nguyên liệu; xác định số lượng vật tư cần dùng, hoặc đề xuất mua mới hay cần dự trữ sử dụng, đảm bảo chất lượng vật tư khi sử dụng.
- Phân phối lượng vật tư cần dùng kịp thời khi có nhu cầu, đảm bảo số lượng và thời điểm sử dụng, đúng thời gian dự kiến. Quản lý tốt khối lượng vật tư, đề xuất các giải pháp lưu trữ vật tư phù hợp.

**❖ Kế hoạch – Bao tiêu**

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá, lập kế hoạch bao tiêu từng vùng nguyên liệu, chủng loại giống. Theo dõi, tham mưu cho BLĐ trong suốt quá trình từ khi xử lý đất trồng, xuống giống đến khi thu hoạch; công tác vận chuyển lúa về nhà máy sấy.
- Lập danh sách HTX, hộ nông dân tham gia liên kết.
- Tham mưu các hình thức hợp đồng bao tiêu với các Hợp tác xã (HTX), hộ nông dân về diện tích bao tiêu, phương thức sản xuất...
- Phối hợp Phòng kỹ thuật nông nghiệp và địa phương, vùng nguyên liệu, hộ nông dân để lấy thông tin “Lịch gieo sạ” để lên kế hoạch canh tác, xuống giống, thu hoạch, tham mưu chốt giá sau thu hoạch; kế hoạch nhận hàng, đảm bảo phương tiện, thời gian cũng như chất lượng lúa về nhà máy sấy, xay xát.

**4.8 Ban Tài chính - Kế toán**

- Xây dựng và trình Ban Lãnh đạo ban hành và thường xuyên cập nhật các quy định, quy trình trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán cũng như quy định, quy trình khác đảm bảo phục vụ cho công việc hạch toán, thống kê đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với quy định Công ty và sát thực tiễn hoạt động sản xuất - kinh doanh.
- Xây dựng và trình Ban lãnh đạo phê duyệt: Sơ đồ cơ cấu tổ chức, hệ thống chức danh Ban Tài chính - Kế toán; Định biên nhân sự và mô tả công việc Ban Tài chính - Kế toán; quy định, quy

trình đánh giá nhân sự Ban Tài chính - Kế toán

- Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá vốn hàng hóa; Quản lý/kiểm soát chi phí phát sinh của Công ty; Lập kế hoạch chi phí và đánh giá tình hình thực hiện, đưa ra giải pháp tối ưu để tiết giảm chi phí, giá thành sản xuất.
- Theo dõi, hạch toán hàng tồn kho, vật tư, công cụ dụng cụ hiệu quả. Định kỳ tổ chức kiểm kê tài sản, hàng tồn kho.
- Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty để xây dựng và quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tiêu hao vật tư, tính toán giá thành sản phẩm định kỳ (giá thành kế hoạch, giá thành thực tế). Định kỳ phân tích đánh giá kết quả thực hiện giá thành sản phẩm.
- Xây dựng phương án tài chính, kế hoạch dòng tiền và quản lý/kiểm soát tình hình thực hiện, thường xuyên đánh giá nguyên nhân biến động và báo cáo đề xuất/tham mưu kịp thời đến Ban lãnh đạo Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn tối ưu và đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã được Ban lãnh đạo phê duyệt.
- Phân tích, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về hiệu quả đầu tư mua sắm tài sản, máy móc thiết bị, xây dựng, mảng kinh doanh mới,... trước khi quyết định đầu tư; theo dõi, giám sát trong giai đoạn đầu tư; đánh giá hiệu quả đầu tư để có ý kiến/đề xuất kịp thời.
- Hoàn thành nghĩa vụ thuế, lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, làm việc với đoàn thanh tra thuế và kiểm toán.
- Kiểm tra, đối chiếu về các dữ liệu kế toán liên quan đối với báo cáo quyết toán xuất nhập khẩu; Hoàn thiện sổ sách, chứng từ đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- Phân tích, đánh giá rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính - kế toán và tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đối chiếu công nợ định kỳ, đôn đốc các bộ phận liên quan trong việc thu hồi nợ.
- Thực hiện chế độ Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất đến Ban lãnh đạo Công ty về: Báo cáo tài chính; Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo quản trị và các báo cáo, thống kê khác theo yêu cầu.
- Chủ động đề xuất Ban lãnh đạo Công ty giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, nguồn vốn hoạt động, lượng tồn kho phù hợp/an toàn, và các đề xuất khác giúp tối ưu hiệu quả/lợi ích trong hoạt động Công ty.
- Chủ trì triển khai phần mềm quản trị dữ liệu kế toán/ERP của Công ty.
- Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nghiệp vụ chuyên môn cho nhân sự Ban Tài chính - Kế toán.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Công ty.

#### **4.9 Phòng Hành chính nhân sự**

##### **❖ Chức năng hành chính**

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Lãnh đạo Công ty

- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của Công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để BLĐ thuận tiện trong chỉ đạo –điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Quản lý hồ sơ phương tiện, tiếp nhận và điều hành phương tiện phục vụ công tác của các bộ phận.
- Quản lý hồ sơ phương tiện: sổ kiểm định, giấy đăng ký xe, bảo hiểm vật chất, dân sự, nhật ký hành trình, bảo dưỡng, sửa chữa.
- Xây dựng quy trình tiếp nhận và điều hành phương tiện để sử dụng phương tiện của Công ty đúng mục đích và hiệu quả.
- Thực hiện công tác bảo vệ và đưa ra quy chế về công tác vệ sinh nhà máy, phân xưởng, văn phòng.

#### ❖ Chức năng Nhân sự

- Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của Công ty.
- Tổ chức và phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- IT: Quản lý, tổ chức thực hiện công tác hệ thống công nghệ thông tin của Công ty phần cứng.
- Thực hiện các báo cáo nội bộ theo Quy định của Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

#### 4.10 Phòng mua hàng

- Kiểm tra, giám sát và quản lý chung việc mua hàng hóa dịch vụ, vật tư, vận chuyển... của phòng mua hàng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;
- Kiểm tra, giám sát và quản lý chung việc các công trình cải tạo sửa chữa, đầu tư xây dựng mới hoặc mua sắm trang thiết bị mới cho nhà máy;
- Trực tiếp xử lý công việc mua hàng;
- Đánh giá kết quả tổng hợp của nhân viên, kiểm tra thông tin báo giá, đàm phán, thương thảo hợp đồng. Trình phê duyệt chọn đơn vị thực hiện;
- Kiểm tra thông tin báo giá. Kiểm tra trình mail phê duyệt mua hàng hóa dịch vụ. Hỗ trợ đàm phán, thương thảo. Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình mua - giao hàng- bảo hành của hàng hóa, dịch vụ;

- Báo cáo, giải trình với cấp trên khi có yêu cầu;
- Tiếp nhận và giải quyết các phản hồi về thái độ làm việc, tác phong công việc và các vấn đề có liên quan đến nhân sự thuộc phòng ban;
- Một số công việc khác theo yêu cầu của cấp trên.

## 5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết

### 5.1. Công ty mẹ

#### *Công ty Cổ phần Siba Holdings*

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N1, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội
- Vốn điều lệ: 2.139 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 14/10/2021
- Số giấy CNĐKDN: Giấy CNĐKDN số 0109778609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (*Nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội*) cấp lần đầu ngày 14/10/2021, thay đổi lần 3 ngày 27/11/2024
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty tại AAN:

Năm	31/12/2024	31/12/2025
Tỷ lệ sở hữu	52,14 %	52,14 %
Tỷ lệ biểu quyết	52,14 %	52,14 %

### 5.2. Công ty con

Công ty có các công ty con sau:

#### ❖ *Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Dâng*

- Địa chỉ: Số 494 Ấp Tân Quới, Xã Thạnh Đông, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Vốn điều lệ và vốn thực góp: 150 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 28/11/2017
- Số giấy CNĐKDN: 1801581566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (*Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang*) cấp phát đăng ký lần đầu ngày 28/11/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/11/2024.
- Hoạt động kinh doanh chính: Buôn bán thực phẩm, xay xát và sản xuất bột thô.
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty con tại AAN: 0%
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của AAN:

Năm	31/12/2024	31/12/2025
Tỷ lệ sở hữu	99%	99%

Tỷ lệ biểu quyết	99%	99%
------------------	-----	-----

(Nguồn: AAN)

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Doanh thu thuần	232.123.743.470	280.557.757.807
2	Lợi nhuận gộp	2.739.076.699	2.508.931.651
3	Lợi nhuận trước thuế	985.739.898	795.345.763
4	Lợi nhuận sau thuế	788.591.918	636.422.734
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.584.020.073	3.220.442.807

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng)

❖ Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza

- Địa chỉ: Ấp Giồng Cát, xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang.
- Vốn điều lệ và vốn thực góp: 10 tỷ đồng
- Ngày thành lập: 19/07/2024
- Số giấy CNĐKDN: 1602184250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang (Nay là Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp phát Đăng ký lần đầu ngày 19/07/2024
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của công ty con tại AAN: 0%
- Tỷ lệ sở hữu, biểu quyết của AAN:

Năm	31/12/2024	31/12/2025
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%

(Nguồn: AAN)

- Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Doanh thu thuần (*)	0	0
2	Lợi nhuận gộp (*)	0	0

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
3	Lợi nhuận trước thuế	283.013	213.170.910
4	Lợi nhuận sau thuế	226.410	170.536.648
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	226.410	170.763.058

(Nguồn: Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 tự lập của Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza)

(\*) Công ty TNHH Dầu gạo A An – Oryza được thành lập với hoạt động chính là sản xuất dầu gạo. Tuy nhiên, nhà máy hiện vẫn đang trong quá trình đầu tư xây dựng nên công ty chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó chưa ghi nhận doanh thu và lợi nhuận góp từ hoạt động kinh doanh chính. Lợi nhuận sau thuế của công ty trong kỳ chủ yếu đến từ doanh thu và lợi nhuận tài chính phát sinh từ việc cho vay phần vốn góp tạm thời chưa sử dụng.

#### 6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Lương thực A An được thành lập ngày 27/01/2021 bởi 3 cổ đông sáng lập với mức vốn điều lệ thực góp là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), tương ứng với 10.000.000 cổ phần. Sau hơn 04 năm hoạt động, Công ty đã thực hiện 02 lần tăng vốn để nâng mức vốn điều lệ hiện tại của AAN lên 650.000.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi tỷ đồng), tương ứng 65.000.000 cổ phiếu đang lưu hành:

**Bảng 2. Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của AAN**

Stt	Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng thêm (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau tăng (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
1	27/01/2021 - 28/10/2021 (**)	100	100	Góp vốn thành lập	Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội)
2	11/08/2023	250	350	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội)
3	01/10/2025	300	650	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở Tài chính Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty cổ phần Lương thực A An)

(\*\*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần đầu ngày 27/01/2021: Vốn điều

lệ đăng ký thành lập của Công ty là 250 tỷ đồng, tuy nhiên thực tế các cổ đông chỉ góp được 100 tỷ đồng và Công ty đã điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ thành lập từ 250 tỷ đồng xuống 100 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 01 ngày 28/10/2021

**Chi tiết các đợt tăng vốn điều lệ:**

**6.1 Chi tiết góp vốn thành lập:**

**- Phương án phát hành:**

- + Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Lương thực A An.
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Khối lượng cổ phiếu đăng ký góp vốn: 25.000.000 cổ phiếu.
- + Giá trị cổ phiếu đăng ký góp vốn theo mệnh giá: 250.000.000.000 đồng.
- + Hình thức góp vốn: Bằng tiền và tài sản. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Số cổ phần đăng ký góp vốn thành lập	Giá trị (VNĐ)	Hình thức góp vốn
CTCP Tập đoàn Tân Long	18.750.000	187.500.000.000	Góp bằng tiền mặt 6.500.000.000 VND, góp bằng tài sản 181.000.000.000 VND
Ông Trần Hữu Vinh	3.125.000	31.250.000.000	Góp bằng tiền mặt 31.250.000.000 VND
Ông Võ Quang Hải	3.125.000	31.250.000.000	Góp bằng tiền mặt 31.250.000.000 VND
<b>Tổng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>	

**- Cơ sở pháp lý:**

- + Biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập công ty ngày 07/01/2021 với điều lệ đăng ký: 250 tỷ đồng;
- + Nghị quyết 2701/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/01/2021 thống nhất việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lương thực A An với vốn điều lệ đăng ký: 250 tỷ đồng;
- + Giấy CNĐKDN lần đầu, số 0109510866 ngày 27/01/2021 được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là 250.000.000.000 đồng.
- + Quyết định ĐHĐCĐ số 03/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 15/09/2021 về việc điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng xuống 100 tỷ đồng (do các cổ đông không góp đủ vốn đã đăng ký);

- + Giấy CNĐKDN thay đổi lần 01, số 0109510866 ngày 28/10/2021 được cấp bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi tại Giấy CNĐKDN là 100.000.000.000 đồng.
- + Điều lệ Công ty ngày 15 tháng 09 năm 2021, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 100.000.000.000 đồng;
- + Danh sách cổ đông của Công ty được lập tại ngày 15 tháng 09 năm 2021, trong đó có 03 cổ đông sáng lập;
- + Các văn bản pháp lý khác: Biên bản vi phạm hành chính số 161/BB-XPVPHC ngày 11/10/2021 và Quyết định xử phạt hành chính số 161/QĐ-XPVPHC ngày 11/10/2021 trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội về việc vi phạm quy định về thời hạn đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (không điều chỉnh giảm vốn điều lệ do không góp đủ vốn).
- **Kết quả phát hành:**
  - + Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 10.000.000 cổ phiếu.
  - + Giá trị cổ phiếu thực tế phát hành: 100.000.000.000 đồng.
  - + Ngày bắt đầu góp vốn: 06/04/2021;
  - + Ngày hoàn thành góp vốn: 30/06/2021;
  - + Chi tiết góp vốn thực tế của các cổ đông sáng lập:

STT	Cổ đông góp vốn	Góp bằng tiền (đồng)	Góp bằng tài sản (đồng)
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	6.500.000.000	Góp vốn bằng hàng hóa (gạo các loại, bao bì, ...) có giá trị ghi nhận 68.500.000.000 đồng
2	Ông Trần Hữu Vinh	12.500.000.000	-
3	Ông Võ Quang Hải	12.500.000.000	-
	<b>Tổng</b>	<b>31.500.000.000</b>	<b>68.500.000.000</b>

- **Cơ cấu cổ đông sau góp vốn thành lập:** 03 cổ đông, cụ thể:

STT	Tên cổ đông	CCCD/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	0100978593	7.500.000	75%
2	Võ Quang Hải		1.250.000	12,5%
3	Trần Hữu Vinh		1.250.000	12,5%
	<b>Tổng</b>		<b>10.000.000</b>	<b>100%</b>

- **Sử dụng vốn góp thành lập:**
  - + Vốn góp bằng tiền (31,5 tỷ đồng): Thanh toán cho nhà cung cấp bao gồm: Thanh toán tiền nhập khẩu thịt lợn, bò 6,5 tỷ đồng; thanh toán tiền mua gạo: 25 tỷ đồng;

- + Vốn góp bằng tài sản (hàng hóa – 68,5 tỷ đồng): Bổ sung nguồn hàng hóa cho hoạt động kinh doanh của Công ty và đã được bán hết với giá cao hơn giá nhận góp vốn. Công nợ phải thu liên quan đến việc bán hàng trên đã được thu hồi hết.

**6.2 Chi tiết các đợt tăng vốn điều lệ: Tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng**

**- Phương án phát hành:**

- + Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Lương thực A An.
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
- + Khối lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 25.000.000 cổ phiếu.
- + Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo giá phát hành: 250.000.000.000 đồng.
- + Hình thức góp vốn: Bằng tiền và tài sản.
- + Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu trước phát hành	Số cổ phần được quyền mua (***)	Số cổ phần đăng ký mua (***)
CTCP Tập đoàn Tân Long	7.500.000	18.750.000	8.000.000
CTCP Siba Holdings	1.250.000	3.125.000	17.000.000
Ông Võ Quang Hải	1.250.000	3.125.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>

(\*\*\*) Trong đó:

- + Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long không đăng ký mua 10.750.000 cổ phần theo tỷ lệ sở hữu hiện tại và chỉ định cổ phần chào bán cho Công ty Cổ phần Siba Holdings. Quyền mua 8.000.000 cổ phần được Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long thực hiện bằng việc góp vốn bằng tài sản giá trị dự kiến là 80.000.000.000 VND.
- + Cổ đông Võ Quang Hải không đăng ký mua 3.125.000 cổ phần theo tỷ lệ sở hữu hiện tại và chỉ định cổ phần chào bán cho Công ty Cổ phần Siba Holdings.
- + Công ty Cổ phần Siba Holdings đăng ký mua thêm 13.875.000 cổ phần do các cổ đông khác không đăng ký mua. Tổng quyền mua 17.000.000 cổ phần được Công ty Cổ phần Siba Holdings thực hiện bằng việc góp vốn bằng tiền 170.000.000.000 VND.

**- Cơ sở pháp lý:**

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/11/2022 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty từ 100 tỷ đồng lên 350 tỷ đồng;
- + Nghị quyết HĐQT số 0212/NQ-HĐQT-AAN ngày 02/12/2022 về việc thông qua việc góp vốn của Công ty cổ phần Siba Holdings bằng tiền với giá trị 170 tỷ đồng;
- + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15.03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2023 về việc thông qua danh

mục và giá trị tài sản góp vốn của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long với giá trị 80 tỷ đồng;

- + Nghị quyết HĐQT số 18.06/NQ-HĐQT-AAN ngày 18/06/2023 về việc thông qua nhận tài sản góp vốn bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- + Nghị quyết HĐQT số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 13/07/2023 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- + Giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 4, số 0109510866 được cấp ngày 11/08/2023 bởi Cơ quan đăng ký kinh doanh: Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 350.000.000.000 đồng;
- + Điều lệ Công ty ngày 13 tháng 07 năm 2023, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 350.000.000.000 đồng;
- + Danh sách cổ đông của Công ty được lập tại ngày 13 tháng 07 năm 2023, trong đó có 03 cổ đông góp vốn.
- **Kết quả phát hành:**
  - + Khối lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 25.000.000 cổ phiếu.
  - + Giá trị cổ phiếu thực tế phát hành: 250.000.000.000 đồng.
  - + Ngày bắt đầu góp vốn: 01/12/2022;
  - + Ngày hoàn thành góp vốn: 12/07/2023;
  - + Chi tiết góp vốn thực tế của các cổ đông:

STT	Cổ đông góp vốn	Góp bằng tiền (đồng)	Góp bằng tài sản
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	-	Góp vốn bằng nhà máy gạo (bao gồm quyền sử dụng đất, công trình trên đất, máy móc, thiết bị, ...) có giá trị ghi nhận 80.000.000.000 đồng
2	CTCP Siba Holdings	170.000.000.000	-
	<b>Tổng</b>	<b>170.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 03 cổ đông

STT	Cổ đông	CCCD/ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Tập đoàn Tân Long	0100978593	15.500.000	44,29%
2	CTCP Siba Holdings	0109778609	18.250.000	52,14%
3	Võ Quang Hải		1.250.000	3,57%
	<b>Tổng</b>		<b>35.000.000</b>	<b>100%</b>

**- Sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn:**

+ Sử dụng vốn góp bằng tiền (170 tỷ đồng): Đầu tư tài chính số tiền 148,5 tỷ đồng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 28.11/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 và thanh toán cho nhà cung cấp (21,5 tỷ đồng).

+ Sử dụng vốn góp bằng tài sản: bổ sung tài sản, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ các tài sản góp vốn đã được bàn giao theo Biên bản bàn giao tài sản số 1906/2023/BBGNTS/AAN-TL ngày 19/06/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long và Công ty Cổ phần Lương thực A An. Các Tài sản trên được quản lý và sử dụng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực A An tại Đồng Tháp (xã Định An, huyện Lôi Vập, tỉnh Đồng Tháp (*hiện nay là xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp*)).

**6.3 Tăng vốn từ 350 tỷ đồng lên 650 tỷ đồng****- Phương án chào bán:**

+ Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Lương thực A An.

+ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

+ Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu.

+ Khối lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 30.000.000 cổ phiếu.

+ Giá trị cổ phiếu phát hành tính theo giá chào bán: 450.000.000.000 đồng

+ Hình thức chào bán: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

**- Cơ sở pháp lý:**

+ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/BBĐHĐCĐ-AAN ngày 20/06/2025;

+ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/2025/NQĐHĐCĐ-AAN ngày 20/06/2025;

+ Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 339/GCN-UBCK ngày 01/10/2025;

+ Nghị quyết HĐQT số 0809.1/2025/NQ-HĐQT ngày 08/09/2025 về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng;

+ Nghị quyết HĐQT số 0910/2025AAN-NQHĐQT ngày 09/10/2025 về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;

+ Nghị quyết HĐQT số 2411/NQ-HĐQT ngày 24/11/2025 về việc phân phối cổ phiếu lẻ trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025;

+ Nghị quyết HĐQT số 2511/NQ-HĐQT ngày 25/11/2025 về việc kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ Công ty;

+ Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025 của Công ty;

+ Công văn số 8035/UBCK-QLCB ngày 26/11/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của AAN;

+ Nghị quyết HĐQT số 2811/2025/NQ-HĐQT ngày 28/11/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch giải ngân chi tiết nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;

+ Giấy CNĐKDN thay đổi lần thứ 6, số 0109510866 được cấp ngày 17/12/2025 bởi Sở Tài

chính Thành phố Hà Nội, trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 650.000.000.000 đồng.

**- Kết quả chào bán:**

- + Khối lượng cổ phiếu thực tế chào bán: 30.000.000 cổ phiếu.
- + Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 450.000.000.000 đồng.
- + Ngày kết thúc đợt chào bán: 25/11/2025.

***Danh sách cổ đông tham gia mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 14 cổ đông, Công ty xin trình bày như sau:***

Danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua cổ phần phát hành thêm được xác định theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng 24/10/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập, qua đó đảm bảo toàn bộ cổ đông hiện hữu đều được phân bổ quyền mua theo đúng tỷ lệ sở hữu.

Trên cơ sở đó, tất cả cổ đông trong danh sách chốt quyền đều có quyền mua cổ phần phát hành thêm. Tuy nhiên, các cổ đông không trực tiếp thực hiện quyền mua đã thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông khác trong thời hạn theo quy định. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại phương án phát hành, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán và các quy định pháp luật liên quan; Công ty không có sự can thiệp hay hạn chế quyền của cổ đông.

Trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền mua, 14 cổ đông đã thực hiện toàn bộ quyền mua đối với số cổ phần phát hành thêm, do đó số lượng cổ đông đứng tên mua thực tế là 14 cổ đông, trong khi quyền mua ban đầu đã được phân bổ đầy đủ cho toàn bộ cổ đông hiện hữu.

Kết quả thực hiện đợt chào bán đã được Công ty báo cáo đầy đủ tại Báo cáo kết quả phát hành số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025. Trên cơ sở đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 8035/UBCK-QLCB ngày 26/11/2025 về việc đã nhận được Báo cáo kết quả phát hành của Công ty, xác nhận Công ty đã hoàn tất nghĩa vụ báo cáo theo quy định.

Công ty khẳng định:

- Việc phân bổ quyền mua được thực hiện đúng đối tượng theo danh sách cổ đông do VSDC cung cấp;
- Việc chuyển nhượng và thực hiện quyền mua được thực hiện đúng quy định, trong thời hạn của đợt chào bán;
- Kết quả phân phối cổ phần phù hợp với phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không làm phát sinh việc chào bán riêng lẻ hoặc phân phối sai đối tượng;
- Toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến đợt chào bán đã được Công ty công bố thông tin và lưu trữ đầy đủ.

**- Sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn:**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu của Công ty cổ phần Lương thực A An là 450.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (VNĐ)	Thời gian dự kiến thực hiện
-----	-----------	---------------	-----------------------------

<b>I</b>	<b>Thanh toán nợ vay ngân hàng</b>	<b>250.000.000.000</b>	
1	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Hà	166.000.000.000	Quý IV/2025
2	Ngân Hàng Thương Mại Trách Nhiệm Hữu Hạn ESUN - Chi Nhánh Đồng Nai	32.000.000.000	Quý IV/2025
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sơ Giao dịch	52.000.000.000	Quý IV/2025
<b>II</b>	<b>Thanh toán công nợ phải trả cho nhà cung cấp</b>	<b>200.000.000.000</b>	
1	CTCP Nông nghiệp Kiến Nông	107.000.000.000	Quý IV/2025
2	Công ty TNHH Lương thực Gạo Việt	93.000.000.000	Quý IV/2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>450.000.000.000</b>	

**Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:**

Đến ngày 05/12/2025, Công ty đã sử dụng hết toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo đúng phương án sử dụng vốn được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đã thực hiện kiểm toán sử dụng vốn và công bố thông tin theo quy định.

**6.4 Ý kiến của đơn vị kiểm toán về việc tăng vốn điều lệ**

**❖ Ý kiến kiểm toán của đợt tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng lên 350.000.000.000 đồng:**

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 3010.01/2021/NVT2-BCV ngày 08/05/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt về Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến ngày 05 tháng 05 năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực A An, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình góp vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Lương thực A An từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến ngày 05 tháng 05 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu.”

**❖ Ý kiến kiểm toán của đợt tăng vốn từ 350.000.000.000 đồng lên 650.000.000.000 đồng:**

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số: 1212.30/2025/BCV-NVTHN ngày 16/01/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt về Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu từ ngày 06 tháng 05 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty cổ phần Lương thực A An, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình góp vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Lương thực A An từ ngày 06 tháng 05 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn điều lệ đã góp của Chủ sở hữu.”

**7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác**

Từ năm 2024 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên (theo giá trị tổng tài sản của Công ty tại thời điểm góp vốn, thoái vốn).

## 8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 8.1. Cổ phiếu phổ thông

**Bảng 3. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Công ty tại ngày 28/01/2026**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>442</b>	<b>65.000.000</b>	<b>100</b>
1.	Tổ chức	01	33.892.857	52,14
2.	Cá nhân	441	31.107.143	47,86
<b>II.</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.	Tổ chức	0	0	0
2.	Cá nhân	0	0	0
<b>III.</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>442</b>	<b>65.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của VSDC chốt ngày 28/01/2026)

### 8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

### 8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

## 9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:  
Theo Công văn số 4832/UBCK-PTTT ngày 29/08/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có):

Tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/2025/NQĐHĐCĐ-AAN đã thông qua tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 0%;

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm ngày 09/03/2026 theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VSDC: 0% (Link: [https://vsd.vn:9994/VSD\\_PORTAL/ckeditor/601/hweRs\\_Room\\_09.03.2026\\_lan%203.pdf](https://vsd.vn:9994/VSD_PORTAL/ckeditor/601/hweRs_Room_09.03.2026_lan%203.pdf))

## 10. Hoạt động kinh doanh

### 10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Lương thực A An (A An) là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông sản thực phẩm, với trọng tâm là sản xuất, chế biến và phân phối lúa gạo theo mô hình chuỗi giá trị khép kín. A An hiện là một trong những thương hiệu gạo uy tín tại Việt Nam, có năng lực cạnh tranh cao ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu.

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- **Sản xuất và kinh doanh gạo – ngành nghề cốt lõi.** Đây là lĩnh vực hoạt động chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất của Công ty, bao gồm:
  - + Sản xuất – chế biến gạo: Công ty vận hành các nhà máy xay xát, lau bóng và phân loại gạo hiện đại đặt tại các vùng trọng điểm lúa gạo của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Quy trình sản xuất khép kín, đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (ISO, HACCP, BRC).
  - + Kinh doanh và phân phối gạo nội địa: Kênh bán lẻ, si (cung cấp gạo túi thương hiệu Aan), Kênh bán buôn: cung cấp gạo cho các đại lý, bếp ăn công nghiệp, nhà hàng – khách sạn, trường học.
  - + Xuất khẩu và cung ứng xuất khẩu gạo: Gạo thương hiệu A An đã có mặt tại các thị trường lớn như: Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Châu Phi; các thị trường khó tính như Hàn Quốc, Nhật Bản. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục mở rộng cung ứng sang các nước có yêu cầu cao như các nước thuộc khối Liên minh Châu Âu EU, Hoa Kỳ.
- **Cung cấp dịch vụ hỗ trợ:** Ngoài hoạt động kinh doanh sản phẩm, Công ty còn khai thác hiệu quả hệ thống tài sản, nhà xưởng và năng lực chế biến thông qua:
  - + Dịch vụ cho thuê: cho thuê kho lưu trữ nông sản và kho lạnh tại các khu vực trung tâm nguyên liệu hoặc cho thuê phương tiện vận tải.
  - + Dịch vụ gia công gạo: nhận gia công xay xát gạo, đóng gói và xử lý gạo theo yêu cầu cho các đối tác nội địa và xuất khẩu.
- **Kinh doanh sản phẩm khác** (không thường xuyên): A An cũng phát triển một số dòng sản phẩm thực phẩm khác nhằm đa dạng hóa danh mục hàng hóa và đáp ứng xu hướng tiêu dùng:
  - + Thương mại thịt tươi sống và đông lạnh: bao gồm thịt heo, bò nhập khẩu từ các quốc gia có kiểm định nghiêm ngặt.
  - + Thực phẩm chế biến: xúc xích, đồ hộp, thực phẩm ăn liền...
  - + Dầu thực vật: bao gồm dầu gạo, dầu hạt cải – dòng sản phẩm phụ trợ từ quá trình chế biến sâu nông sản.

### 10.1.1 Sản xuất - chế biến lúa gạo

Chất lượng của gạo thành phẩm không chỉ phụ thuộc vào giống lúa, mà còn được quyết định bởi quy trình chế biến sau thu hoạch – một yếu tố mang tính then chốt trong toàn bộ chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo. Để đạt được chất lượng cao, đảm bảo hương vị tự nhiên, độ trắng và độ nguyên vẹn của hạt gạo, việc sấy khô đúng tiêu chuẩn và bảo quản an toàn ngay sau thu hoạch là điều bắt buộc. Tuy nhiên, chế biến mới chính là giai đoạn then chốt để “nâng tầm” sản phẩm từ nông sản thô thành hàng hóa thương phẩm đạt chuẩn quốc tế.




Nhằm làm chủ toàn bộ chuỗi giá trị và kiểm soát chất lượng đầu ra, Công ty Cổ phần Lương thực A An đã đầu tư xây dựng một quy trình công nghệ chế biến gạo khép kín, hiện đại hóa hoàn toàn, được vận hành theo tiêu chuẩn ISO 22000 và HACCP. Hệ thống thiết bị của công ty được nhập khẩu, đảm bảo hiệu suất cao và khả năng xử lý tinh vi từng công đoạn nhỏ nhất.

Quy trình chế biến gạo trắng từ lúa nguyên liệu được tổ chức qua sáu (06) giai đoạn chính như sau:

- Giai đoạn 1: Tiếp nhận nguyên liệu đầu vào. Lúa được tiếp nhận trực tiếp từ các vùng nguyên liệu liên kết (HTX), từ nông dân và các nhà cung cấp, được kiểm tra sơ bộ về độ ẩm, tỷ lệ thuần, tỷ lệ xanh non, tỷ lệ hạt lép – tạp chất, và các chỉ số kỹ thuật cơ bản nhằm sàng lọc nguồn nguyên liệu đạt chuẩn trước khi đưa vào sản xuất.
- Giai đoạn 2: Sấy. Lúa tươi được đưa vào hệ thống sấy tầng sôi – tuần hoàn kín để giảm độ ẩm về mức tiêu chuẩn (13%–14%). Giai đoạn này giúp bảo toàn chất lượng hạt, hạn chế nứt gãy và ngăn ngừa nguy cơ phát sinh vi sinh vật trong quá trình lưu trữ.
- Giai đoạn 3: Bóc vỏ. Lúa khô được chuyển đến máy bóc vỏ trấu. Tại đây, vỏ trấu được loại bỏ khỏi hạt lúa, tạo ra sản phẩm trung gian là gạo lứt. Các phụ phẩm khác bao gồm: cám to, vỏ trấu. Vỏ trấu sau tách được thu gom tái sử dụng làm chất đốt sinh khối.
- Giai đoạn 4: Xát trắng – Lau bóng. Gạo lứt tiếp tục được đưa qua các máy xát trắng, chà bóng nhằm loại bỏ lớp cám mỏng bên ngoài, giúp gạo thành phẩm đạt độ trắng và độ bóng tối ưu theo yêu cầu từng thị trường. Giai đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến yếu tố cảm quan và giá trị thương mại của gạo.
- Giai đoạn 5: Sortex – Phân loại tự động. Gạo trắng sau xát được xử lý bởi hệ thống máy tách màu thông minh. Thiết bị sử dụng công nghệ quang học và AI để phát hiện và loại bỏ các hạt gạo lỗi, hạt sẫm màu, hạt bị hư hỏng hoặc dị vật. Đây là công đoạn then chốt trong việc bảo đảm độ đồng đều và thẩm mỹ của sản phẩm.
- Giai đoạn 6: Định lượng – Đóng gói. Gạo đạt chuẩn sẽ được cân định lượng chính xác bằng máy tự động, đóng gói trong bao bì 2kg, 5kg, 10kg, 25kg, 50kg hoặc bao Jumbo 1 tấn (tùy theo nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu). Mỗi bao sản phẩm đều được dán mã truy xuất nguồn gốc và thông tin kiểm định chất lượng.

Quá trình chuyển hóa hạt lúa thô thành gạo trắng chất lượng cao không chỉ là hoạt động sản xuất thông thường – mà còn là một nghệ thuật của công nghệ chế biến hiện đại. Với sự đầu tư bài bản, quy trình tiêu chuẩn hóa và năng lực vận hành chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Lương thực



<p>- Danh hiệu: Gạo ngon nhất thế giới 2019</p>	 <p>The image shows a 5kg bag of A-an ST25 Lúa Tôm rice. The packaging is white with a green and yellow design. It features the A-an logo at the top, the text 'Linh gạo - Ngọt cơm', and 'ST25 LÚA TÔM'. There are also several award icons at the bottom of the bag.</p>
<p>- Đặc điểm: Hạt thon dài, trắng đều, hương thơm lá dứa đặc trưng. Độ dài trung bình hạt: 7,5 mm.</p> <p>- Đặc tính cơm: Hạt cơm trắng dài, bóng, dẻo nhiều và có vị ngọt tự nhiên. Cơm vẫn mềm dẻo khi để nguội.</p> <p>- Nguồn gốc và xuất xứ: Gạo ST25 được mệnh danh là TOP 1 gạo ngon nhất thế giới 2019, do kỹ sư HỒ QUANG CUA nghiên cứu và phát triển từ giống lúa thơm đặc sản của tỉnh Sóc Trăng. Gạo ST25 mang đến chất lượng hảo hạng, giá trị dinh dưỡng cao.</p>	<p><b>Gạo thơm ST25</b></p>  <p>The image shows a 5kg bag of A-an ST25 Gạo Thơm Đặc Sản rice. The packaging is white with a green and yellow design. It features the A-an logo at the top, the text 'Linh gạo - Ngọt cơm', and 'ST25 GẠO THƠM ĐẶC SẢN'. There are also several award icons at the bottom of the bag.</p>
<p>- Đặc điểm hạt gạo: Thon dài, trắng trong, không bạc bụng. Độ dài trung bình: 6,6 mm.</p> <p>- Chất lượng cơm: Vị ngọt hậu, thơm tự nhiên, dẻo, kết dính đều.</p> <p>- Nguồn gốc: Giống lúa thơm đặc sản được lai tạo tại Sóc Trăng, có chất lượng vượt trội so với các dòng gạo thơm khác, phù hợp xuất khẩu.</p>	<p><b>Gạo Đặc Sản Sóc Trăng ST21</b></p>  <p>The image shows a 5kg bag of A-an ST21 Gạo Thơm Đặc Sản rice. The packaging is white with a green and yellow design. It features the A-an logo at the top, the text 'Linh gạo - Ngọt cơm', and 'ST21 GẠO THƠM ĐẶC SẢN'. There are also several award icons at the bottom of the bag.</p>
<p>- Đặc điểm hạt gạo: Tròn, trắng đều,</p>	<p><b>Gạo Giống Nhật Japonica</b></p>

chiều dài trung bình: 5,1 mm.

- Chất lượng cơm: Dẻo nhiều, mềm mịn, vị ngọt đậm hậu vị.
- Nguồn gốc: Giống lúa có nguồn gốc Nhật Bản, phù hợp thị hiếu tại các thị trường cao cấp như Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông và Trung Quốc.

A-an  
Linh gạo - Ngọt cơm

GIAN HÀNG CHÍNH HÃNG



- Đặc điểm hạt gạo: Hạt to, dài, trắng trong, đẹp mắt.
- Chất lượng cơm: Mềm, thơm nhẹ, giữ độ dẻo khi nguội.
- Nguồn gốc: Giống Đài Thơm 8 do Công ty Giống cây trồng Miền Nam nghiên cứu, có khả năng thích nghi rộng, chất lượng ổn định, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu

### Gạo Đài Thơm 8

A-an  
Linh gạo - Ngọt cơm

GIAN HÀNG CHÍNH HÃNG



- **Gạo xá (Hàng bao lớn):** Bao gói thương mại với quy cách: 20kg, 25kg và 50kg, phục vụ cho nhóm khách hàng là doanh nghiệp sản xuất, chế biến như: bánh gạo, bia, bún, bánh, phở ...; các bếp ăn công nghiệp và cung ứng xuất khẩu cho các thị trường trên thế giới.

#### Các hình thức phân phối gạo nội địa bao gồm:

- **Bán lẻ:** Là hình thức bán hàng trực tiếp đến người tiêu dùng cuối thông qua các kênh phân phối hiện đại như:
  - + Hotline: Khách hàng mua qua hotline 19006869
  - + SAMPLING: Là hoạt động phát sản phẩm miễn phí tại các khu điểm chợ, chung cư nhằm giới thiệu, trưng bày và bán trực tiếp sản phẩm
  - + Siêu thị (Modern Trade), Cửa hàng tiện lợi
  - + Website thương mại điện tử và nền tảng bán hàng online
  - + Sản phẩm phân phối: Gạo túi thương hiệu A An
  - + Giá bán: Theo bảng giá bán lẻ niêm yết do Công ty ban hành định kỳ.
- **Bán sỉ:** Là hình thức bán hàng số lượng lớn cho các đại lý, nhà phân phối cấp I hoặc khách

hàng thương mại, thông qua hệ thống kênh phân phối của Công ty như:

- + Đại lý: Là các thương nhân, tổ chức có cửa hàng để bán buôn, bán lẻ sản phẩm gạo của A An (không bao gồm các siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng tiện ích, cửa hàng 24/24 giờ)
- + HORECA: Là các nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng quy mô lớn có ký HĐ về việc sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn trong quá trình kinh doanh.
- + Quán cơm bình dân: Kinh doanh quán cơm quy mô nhỏ có sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn phục vụ khách hàng
- + Bếp ăn công nghiệp: Bếp ăn tập thể của các công ty, xí nghiệp, căn tin trường học, bệnh viện, ký túc có ký HĐ về việc sử dụng gạo của A An làm nguyên liệu nấu ăn trong quá trình kinh doanh
- + Cơ sở sản xuất: Là các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cá thể có sản xuất các sản phẩm dùng gạo làm nguyên liệu
- + Sản phẩm phân phối: Gạo thương hiệu và gạo xá
- + Giá bán: Theo khung giá bán si do Công ty quy định hoặc phê duyệt theo từng giai đoạn.
- **Bán buôn:** Là hình thức bán hàng với quy mô lớn cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức hoặc thương nhân, thường được giao hàng trực tiếp từ Container hoặc kho trung chuyển của Công ty.
- + Sản phẩm phân phối: Hàng gạo xá
- + Giá bán: Căn cứ theo giá phê duyệt riêng cho từng thương vụ hoặc theo thỏa thuận giá trong hợp đồng, phù hợp với chính sách bán buôn của Công ty từng thời kỳ.

### 10.1.3 Cung ứng xuất khẩu gạo

Công ty Cổ phần Lương thực A An là một trong những đơn vị cung ứng gạo hàng đầu tại Việt Nam, với năng lực sản xuất ổn định, hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và danh mục sản phẩm đa dạng, phục vụ cho hoạt động xuất khẩu thông qua các đối tác trong và ngoài nước.

Gạo mang thương hiệu A An hiện diện tại nhiều thị trường toàn cầu thông qua các nhà xuất khẩu, bao gồm cả những thị trường truyền thống lẫn các thị trường yêu cầu tiêu chuẩn cao như:

- Châu Á: Trung Quốc, Philippines, Malaysia
- Châu Phi: Ghana, Mozambique
- Châu Âu: Đức, Hà Lan
- Các thị trường cao cấp: Mỹ, EU, Nhật Bản

Danh mục gạo A An cung ứng cho xuất khẩu được thiết kế linh hoạt, đáp ứng thị hiếu và yêu cầu chất lượng riêng của từng thị trường:

- Gạo trắng truyền thống (White Rice)
- Gạo thơm cao cấp (ST24, ST25, ST21, Jasmine, Japonica...)
- Gạo lứt dinh dưỡng (Brown Rice)
- Gạo hữu cơ đạt chuẩn quốc tế (Organic Rice)
- Gạo đóng gói thương hiệu riêng (OEM / Private Label Packaging)

Tất cả sản phẩm đều trải qua quy trình kiểm định nghiêm ngặt, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận quốc tế, đặc biệt phù hợp với các thị trường khó tính như EU và Bắc Mỹ.

A An hiện sở hữu hệ thống nhà máy chế biến hiện đại đặt tại các vùng nguyên liệu chiến lược, cùng năng lực vận hành logistics và kho bãi đồng bộ, bảo đảm hiệu quả toàn diện từ khâu tiếp nhận nguyên liệu, sản xuất, đóng gói đến giao hàng. Công ty có khả năng:

- Giao hàng container trực tiếp từ cảng biển, ICD hoặc kho trung tâm
- Cung cấp dịch vụ gia công, đóng gói OEM theo yêu cầu của đối tác xuất khẩu
- Tùy chỉnh sản phẩm, bao bì, mẫu mã theo đặc điểm từng thị trường
- Đảm bảo tiến độ giao hàng, chất lượng ổn định và hỗ trợ thủ tục hải quan trọn gói

Với định hướng trở thành đơn vị cung ứng gạo xuất khẩu hàng đầu, A An không ngừng đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển hệ thống cung ứng và mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần gia tăng giá trị và vị thế của gạo Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

#### 10.1.4 Cung cấp dịch vụ

Bên cạnh hoạt động kinh doanh sản phẩm gạo, Công ty Cổ phần Lương thực A An còn tận dụng hiệu quả hệ thống tài sản cố định, nhà xưởng, kho bãi và dây chuyền chế biến hiện đại để triển khai các dịch vụ hỗ trợ, góp phần gia tăng doanh thu và tối ưu công suất vận hành.

**Dịch vụ cho thuê kho:** Dịch vụ cho thuê kho được cung cấp linh hoạt về diện tích và thời gian thuê, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm. A An hiện sở hữu hệ thống kho bãi đạt tiêu chuẩn tại các vùng nguyên liệu trọng điểm, bao gồm:

- Kho lưu trữ nông sản: Diện tích lớn, điều kiện bảo quản khô ráo, kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm ổn định, đảm bảo chất lượng nguyên liệu trong suốt thời gian lưu trữ.
- Kho lạnh: Phù hợp lưu trữ các loại nông sản có yêu cầu bảo quản đặc biệt hoặc sản phẩm thực phẩm chế biến sâu.

Công ty kiểm soát riêng biệt sản phẩm của mình và sản phẩm khách hàng khi lưu trữ cùng kho bằng cách:

- Phân khu, bố trí vị trí lưu trữ riêng theo từng chủ hàng.
- Quản lý từng lô hàng bằng mã riêng trên hệ thống phần mềm.
- Thực hiện quy trình nhập – xuất và biên bản giao nhận độc lập.
- Kiểm soát điều kiện bảo quản (nhiệt độ, độ ẩm) đồng bộ theo tiêu chuẩn.
- Kiểm kê, đối soát tồn kho định kỳ để đảm bảo minh bạch và chính xác.

**Dịch vụ gia công, chế biến gạo.** Dịch vụ được thực hiện theo quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Với hệ thống dây chuyền chế biến hiện đại và đồng bộ, A An cung cấp dịch vụ:

- Gia công xay xát – đánh bóng – phân loại – đóng gói gạo theo yêu cầu của đối tác.

- Xử lý nguyên liệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật để phục vụ xuất khẩu hoặc phân phối nội địa.
- Đóng gói OEM dưới thương hiệu riêng của khách hàng, phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

#### 10.1.5 Sản phẩm khác

Bên cạnh lĩnh vực cốt lõi là chế biến và kinh doanh lúa gạo, Công ty Cổ phần Lương thực A An còn linh hoạt triển khai hoạt động thương mại đối với một số dòng sản phẩm khác nhằm khai thác hiệu quả hệ sinh thái phân phối, tận dụng cơ hội thị trường và đa dạng hóa nguồn thu.

Các sản phẩm kinh doanh không thường xuyên bao gồm:

- Thực phẩm tươi sống: Thịt lợn, thịt bò nhập khẩu
- Thực phẩm chế biến: Xúc xích, thực phẩm đông lạnh
- Hàng tiêu dùng nhanh (FMCG): Dầu gạo, dầu hạt cải, nước khoáng, v.v.

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm này mang tính linh hoạt, thời vụ và không mang tính chất liên tục, được triển khai dựa trên:

- Nhu cầu và đơn hàng từ đối tác
- Đánh giá tiềm năng thị trường tiêu thụ tại từng thời điểm
- Sự phù hợp với danh mục ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty

Việc tham gia vào các hoạt động thương mại bổ sung giúp Công ty tận dụng lợi thế sẵn có về kênh phân phối, năng lực hậu cần và mối quan hệ đối tác, đồng thời tạo ra cơ hội tăng trưởng doanh thu trong ngắn hạn mà không làm ảnh hưởng đến chiến lược tập trung dài hạn trong ngành lúa gạo

#### 10.1.6 Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của A An là lúa/gạo, mà lúa/gạo gắn liền với các mùa vụ trong năm; vì vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của A An có ảnh hưởng bởi tính thời vụ. Trước đây, Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) chỉ sản xuất 2 vụ lúa chính là đông xuân và hè thu. Từ năm 2000, hệ thống đê bao bắt đầu được xây dựng và diện tích lúa thu đông (vụ 3) được mở rộng, giúp tăng sản lượng lúa, tăng sản lượng gạo xuất khẩu.

Với đặc điểm về thủy văn cũng như cơ cấu mùa vụ các vùng có khác nhau nên ở ĐBSCL thời vụ gieo sạ lúa hè thu diễn ra khá dài, từ cuối tháng 2 đến đầu tháng 6 dương lịch, kéo dài từ vùng Bắc của đồng bằng cho đến tận đất mũi Cà Mau. Thời gian gieo sạ như vậy làm cho cả vùng ĐBSCL lúc nào trên đồng ruộng cũng có lúa, giảm bớt tính ảnh hưởng thời vụ cho các doanh nghiệp thu mua chế biến và xuất khẩu.

Ngoài ra, AAn định hướng ĐBSCL là nơi cung cấp nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó, AAn tập trung nguồn lực đầu tư sở hữu 03 nhà máy tại ĐBSCL với tổng công suất hoạt động như sau:

- Công suất nhập lúa tươi: 750 tấn/ngày
- Công suất sấy: 450 tấn/ngày

- Công suất trũ lúa và gạo: 52.000 tấn

Nhờ kĩ thuật canh tác được cải tiến và sở hữu diện tích kho chứa lớn kèm theo công suất sơ chế (sấy) lúa nhanh đã giúp AAN luôn chủ động được nguồn nguyên liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được thường xuyên liên tục và không bị ảnh hưởng bởi tính chất mùa vụ.

#### 10.1.7 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

##### a) Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực hoạt động

**Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần – Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	2.204.806	100%	3.040.481	99,998%	37,90%
-	Gạo tũ thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ...)	441.133	20,01%	463.033	15,23%	4,96%
-	Gạo xá (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tầm ...)	1.376.691	62,44%	1.859.780	61,17%	35,09%
-	Gạo xuất khẩu, cung ừng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)	307.391	13,94%	561.208	18,46%	82,57%
-	Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)	79.590	3,61%	156.530	5,14%	96,44%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0%	72	0,002%	N/A
-	Doanh thu dịch vụ cho thuê	0	0%	72	0%	N/A
-	Doanh thu dịch vụ gia công, chế biến gạo	0	0%	0	0%	N/A
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.204.806</b>	<b>100%</b>	<b>3.040.553</b>	<b>100%</b>	<b>37,9%</b>

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN

**Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần – Hợp nhất**

Đơn vị: Triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành	2.435.082	99,92%	3.313.648	99,85%	36,08%

	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
	phẩm, phụ phẩm					
-	<i>Gạo túi thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ...)</i>	441.133	18,10%	463.033	13,95%	4,96%
-	<i>Gạo xá (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tầm ...)</i>	1.587.884	65,16%	2.103.839	63,39%	32,49%
-	<i>Gạo xuất khẩu, cung ứng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)</i>	312.831	12,84%	562.132	16,94%	79,69%
-	<i>Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)</i>	93.234	3,83%	184.644	5,56%	98,04%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.848	0,08%	4.985	0,15%	169,75%
-	<i>Doanh thu dịch vụ cho thuê</i>	0	0,00%	72	0,002%	N/A
-	<i>Doanh thu dịch vụ gia công, chế biến gạo</i>	1.848	0,08%	4.913	0,15%	165,85%
	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.436.930</b>	<b>100%</b>	<b>3.318.634</b>	<b>100%</b>	<b>36,18%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Báo cáo riêng (Công ty mẹ):** Trong giai đoạn 2024 – 2025, doanh thu thuần của Công ty mẹ đến từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm, chiếm gần 100% tổng doanh thu. Doanh thu thuần năm 2025 của Công ty đạt 3.040.553 triệu đồng, tương ứng mức tăng trưởng 37,9%. Sự tăng trưởng ấn tượng này phản ánh hiệu quả trong chiến lược tập trung vào ngành hàng chủ lực, cũng như năng lực của Công ty trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ngày càng tăng.

**Báo cáo hợp nhất:** Ở cấp độ hợp nhất, cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch nhẹ: Năm 2024, doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm chiếm tỷ trọng 99,92%, trong khi doanh thu dịch vụ chỉ là 0,08%. Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 2.436.930 triệu đồng, tăng 59,2% so với năm 2023. Năm 2025, tổng doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng nhẹ, đạt 3.318.634 triệu đồng, tăng 36,18% so với năm 2024, trong đó cơ cấu doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm và doanh thu từ cung cấp dịch vụ lần lượt là 99,85% và 0,15%.

#### **Sự chuyển dịch trong cơ cấu doanh thu**

- Cơ cấu doanh thu của AAN có sự chuyển dịch nhẹ, Công ty vẫn tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm lúa gạo. Do đó, Công ty luôn ưu tiên tối đa nguồn lực để khai thác thị trường gạo – mảng có lợi thế vượt trội về quy mô và tốc độ tăng trưởng đảm bảo phù hợp với thực tế từng thời điểm. Xu hướng này phản ánh sự tái định vị chiến lược, tập trung nguồn lực vào ngành hàng đem lại giá trị lớn nhất, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch mở rộng và phát triển sản phẩm mới trong tương lai. Mặc dù doanh thu dịch

vụ hiện chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng vẫn cho thấy dư địa phát triển sang các mảng hỗ trợ như logistics, dịch vụ thương mại và chế biến sâu (được hiểu là quá trình ứng dụng các công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền hiện đại để chuyển đổi nguyên liệu thô, đặc biệt là nông sản, thành các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, chất lượng được cải thiện và đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường. Mục tiêu cốt lõi của chế biến sâu là nâng cao hiệu quả kinh tế, mở rộng vòng đời sản phẩm và giảm thiểu sự phụ thuộc vào biến động giá cả của nguyên liệu thô). Trong bối cảnh ngành gạo Việt Nam đang có nhiều cơ hội từ nhu cầu xuất khẩu tăng cao, AAN hoàn toàn có tiềm năng duy trì đà tăng trưởng doanh thu, tối ưu hóa cơ cấu và hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững trong dài hạn.

**Bảng 6. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ của AAN qua các năm – Công ty mẹ**

Đơn vị: Kg

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
Gạo túi thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ....)	21.492.160	12,88%	21.406.687	8,40%	-0,40%
Gạo xá (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tấm ...)	100.713.200	60,37%	174.328.750	68,44%	73,09%
Gạo xuất khẩu, cung ứng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)	19.968.788	11,97%	36.886.121	14,48%	84,72%
Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)	24.638.685	14,77%	22.104.430	8,68%	-10,29%
<b>Tổng</b>	<b>166.812.832</b>	<b>100%</b>	<b>254.725.988</b>	<b>100%</b>	<b>52,70%</b>

(Nguồn: AAN)

**Bảng 7. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ của AAN qua các năm – Hợp nhất**

Đơn vị: Kg

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
Gạo túi thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ....)	21.492.160	11,46%	21.406.687	7,50%	-0,40%
Gạo xá (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tấm ...)	115.976.200	61,85%	195.286.075	68,39%	68,38%
Gạo xuất khẩu, cung ứng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)	20.368.788	10,86%	36.942.121	12,94%	81,37%
Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)	29.668.939	15,82%	31.931.230	11,18%	7,63%

Sản phẩm, dịch vụ	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
	Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
<b>Tổng</b>	<b>187.506.086</b>	<b>100%</b>	<b>285.566.113</b>	<b>100%</b>	<b>52,30%</b>

(Nguồn: AAN)

**b) Lợi nhuận gộp qua các năm**

**Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	118.489	100,00%	185.031	99,98%	56,16%
-	Gạo tẻ thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ...)	61.332	51,76%	77.337	41,79%	26,10%
-	Gạo xù (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tầm ...)	42.655	36,00%	75.794	40,95%	77,69%
-	Gạo xuất khẩu, cung ứng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)	14.347	12,11%	30.621	16,55%	113,43%
-	Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)	155	0,13%	1.279	0,69%	725,16%
2	Cung cấp dịch vụ	0	0,00%	36	0,02%	N/A
-	Dịch vụ cho thuê	0	0,00%	36	0,02%	N/A
-	Dịch vụ gia công, chế biến gạo	0	0,00%	0	0,00%	N/A
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>118.489</b>	<b>100%</b>	<b>185.067</b>	<b>100%</b>	<b>56,19%</b>

(Nguồn: AAN, BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp – Hợp nhất**

Đơn vị: Triệu đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
1	Bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	120.675	99,55%	184.811	98,53%	53,15%

	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm (%)
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	
-	Gạo tẻ thương hiệu (ST21, ST24, ST25, Japo, An Lành ....)	61.332	50,60%	77.337	41,23%	26,10%
-	Gạo xù (504, 5451, OM18, Đài thơm, Tâm ...)	44.658	36,84%	75.582	40,30%	60,25%
-	Gạo xuất khẩu, cung ứng xuất khẩu (Japonica, Jasmine)	14.460	11,93%	30.617	16,32%	111,74%
-	Sản phẩm khác (phế, cám, trấu ...)	225	0,19%	1.275	0,68%	466,67%
2	Cung cấp dịch vụ	546	0,45%	2.758	1,47%	405,13%
-	Dịch vụ cho thuê	0	0,00%	36	0,02%	N/A
-	Dịch vụ gia công, chế biến gạo	546	0,45%	2.722	1,45%	398,53%
	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>121.221</b>	<b>100%</b>	<b>187.569</b>	<b>100%</b>	<b>54,73%</b>

(Nguồn: AAN, BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

Trong giai đoạn 2024–2025, lợi nhuận gộp của Công ty mẹ đến 100% từ hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm. Cơ cấu nguồn tạo lợi nhuận gộp không phân tán, phản ánh chiến lược tập trung cao độ vào ngành hàng chủ lực, nhờ đó quy mô doanh thu được mở rộng và chuỗi vận hành được tối ưu theo chiều sâu của máng lúa gạo. Cụ thể:

- Năm 2024, lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ so với năm 2023 lên 118,5 tỷ đồng, dẫn đến biên lợi nhuận gộp giảm còn 5,37%. Sự suy giảm này phản ánh việc Công ty ưu tiên chiến lược tăng trưởng sản lượng và mở rộng thị phần, chấp nhận giảm biên lợi nhuận ngắn hạn để xây dựng nền tảng doanh thu bền vững cho dài hạn.

Về lợi nhuận gộp tuyệt đối tăng nhẹ +1,2%, cho thấy Công ty duy trì được năng lực tạo lợi nhuận ở mức ổn định trong bối cảnh chi phí đầu vào biến động. Biên lợi nhuận gộp giảm 3,48 điểm % (từ 8,85% xuống 5,37%), chủ yếu do:

- (i) chính sách giá mang tính cạnh tranh để nhanh chóng mở rộng quy mô/chiếm lĩnh thị phần;
- (ii) cơ cấu sản phẩm và thị trường thiên về các phân khúc có biên thấp hơn trong ngắn hạn;
- (iii) áp lực chi phí nguyên liệu và logistics ở một số thời điểm.

- Duy trì mức tăng trưởng tới năm 2025, lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 185 tỷ đồng, tăng 56,19% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả rõ nét của việc mở rộng quy mô doanh thu, gia tăng sản lượng tiêu thụ và cải thiện hiệu suất vận hành trong chuỗi giá trị lúa gạo. Đồng thời, việc bắt đầu ghi nhận lợi nhuận gộp từ dịch vụ cho thấy Công ty đang từng bước đa dạng hóa hoạt động, tạo tiền đề cho các mảng bổ trợ trong tương lai.

**Báo cáo hợp nhất:** lợi nhuận gộp của AAN được ghi nhận từ hai nguồn chính: bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm và cung cấp dịch vụ. Tỷ trọng lợi nhuận gộp cho thấy xu hướng tập trung hóa mạnh mẽ vào mảng cốt lõi.

- Năm 2024: Lợi nhuận gộp đạt 121,2 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức năm 2023, khiến biên lợi nhuận gộp chỉ còn 4,97%. Đáng chú ý, lợi nhuận gộp hầu như tập trung vào hoạt động bán hàng (99,6%), trong khi mảng dịch vụ giảm mạnh, chỉ chiếm 0,5%. Về lợi nhuận gộp giảm nhẹ 5,3%, nguyên nhân chính đến từ mảng dịch vụ suy giảm mạnh (-07,8% về giá trị; tỷ trọng I.NG từ 5,06% xuống 0,45%). Trong khi đó, lợi nhuận gộp mảng bán hàng gần như giữ ổn định, khẳng định nền tảng sinh lời cốt lõi của AAN vẫn vững.

- Đến năm 2025, lợi nhuận gộp hợp nhất tăng lên 187.569 triệu đồng, tương ứng mức tăng 54,73% so với năm 2024. Trong cơ cấu này, lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, thành phẩm và phụ phẩm vẫn đóng vai trò chủ đạo (98,53%), trong khi lợi nhuận gộp từ dịch vụ tăng mạnh cả về giá trị và tỷ trọng, đạt 2.758 triệu đồng, chiếm 1,47% tổng lợi nhuận gộp hợp nhất.

Cơ cấu lợi nhuận gộp của AAN phản ánh rõ định hướng tập trung vào ngành nghề chủ lực, giúp Công ty duy trì được nguồn lợi nhuận ổn định bất chấp biến động thị trường. Sự giảm tỷ trọng lợi nhuận từ dịch vụ cho thấy AAN đang chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh, dành nguồn lực cho lĩnh vực có giá trị vượt trội hơn. Trong bối cảnh nhu cầu gạo xuất khẩu Việt Nam tiếp tục duy trì xu hướng tăng, AAN có nhiều cơ hội cải thiện biên lợi nhuận gộp trong những năm tới nhờ mở rộng quy mô, đầu tư chế biến sâu và nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Bên cạnh đó, biên lợi nhuận gộp của AAN hiện đang duy trì ở mức tương đối thấp (khoảng 5-6%), phản ánh đúng đặc thù mô hình kinh doanh của Công ty và cấu trúc ngành lúa gạo. Hoạt động cốt lõi của AAN là sản xuất, chế biến và kinh doanh gạo, trong đó chi phí lúa, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá vốn. Thứ nhất, giá bán gạo thành phẩm chịu sự cạnh tranh cao và neo theo mặt bằng giá thị trường trong nước và xuất khẩu, khiến dư địa chênh lệch thương mại bị giới hạn về mặt cấu trúc. Thứ hai, dù A An đang triển khai mô hình chuỗi giá trị tích hợp, Công ty vẫn kết hợp thu mua nguyên liệu từ nhiều nguồn, bao gồm cả thương lái bên cạnh vùng liên kết trực tiếp. Nguồn thu mua thị trường thường có mức chi phí đầu vào kém tối ưu hơn so với vùng nguyên liệu kiểm soát sâu, từ đó phân nào hạn chế khả năng mở rộng biên gộp trong ngắn hạn. Thứ ba, hoạt động chế biến gạo của A An có quy mô công nghiệp với hệ thống sấy, xay xát, lau bóng, phân loại và đóng gói hiện đại. Việc vận hành chuỗi chế biến sâu kéo theo chi phí sản xuất trực tiếp tương đối lớn, bao gồm điện năng, nhân công vận hành, vật tư bao bì và khấu hao máy móc thiết bị. Trong giai đoạn Công ty tiếp tục mở rộng công suất và kênh phân phối, các chi phí cố định này có thể chưa được hấp thụ tối ưu, qua đó làm giá vốn trên đơn vị sản phẩm còn ở mức cao.

## 10.2 Tài sản

### Bảng 10. Tài sản cố định theo báo cáo công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>103.287</b>	<b>89.108</b>	<b>122.297</b>	<b>98.388</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	49.042	44.613	62.883	55.443
2	Máy móc và thiết bị	49.053	41.100	54.222	40.506
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	4.974	3.231	4.974	2.309
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	218	165	218	131
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>62.243</b>	<b>55.303</b>	<b>63.602</b>	<b>51.523</b>
1	Quyền sử dụng đất	38.194	36.635	39.072	36.429
2	Chương trình phần mềm	24.050	18.669	24.050	14.669
3	Kiểu dáng công nghiệp	0	0	480	425
	<b>Tổng</b>	<b>165.531</b>	<b>144.412</b>	<b>185.898</b>	<b>149.911</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 11. Tài sản cố định theo báo cáo Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>276.756</b>	<b>192.237</b>	<b>299.571</b>	<b>191.473</b>
1	Nhà cửa vật kiến trúc	117.327	93.789	131.277	100.853
2	Máy móc và thiết bị	144.629	90.241	153.493	84.259
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	14.440	7.959	14.430	6.178
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	371	248	371	183
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>70.139</b>	<b>63.199</b>	<b>71.497</b>	<b>59.419</b>
1	Quyền sử dụng đất	46.089	44.530	46.968	44.325

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Chương trình phần mềm	24.050	18.669	24.050	14.669
3	Kiểu dáng công nghiệp	0	0	480	425
<b>Tổng</b>		<b>346.894</b>	<b>255.436</b>	<b>371.068</b>	<b>250.891</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Chi tiết tài sản cố định hữu hình:**

- Nhà cửa vật kiến trúc: Nhà máy chính, nhà kho, phòng KSC, bồn chứa
- Máy móc và thiết bị: Hệ thống băng tải, hệ thống thùng chứa, hệ thống tách vỏ, hệ thống hệ thống tách màu, hệ thống cân,...
- Phương tiện vận tải truyền dẫn: xe nâng, xe ben, xe tải, hệ thống điện
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Hệ thống phòng cháy chữa cháy, thiết bị phòng quản lý, ...

**Bảng 12. Danh sách tài sản có giá trị lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2025**

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Ngày ghi nhận tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Chi phí xây dựng kho (1 kho)	01/07/2023	30.682.598.400	2.473.229.838	28.209.368.562
2	Quyền sử dụng đất thửa đất số 58 tờ bản đồ số 1 (đất ở 1.200 m + đất phi NN 6.472 m)	01/09/2023	26.300.000.000	1.073.333.507	25.226.666.493
3	Phần mềm quản trị doanh nghiệp Sap S/4HANA	01/09/2023	24.049.640.000	5.380.297.778	18.669.342.222
4	QSHTS Kho lúa, lò sấy	01/01/2021	24.577.400.000	7.228.647.060	17.348.752.940
5	Quyền sử dụng đất 31868 mét vuông và chi phí san lấp mặt bằng	01/07/2023	10.861.268.879	443.720.686	10.417.548.193
6	Nhà máy chính (3.866 m) kho Hòa Bình	01/09/2023	10.500.000.000	1.067.496.776	9.432.503.224
7	QSHTS Kho lau bóng, kho xay xát	01/01/2021	13.044.782.855	4.565.674.008	8.479.108.847
8	Hệ thống thùng chứa, máy xay xát và băng tải chuyên	01/07/2023	7.235.760.000	851.964.358	6.383.795.642

TT	Tên tài sản	Ngày ghi nhận tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	kho Đồng Tháp theo PL03 HD 023/HĐ20.LAMICO - HD				
9	Hệ thống lò sấy lúa (22 lò)	01/01/2019	15.827.100.000	10.071.790.932	5.755.309.068
10	Bán mái nhà kho (vị trí III)	01/07/2019	7.326.062.327	2.380.970.280	4.945.092.047
11	QSDD số 786, 911, 1123	20/12/2017	4.663.200.000	0	4.663.200.000
12	Bán mái nhà kho (1,2,3,4,5)	01/07/2019	6.138.881.085	1.995.136.338	4.143.744.747
13	Hệ thống máy ép trấu viên	01/06/2020	7.650.000.000	3.882.954.515	3.767.045.485
14	Bò dài 450 (4 cây), bò dài 360 (47 cây), Ống dẫn phi 600, Ống dẫn phi 300, ống dẫn phi 125	01/04/2019	8.769.500.000	5.381.284.086	3.388.215.914
15	Bờ kè	01/07/2019	4.850.229.000	1.576.324.464	3.273.904.536
16	Hệ thống điện nhà máy	01/07/2019	7.476.041.000	4.417.660.572	3.058.380.428
17	02 Hệ thống máy tách màu và máy nén khí 7HP kho Lắp p Vò CN TLDT theo HD 0000266 HD 06/UYLONG 2020	01/07/2023	3.344.875.200	393.837.613	2.951.037.587
18	Kho trấu (1.131,3 m) kho Hòa Bình	01/09/2023	3.000.000.000	288.889.355	2.711.110.645
19	Dây chuyền bóc vỏ lúa ra gạo lúc 24-30 tấn/giờ	01/01/2019	7.294.100.000	4.641.699.972	2.652.400.028
20	Dây chuyền xay xát lau bóng HD 191/HĐ2010.LAMICO n ngày 04/11/2010 Cty LAMICO	01/07/2023	3.711.985.200	1.414.089.600	2.297.895.600
21	Máy tách màu gạo (Model: 6SXM-1008S+, Chutes: 16 máng, Công suất: 13-26 tấn/giờ) theo HD số 281 ngày 28/04/2025	01/05/2025	2.408.358.390	145.961.112	2.262.397.278
22	Hàng rào	01/04/2019	5.837.863.000	3.940.557.498	1.897.305.502
23	Thùng chứa gạo thành phẩm 24 ngăn đôi	01/03/2019	4.800.720.000	2.982.265.462	1.818.454.538

TT	Tên tài sản	Ngày ghi nhận tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
24	Máy xát trắng gạo BSPB & máy đánh bóng gạo AVPH	01/01/2019	4.878.000.000	3.104.181.780	1.773.818.220
25	Dàn máy tách màu, công suất 8 tấn/giờ Cty Cờ Đỏ Dàn máy tách màu, công suất 8 tấn/giờ	01/09/2023	2.000.000.000	243.002.137	1.756.997.863
26	Hệ thống máy tách màu kho gạo sạch Tân Long CN ĐT - HĐ 0000209+0000210 HĐ 01/UYLONG-TANLONG/2020	01/07/2023	1.744.642.400	206.743.335	1.537.899.065
27	Văn phòng, Nhà ở công nhân viên	01/07/2019	2.267.902.625	737.068.332	1.530.834.293
28	Trạm biến áp 1250 Kvar tại nhà máy A An Đồng Tháp HĐ 97/2024/HĐTCXD-AAN/SPE ngày 09/07/2024 Cty SPE	01/12/2024	1.436.448.426	7.980.269	1.428.468.157
29	Lắp đặt hệ máy sortex và cung cấp, lắp đặt các thiết bị mới của hệ sortex" theo Hợp đồng cung cấp và lắp đặt số: 2005/2024/YEMDANG-UYLONG	01/10/2024	1.605.951.900	182.494.530	1.423.457.370
30	HT máy tách màu HĐ 01/UYLONG-TANLONG ngày 26/12/2016 Cty Uy Long	01/07/2023	1.649.521.500	275.227.853	1.374.293.647
31	Hệ thống máy tách sạn kho Đồng Tháp theo HĐ 000193 3 + 0001932 HĐ 121/HĐ20.LAMICO	01/07/2023	1.533.867.500	173.925.716	1.359.941.784
32	Kho cám (576,5 m) kho Hòa Bình	01/09/2023	1.500.000.000	144.444.677	1.355.555.323
33	HT máy đánh bóng Lamico RP80B pass 4 (8 -10t/h) HĐ số 2507/2024/COD-LMC, hóa đơn 2268 + 2269	01/12/2024	1.282.039.111	7.122.440	1.274.916.671

TT	Tên tài sản	Ngày ghi nhận tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
34	Hệ thống điện và chiếu sáng Cty Minh Thanh	01/07/2023	1.805.071.847	550.881.186	1.254.190.661
35	Hệ thống tách màu gạo HD 02/UYLONG-TANLONG ngày 26 /06/2017	01/07/2023	1.482.555.000	232.605.996	1.249.949.004
36	Sàn thép máy tách màu và lau bóng gạo	01/04/2019	3.173.578.844	1.947.423.384	1.226.155.460
37	Thùng chứa gạo thành phẩm 16 ngăn đôi	01/03/2019	3.200.480.000	1.988.177.002	1.212.302.998
38	HT cung cấp và lắp đặt thiết bị sử dụng trong hệ thống xay xát lúa, gạo theo hợp đồng số 2507/2024/YED-LMC ký ngày 25/07/2024 HĐ số 2266, 2267 ngày 21/11/2024	01/12/2024	1.316.765.333	129.681.435	1.187.083.898
39	HT giá trị quyết toán hoàn thành công việc Khảo sát thiết kế thi công lắp đặt trạm điện tại nhà máy Yên Đăng theo Hợp đồng thi công xây dựng số 97/2024/HĐTCXD-YED/SPE ngày 09/07/2024 theo HĐ số 4 ngày 20/11/2024	01/12/2024	1.263.616.568	124.447.089	1.139.169.479
40	Máy tách màu gạo Meyer hiệu Aneco (4 bộ)	01/02/2019	3.000.000.000	1.886.363.659	1.113.636.341
41	Hệ thống máy tách màu theo HĐKT số 01/UYLONG-TANLONG/2019 (CNĐT)	01/07/2023	1.234.205.000	158.504.404	1.075.700.596
42	Trạm điện 1,000KVA + tủ bù	01/09/2023	1.300.000.000	256.954.685	1.043.045.315
43	HT máy nén khí 75HP King Power chạy biến tần máy sấy khí - HĐ2803/2024/AA-DGB tại AAN ĐT	10/10/2024	1.042.737.037	26.068.426	1.016.668.611
	<b>Tổng</b>		<b>279.067.748.427</b>	<b>78.981.084.145</b>	<b>200.086.664.282</b>

(Nguồn: AAN)

### 10.3 Thị trường hoạt động

Trước đây, doanh thu của Công ty Cổ phần Lương thực A An chủ yếu đến từ thị trường trong nước (bao gồm bán lẻ, buôn sỉ, bán buôn gạo). Đến tháng 9/2025, sau khi Công ty được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số 376/9-2025-TP.HN/GCN ngày 23/09/2025, Công ty bắt đầu phát sinh và ghi nhận doanh thu từ hoạt động xuất khẩu. Do đó, trong năm 2025, doanh thu của Công ty bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế (xuất khẩu gạo). Cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động của CTCP Lương thực A An như sau:

**Bảng 13. Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp theo từng thị trường hoạt động theo BCTC hợp nhất**

*Đơn vị: triệu đồng*

Thị trường	Năm 2024		Năm 2025	
	Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp
Trong nước	2.436.930	121.221	3.290.437	184.576
Xuất khẩu	0	0	28.196	2.993
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.436.930</b>	<b>121.221</b>	<b>3.318.633</b>	<b>187.569</b>

*(Nguồn: AAN)*

### 10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

#### 10.4.1 Dòng tiền đầu tư:

**Bảng 14. Dòng tiền đầu tư công ty mẹ**

*Đơn vị: triệu đồng*

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(57.820)	(22.307)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	586	5.014
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(154.000)	(76.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24.000	65.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(10.000)	0
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	644	5.384

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(196.590)	(22.909)

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 15. Dòng tiền đầu tư Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Năm 2024	Năm 2025
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(62.174)	(26.082)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	586	5.014
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(163.000)	(76.549)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24.000	65.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	0
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	651	5.386
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(199.938)</b>	<b>(27.231)</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

#### 10.4.2 Tình hình đầu tư

❖ Trong giai đoạn 2022–2023, Công ty triển khai chiến lược mở rộng quy mô sản xuất và hoàn thiện chuỗi giá trị ngành lúa gạo thông qua việc đầu tư, mua lại và nhận góp vốn bằng tài sản là các nhà máy chế biến. Các giao dịch được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với định hướng chiến lược dài hạn của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Nhà máy gạo Yên Đăng	Nhà máy gạo Đồng Tháp	Nhà máy gạo Hòa Bình
1	Thời gian sở hữu	12/2022	05/2023	06/2023
2	Hình thức sở hữu	Sở hữu gián tiếp thông qua việc nhận chuyển nhượng 99% vốn điều lệ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	Nhận vốn góp bằng tài sản	Mua lại tài sản
3	Tài sản sở hữu	Toàn bộ nhà máy bao gồm: kho bãi, quyền sử dụng đất,	Toàn bộ nhà máy bao gồm: kho bãi, quyền quyền sử	Bao gồm: quyền sử dụng đất và hệ thống kho bãi, nhà máy...(không bao

		dây chuyền máy móc thiết bị...	dụng đất, dây chuyền máy móc thiết bị...	gồm máy móc, thiết bị sản xuất)
4	Bên chuyển nhượng	Công ty Cổ phần Nông sản Vinacam	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Lê Anh Nam – Giám đốc công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng (công ty con)
5	Giá trị giao dịch (đồng)	148.500.000.000	80.000.000.000	47.700.000.000
6	Giá trị định giá/ thỏa thuận (đồng)	159.565.000.000	80.000.000.000	48.518.000.000
6	Phương thức thanh toán/ghi nhận	Chuyển khoản	Ghi nhận tăng vốn góp tương ứng với giá trị tài sản góp vốn	Chuyển khoản
7	Báo cáo định giá độc lập	Chứng thư thẩm định giá số V2211.31/DN/BCTĐ G-HTP ngày 25/11/2022 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Hưng Thịnh Phát.	Không có (cổ đông tự thỏa thuận giá trị góp vốn theo Biên bản xác nhận giá trị tài sản góp vốn ngày 15/3/2023)	Chứng thư thẩm định giá số V2306.19/BĐS/BCTĐG-HTP ngày 16/06/2023 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Hưng Thịnh Phát

Các nhà máy mà Công ty đầu tư trong giai đoạn trên được trang bị hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ. Lợi thế về công nghệ chế biến góp phần nâng cao tỷ lệ thu hồi trong sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu, đồng thời tạo nền tảng nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty trong dài hạn. Cụ thể, hệ thống thiết bị bao gồm đầy đủ các công đoạn từ sấy, xay sát, lau bóng, tách màu, tách tạp chất đến đóng gói, được thiết kế theo hướng tự động hóa cao, vận hành liên tục và giám phụ thuộc vào lao động thủ công. Các ưu điểm chính bao gồm:

- + **Hệ thống sấy lúa công suất lớn, kiểm soát tự động:** sử dụng công nghệ sấy tuần hoàn, kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm chính xác, giúp giảm tỷ lệ hạt gãy, đảm bảo chất lượng hạt gạo sau sấy và tối ưu hóa chi phí năng lượng trong quá trình vận hành.
- + **Máy tách màu (color sorter) công nghệ cao:** trang bị hệ thống camera CCD độ phân giải cao, tốc độ quét lớn và cảm biến màu đa phổ (RGB), cho phép nhận diện và loại bỏ hạt lỗi, hạt lẫn tạp chất với độ chính xác cao ( $\geq 90\%$ ), qua đó nâng cao độ đồng đều và chất lượng thành phẩm.

- + **Tự động hóa và điều khiển thông minh:** các thiết bị được tích hợp hệ thống điều khiển trung tâm, giao diện vận hành trực quan và bộ xử lý tốc độ cao, giúp quá trình sản xuất vận hành ổn định, giảm phụ thuộc lao động thủ công và hạn chế sai sót trong quá trình vận hành.
- + **Hiệu suất vận hành và độ bền thiết bị cao:** các linh kiện chính như hệ thống khí nén, van điều khiển, nguồn điện và cảm biến được thiết kế với độ bền cao, khả năng hoạt động liên tục, phù hợp với đặc thù sản xuất quy mô lớn của ngành lúa gạo, qua đó góp phần giảm chi phí bảo trì và gián đoạn sản xuất.

**Cơ sở xác định giá trị giao dịch:** Các giao dịch nêu trên được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, có xem xét tổng thể nhiều yếu tố tại thời điểm giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn: giá trị định giá của tổ chức định giá độc lập (cơ sở tham chiếu), hiện trạng tài sản, công suất thiết kế, hiệu quả vận hành, vị trí địa lý, khả năng khai thác thương mại và triển vọng thị trường. Đối với giao dịch nhận góp vốn bằng tài sản, giá trị tài sản được các cổ đông thống nhất và ghi nhận theo quy định kế toán hiện hành. Về việc giá trị giao dịch thấp hơn giá trị định giá/thỏa thuận: Đối với Nhà máy gạo Yên Đăng và Nhà máy gạo Hòa Bình, giá giao dịch thực tế thấp hơn giá trị theo chứng thư định giá độc lập, cụ thể: (i) Nhà máy gạo Yên Đăng được mua với giá 148.500.000.000 đồng, thấp hơn giá trị định giá 159.565.000.000 đồng; (ii) Nhà máy gạo Hòa Bình được mua với giá 47.700.000.000 đồng, thấp hơn giá trị định giá 48.518.000.000 đồng. Việc mua thấp hơn giá trị định giá xuất phát từ quá trình thương lượng trực tiếp giữa các bên, trong đó Công ty A An có xét đến các yếu tố thực tế như: hiện trạng vận hành của tài sản tại thời điểm chuyển giao, chi phí đầu tư bổ sung ước tính cần thiết để nâng cấp và đưa tài sản vào vận hành ổn định, cũng như năng lực tài chính của bên bán tại thời điểm giao dịch. Thông qua quá trình thương lượng minh bạch, Công ty A An đã mua được tài sản với mức giá hợp lý, phản ánh đúng thực tế thị trường.

**Về việc không có báo cáo định giá độc lập đối với giao dịch góp vốn bằng tài sản:** Tại thời điểm thực hiện, các cổ đông tự thống nhất giá trị góp vốn thông qua biên bản và không thực hiện việc thuê đơn vị định giá độc lập. Tuy nhiên, giá trị giao dịch được đánh giá phù hợp với điều kiện thị trường và tình trạng tài sản tại thời điểm thực hiện.

**Về giao dịch với bên liên quan:** Đối với giao dịch mua Nhà máy gạo Hòa Bình từ Ông Lê Anh Nam – Giám đốc công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng (công ty con), đây là giao dịch với bên liên quan. Công ty đã thực hiện trình, xem xét và phê duyệt theo đúng quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan tại thời điểm phát sinh giao dịch.

❖ Trong giai đoạn 2024 – 2025, AAN tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, thể hiện qua dòng tiền đầu tư có giá trị âm ở cả công ty mẹ và hợp nhất. Cụ thể:

- **Công ty mẹ:**

- + Năm 2024, dòng tiền đầu tư âm tăng mạnh lên 196,590 tỷ đồng, tập trung vào mở rộng cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (154 tỷ đồng) và tăng cường đầu tư tài sản cố định (57,8 tỷ đồng), đồng thời góp vốn vào đơn vị khác 10 tỷ đồng.
- + Năm 2025, dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư tiếp tục ghi nhận âm 22,909 tỷ đồng, tuy nhiên mức âm đã giảm rất mạnh so với năm 2024. Cơ cấu dòng tiền cho thấy sự điều chỉnh chiến lược đầu tư theo hướng thận trọng và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, cụ thể:

- ✓ Chi đầu tư tài sản cố định và tài sản dài hạn khác giảm đáng kể, còn 22,307 tỷ đồng, phản ánh việc Công ty đã hoàn tất phần lớn các hạng mục đầu tư lớn trong giai đoạn trước;
- ✓ Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác giảm còn 76 tỷ đồng, trong khi dòng tiền thu hồi cho vay và bán lại công cụ nợ tăng mạnh lên 65 tỷ đồng, cho thấy xu hướng thu hồi vốn và cải thiện thanh khoản;
- ✓ Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định tăng lên 5,014 tỷ đồng, cùng với thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia đạt 5,384 tỷ đồng, góp phần cải thiện dòng tiền đầu tư.

**Hợp nhất:**

- + Năm 2024, dòng tiền đầu tư âm 199,938 tỷ đồng, phản ánh chiến lược mở rộng đầu tư dài hạn, bao gồm mua sắm tài sản, xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng cho vay, mua công cụ nợ.
- + Năm 2025, dòng tiền đầu tư hợp nhất tiếp tục âm 27,231 tỷ đồng, tuy nhiên mức âm đã giảm mạnh so với năm 2024, cho thấy AAN đã bước sang giai đoạn điều tiết nhịp độ đầu tư và tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Cụ thể:
  - ✓ **Chi đầu tư tài sản cố định** giảm còn **26,082 tỷ đồng**, phản ánh việc các dự án đầu tư lớn đã được triển khai trong giai đoạn trước và đang đi vào vận hành;
  - ✓ **Chi cho vay, mua công cụ nợ** giảm xuống **76,549 tỷ đồng**, trong khi **thu hồi cho vay và bán lại công cụ nợ** tăng mạnh lên **65 tỷ đồng**, cho thấy xu hướng thu hồi vốn, cải thiện thanh khoản và kiểm soát rủi ro tài chính;
  - ✓ **Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản** đạt **5,014 tỷ đồng** và **thu lãi cho vay, cổ tức** tăng lên **5,386 tỷ đồng**, góp phần cải thiện đáng kể dòng tiền đầu tư.

Diễn biến này cho thấy AAN đang trong giai đoạn tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động, thay vì duy trì trạng thái bảo toàn vốn. Đây là bước đi tất yếu trong chiến lược phát triển doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh công ty chuẩn bị niêm yết, cần gia tăng năng lực cạnh tranh và quy mô sản xuất – kinh doanh. Việc duy trì dòng tiền đầu tư âm trong ngắn hạn là bước đi tất yếu, nhằm tạo nền tảng cho tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong trung – dài hạn. Đồng thời, sự thu hẹp đáng kể mức âm trong năm 2025 cho thấy AAN đã bắt đầu chuyển trọng tâm từ đầu tư mở rộng sang tối ưu, khai thác hiệu quả và dần củng cố năng lực cạnh tranh bền vững trước khi bước sang giai đoạn phát triển mới.

**10.4.3 Hiệu quả đầu tư**

- **Đầu tư vào tài sản cố định và dài hạn:** Việc gia tăng chi phí mua sắm và xây dựng tài sản cố định từ 2024 sang 2025 thể hiện định hướng mở rộng công suất chế biến, hoàn thiện chuỗi giá trị từ lúa gạo đến phụ phẩm (như dự án nhà máy dầu gạo Oryza). Đây là khoản đầu tư có tính chiến lược, kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào hiệu quả hoạt động trong những năm:

**Bảng 16. Khoản mục đầu tư vào tài sản cố định và dài hạn**

STT	Nội dung đầu tư	Số tiền (đồng)	Năm
1	Mua quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 626175, thửa đất số 76; tờ bản đồ số 1; diện tích 1.321,4 m <sup>2</sup> ; hình thức sử dụng:	6.400.000.000	2024

STT	Nội dung đầu tư	Số tiền (đồng)	Năm
	riêng; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng: 24/12/2062. Giá chuyển nhượng: 6,4 tỷ đồng		
2	Mua quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 626173, thửa đất số 58; tờ bản đồ số 1; diện tích 7,672 m <sup>2</sup> ; hình thức sử dụng: riêng; mục đích sử dụng: Đất ở 1.200 m <sup>2</sup> , đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 6.472 m <sup>2</sup> ; thời hạn sử dụng: đất ở: Lâu dài, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: đến ngày 01/01/2058;	26.300.000.000	2024
3	Mua sắm các tài sản gắn liền với đất (thửa số 58) là các công trình xây dựng trên đất gồm: Kho cám 576,5 m <sup>2</sup> , nhà máy chính 3.866 m <sup>2</sup> , kho trấu 1.131,3 m <sup>2</sup> .	15.000.000.000	2024
4	Mua phần mềm SAP	3.421.113.786	2024
5	Thanh toán tiền mua trạm biến áp tại Đồng Tháp và thi công lắp đặt trạm điện tại Yên Đăng cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp SPE Việt Nam	2.814.980.868	2024
6	Thanh toán tiền mua sắm hệ thống các máy lau bóng	1.285.784.000	2024
7	Thanh toán tiền mua sắm thiết bị sử dụng trong hệ thống xay xát lúa, gạo	1.316.765.333	2024
8	Thanh toán tiền lắp đặt hệ máy sortex và cung cấp, lắp đặt các thiết bị mới của hệ sortex và một số thiết bị khác của dây chuyền xay xát gạo	4.224.013.280	2024
9	Chi trả tiền đầu tư mua sắm TSCĐ là phần mềm SAP	1.186.774.800	2025
10	Thanh toán tiền mua Cân định lượng	695.760.000	2025
11	Thanh toán tiền mua máy sortex	2.509.000.000	2025
12	Thanh toán chi phí nghiên cứu giống lúa mới	762.222.220	2025
13	Thanh toán tiền lương cho nhân sự phụ trách dự án nghiên cứu giống lúa mới	99.753.846	2025
14	Thanh toán chi phí chuyển nhượng BĐS là tòa nhà văn phòng Tầng 14 tòa Diamond, 48 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội	16.016.000.000	2025
15	Thanh toán chi phí thiết kế bao bì sản phẩm (TSCĐ vô hình)	518.400.000	2025
16	Thanh toán tiền mua máy tách màu	2.200.000.000	2025

Nguồn: AAN

- **Đầu tư tài chính và góp vốn vào đơn vị khác:** Năm 2024, công ty mẹ đã chi 10 tỷ đồng góp vốn thành lập Công ty TNHH Dầu gạo A An - Oryza, đồng thời mở rộng các khoản cho vay, mua công cụ nợ (154 – 163 tỷ đồng hợp nhất). Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng

được Công ty gửi tại các ngân hàng, tổng số tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đã gửi vào các ngân hàng trong năm 2024 - 2025 gồm:

**Bảng 17. Khoản mục đầu tư tài chính và góp vốn vào đơn vị khác**

TT	Nội dung đầu tư	Số tiền (VNĐ)	Năm
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) - CN Hàn Thuyên	61.000.000.000	2024
2	Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Chi nhánh Cần Thơ	42.000.000.000	2024
3	Ngân hàng TM TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	60.000.000.000	2024
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội MB Chi nhánh Cần Thơ	40.000.000.000	2025
5	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Thăng Long	6.000.000.000	2025
6	Ngân hàng TM TNHH E.SUN - Chi nhánh Đồng Nai	15.000.000.000	2025
7	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam chi nhánh Sài Gòn	15.000.000.000	2025
8	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) - CN Hàn Thuyên	50.000.000	2025
9	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Bắc Hà	499.000.000	2025

Nguồn: AAN

- **Thu nhập từ đầu tư:** Hiệu quả bước đầu của chiến lược đầu tư tài chính đã được phản ánh qua thu nhập từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, tăng mạnh từ 0,65 tỷ đồng năm 2024 lên 5,386 tỷ đồng năm 2025. Mức tăng trưởng này cho thấy các khoản đầu tư không chỉ mang tính chất hỗ trợ dòng tiền mà còn bắt đầu đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh.

Như vậy, mặc dù dòng tiền đầu tư ghi nhận giá trị âm lớn trong ngắn hạn, bản chất đây là hệ quả của chiến lược chủ động tích lũy tài sản, mở rộng năng lực sản và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Cách tiếp cận này phù hợp với thực trạng AAN đang trong giai đoạn mở rộng quy mô, chuẩn bị nền tảng cho tăng trưởng bền vững và cải thiện hiệu quả hoạt động trong trung và dài hạn.

#### 10.4.4 Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong giai đoạn 2024 – 2025, Công ty Cổ phần Lương thực A An đạt được kết quả tích cực trong các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi:

##### a) **Xây dựng chuỗi giá trị, chuỗi kinh doanh cốt lõi**

Công ty Cổ phần Lương thực A An xây dựng chuỗi giá trị sản xuất – kinh doanh gạo theo mô hình khép kín, bao gồm các khâu từ thu mua nguyên liệu, chế biến đến phân phối và xuất khẩu. Mô hình này giúp Công ty chủ động kiểm soát chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí sản xuất và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Chuỗi giá trị hoạt động của Công ty được triển khai theo các công đoạn chính: Thu mua lúa nguyên liệu → Sấy và bảo quản → Xay xát, chế biến → Phân loại và tách màu → Đóng gói → Phân phối nội địa và xuất khẩu.

Trong đó, lúa nguyên liệu được thu mua chủ yếu từ các vùng sản xuất trọng điểm tại Đồng bằng sông Cửu Long. Sau khi thu mua, lúa được sấy và bảo quản ở độ ẩm phù hợp trước khi đưa

vào dây chuyền xay xát và chế biến. Gạo sau chế biến tiếp tục được phân loại, tách màu để loại bỏ hạt lỗi và tạp chất, sau đó đóng gói theo nhiều quy cách khác nhau phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu. Sản phẩm cuối cùng được phân phối thông qua hệ thống kênh bán hàng và mạng lưới logistics của Công ty.

**b) Hệ thống nhà máy chế biến gạo**

Công ty hiện vận hành hệ thống nhà máy chế biến gạo hiện đại tại các vùng nguyên liệu trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm:

- Nhà máy gạo Đồng Tháp;
- Nhà máy gạo Hòa Bình – An Giang;
- Nhà máy gạo Yên Đăng.

Các nhà máy được đầu tư dây chuyền thiết bị đồng bộ phục vụ đầy đủ các công đoạn sản xuất từ sấy lúa, xay xát, lau bóng, phân loại, tách màu đến đóng gói thành phẩm.

**Bảng 18. So sánh thông số kỹ thuật các nhà máy chế biến gạo của Công ty**

Chỉ tiêu	Nhà máy gạo Hòa Bình – An Giang	Nhà máy gạo Yên Đăng	Nhà máy gạo Đồng Tháp
Vị trí	Tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	Tỉnh Đồng Tháp
Vai trò trong hệ thống	Nhà máy chế biến và đóng gói gạo	Nhà máy chế biến lúa – gạo tích hợp sấy	Nhà máy chế biến gạo và đóng gói gạo thương hiệu
Công suất nhập nguyên liệu	~400 tấn/ngày	~650 tấn lúa/ngày	700 tấn/ngày
Công suất sấy lúa	—	~500 tấn/ngày	
Công suất bóc vỏ/xay xát	~200 tấn/ngày	~250–300 tấn/ngày	300 tấn/ngày
Công suất sortex (tách màu)	~200 tấn/ngày	~250 tấn/ngày	1.000 tấn/ngày
Công suất đóng gói gạo thương hiệu	-	-	350 tấn/ngày
Công suất đóng gói bao lớn	~300 tấn/ngày	~300 tấn/ngày	350 tấn/ngày
Sức chứa kho	~13.000 tấn (lúa và gạo)	~4.500 tấn (bồn chứa lúa và gạo)	30.000 tấn (lúa và gạo)
Hệ thống công nghệ chính	Xay xát – lau bóng – sortex – đóng gói	Sấy lúa – xay xát – sortex – đóng gói	Xay xát – phân loại – tách màu – đóng gói
Nguồn nguyên liệu chính	Tỉnh An Giang ĐBSCL	Tỉnh An Giang ĐBSCL	Tỉnh Đồng Tháp ĐBSCL

**c) Kiểm soát chất lượng sản phẩm**

Công ty áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng xuyên suốt toàn bộ chuỗi sản xuất, từ khâu

thu mua nguyên liệu, chế biến, bảo quản đến đóng gói và phân phối. Quy trình kiểm soát chất lượng được xây dựng nhằm đảm bảo sản phẩm gạo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

❖ **Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào**

Công ty triển khai mô hình bao tiêu từ các vùng trồng lúa theo hướng canh tác bền vững, giám phát thái, đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP và SAI FSA. Việc chuẩn hóa vùng nguyên liệu giúp đảm bảo chất lượng đầu vào đồng đều và tạo nền tảng cho truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Lúa nguyên liệu sau khi thu mua được kiểm tra và đánh giá theo các tiêu chí kỹ thuật trước khi nhập kho hoặc đưa vào chế biến. Các chỉ tiêu kiểm tra bao gồm:

- Độ ẩm lúa: thường trong khoảng 22% – 28% đối với lúa tươi, sau sấy đạt mức 13,5% – 14,5% để đảm bảo điều kiện bảo quản.
- Tỷ lệ tạp chất:  $\leq 2\%$ .
- Tỷ lệ hạt lép, hạt hư:  $\leq 5\%$ .
- Tỷ lệ hạt đỏ, hạt vàng:  $\leq 1\% - 2\%$  tùy theo giống lúa.
- Mức độ thuần giống: đảm bảo đồng đều về giống nhằm duy trì chất lượng gạo sau chế biến.

Ngoài ra, lúa nguyên liệu được kiểm tra cảm quan để phát hiện các dấu hiệu nấm mốc, sâu bệnh hoặc hư hỏng trước khi đưa vào chế biến.

Sau thu mua, lúa được xử lý qua hệ thống sấy sử dụng công nghệ sấy nhiệt độ thấp áp suất âm, kết hợp kỹ thuật sấy dòng hỗn hợp đa cấp và ủ ẩm. Với nhiệt độ khí nóng từ 55°C-60°C, hiệu suất sấy có thể đạt 0,8%-1,2%, cao hơn 30% so với máy sấy truyền thống. Hệ thống sấy được thiết kế theo nguyên lý sấy tuần hoàn kiểu vòi phun giúp giảm đáng kể tỷ lệ phát sinh gạo lứt (gãy vỡ hạt) trong quá trình sấy, kết hợp kiểm soát tự động các thông số nhiệt độ và độ ẩm, giúp lúa được xử lý đồng đều, hạn chế hiện tượng nứt gãy và duy trì chất lượng hạt.

❖ **Kiểm soát chất lượng trong quá trình chế biến**

Trong quá trình xay xát và chế biến gạo, Công ty áp dụng hệ thống dây chuyền sản xuất được tự động hóa và vận hành liên hoàn, cho phép giám sát và kiểm soát liên tục các thông số kỹ thuật trong suốt quá trình sản xuất.

Các chỉ tiêu kiểm soát bao gồm:

- Độ trắng của gạo: đo bằng thiết bị đo độ trắng, đảm bảo đạt tiêu chuẩn thương mại theo từng loại gạo.
- Tỷ lệ tấm: được điều chỉnh theo yêu cầu của từng loại sản phẩm (5%, 10%, 15%, 25%).
- Tỷ lệ hạt gãy: được kiểm soát trong quá trình xay xát để hạn chế thất thoát.
- Độ ẩm gạo thành phẩm: duy trì trong khoảng 13% – 14% để đảm bảo khả năng bảo quản và vận chuyển.
- Tỷ lệ tạp chất sau chế biến:  $\leq 0,1\% - 0,3\%$ .

Hệ thống máy tách màu (sortex) ứng dụng công nghệ xử lý hình ảnh với độ chính xác cao, giúp loại bỏ hiệu quả các hạt lỗi và tạp chất như: hạt vàng, hạt đen, hạt bị sâu bệnh, hạt không đồng màu, tạp chất còn sót lại. Sau khi qua hệ thống sortex, tỷ lệ hạt lỗi trong gạo thành phẩm được giảm xuống mức rất thấp, đảm bảo tính đồng đều của sản phẩm.

❖ **Kiểm soát chất lượng thành phẩm**

Gạo thành phẩm trước khi đóng gói và xuất kho được kiểm tra theo các chỉ tiêu chất lượng chính:

**Bảng 19. Chỉ tiêu chất lượng gạo thành phẩm theo phân loại sản phẩm**

Chỉ tiêu chất lượng	Gạo 5% tấm	Gạo 15% tấm	Gạo 25% tấm
Độ ẩm	≤ 14,0%	≤ 14,0%	≤ 14,0%
Tỷ lệ tấm	≤ 5%	≤ 15%	≤ 25%
Tạp chất	≤ 0,1%	≤ 0,1%	< 0,2%
Hạt vàng	≤ 0,5%	≤ 0,8%	≤ 1,0%
Hạt đỏ	≤ 0,5%	≤ 0,8%	≤ 1,0%
Hạt bị hư hỏng	≤ 0,3%	≤ 0,5%	≤ 0,8%
Hạt non (hạt xanh)	≤ 0,3%	≤ 0,5%	≤ 0,8%
Tỷ lệ hạt nguyên	≥ 95%	≥ 85%	≥ 75%
Mùi	Mùi tự nhiên, không có mùi lạ	Mùi tự nhiên, không có mùi lạ	Mùi tự nhiên, không có mùi lạ
Màu sắc	Trắng, đồng đều	Trắng, tương đối đồng đều	Trắng tự nhiên

Ngoài các chỉ tiêu vật lý, sản phẩm còn được kiểm tra cảm quan bao gồm: màu sắc hạt gạo, mùi thơm đặc trưng, độ đồng đều kích thước hạt. Các lô hàng chỉ được xuất kho khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định.

❖ **Kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm xuất khẩu**

Đối với các đơn hàng xuất khẩu, sản phẩm phải đáp ứng thêm các yêu cầu kiểm soát chất lượng theo quy định của thị trường nhập khẩu và hợp đồng thương mại.

Các yêu cầu phổ biến bao gồm:

- Kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate)
- Chứng nhận hun trùng (Fumigation Certificate)
- Chứng nhận chất lượng và số lượng (Certificate of Quality & Quantity)
- Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of Origin – C/O)

Ngoài ra, đối với một số thị trường, sản phẩm còn phải đáp ứng các yêu cầu về: dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; kim loại nặng; an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Các lô hàng xuất khẩu của Công ty được kiểm định bởi các tổ chức giám định độc lập trước khi giao hàng nhằm đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo hợp đồng.

❖ **Hệ thống lưu trữ**

Công ty hiện áp dụng hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng hàng tồn kho theo Quyết định số 88/QĐ-AAN về quản lý hàng tồn kho, kết hợp với quy trình kiểm soát chất lượng xuyên suốt từ nhập kho, bảo quản đến xuất kho. Theo đó, toàn bộ gạo lưu trữ tại kho được kiểm soát đồng thời về điều kiện bảo quản, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình vận hành.

Trước hết, về điều kiện bảo quản, hệ thống kho của Công ty được tổ chức theo tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc thù sản phẩm gạo, đảm bảo môi trường khô ráo, thông thoáng và kiểm soát chặt chẽ các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng như nhiệt độ, độ ẩm và côn trùng. Cụ thể, độ ẩm gạo

lưu kho được duy trì ở mức tối đa 14,5% nhằm hạn chế nguy cơ nấm mốc, hư hỏng. Đồng thời, kho được thực hiện vệ sinh công nghiệp thường xuyên, phun khử trùng định kỳ để đảm bảo điều kiện bảo quản tối ưu trong suốt thời gian lưu trữ.

Về phương thức lưu trữ, hàng hóa được sắp xếp khoa học trên pallet, cách tường và giữa các lô hàng theo khoảng cách tiêu chuẩn nhằm đảm bảo lưu thông không khí, thuận tiện cho kiểm tra và hạn chế ảnh hưởng chéo giữa các lô hàng. Mỗi lô hàng đều được gắn thẻ kho, quản lý theo mã riêng trên hệ thống phần mềm, qua đó đảm bảo khả năng truy xuất, kiểm soát riêng biệt từng lô hàng trong suốt quá trình lưu trữ.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện cơ chế kiểm soát chất lượng định kỳ và liên tục. Tổ kho phối hợp với bộ phận kiểm soát chất lượng (KCS) kiểm tra hàng tồn kho hàng tuần nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng; đồng thời thực hiện đối chiếu số liệu và kiểm kê định kỳ với sự tham gia của các bộ phận liên quan và Ban lãnh đạo. Trường hợp phát sinh hàng hóa có dấu hiệu giảm chất lượng, Công ty có quy trình phân loại, đánh giá và xử lý kịp thời theo từng cấp thẩm quyền nhằm hạn chế tối đa thiệt hại.

Ngoài ra, nguyên tắc xuất kho “nhập trước – xuất trước” được áp dụng linh hoạt kết hợp với kiểm soát chất lượng theo từng đơn hàng, đảm bảo gạo xuất kho luôn đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu của khách hàng. Trước khi xuất kho, các lô hàng đều được kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng như độ ẩm, tỷ lệ tấm, tạp chất, cảm quan... và chỉ được xuất khi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đã quy định.

Với hệ thống kho bãi đạt tiêu chuẩn, quy trình quản lý chặt chẽ và cơ chế kiểm soát đa tầng từ vận hành đến giám sát nội bộ, Công ty đảm bảo chất lượng gạo được duy trì ổn định trong suốt quá trình lưu trữ, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ nội địa và xuất khẩu, đồng thời hạn chế tối đa rủi ro suy giảm chất lượng hàng tồn kho.

#### ❖ **Đánh giá các rủi ro phát sinh trong quá trình lưu kho**

Trong quá trình lưu kho gạo, Công ty nhận diện một số nhóm rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và hiệu quả hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

Thứ nhất, rủi ro về biến động độ ẩm và nhiệt độ: Gạo là mặt hàng nhạy cảm với điều kiện môi trường. Độ ẩm cao vượt ngưỡng 14,5% hoặc nhiệt độ không được kiểm soát có thể làm phát sinh nấm mốc, mối mọt và côn trùng, gây suy giảm chất lượng hạt gạo, giảm tỷ lệ thu hồi thành phẩm và tăng chi phí xử lý. Rủi ro này càng cao trong các tháng mùa mưa hoặc khi thời tiết thay đổi đột ngột.

Thứ hai, rủi ro hao hụt và tổn thất vật lý: Quá trình bốc xếp, vận chuyển nội kho và vận hành thiết bị có thể phát sinh hao hụt tự nhiên, vỡ gãy hạt gạo. Bên cạnh đó, nguy cơ hàng hóa hư hỏng do côn trùng (mọt gạo, gián, chuột) cũng là rủi ro thường trực trong môi trường lưu kho dài ngày.

Thứ ba, rủi ro về tồn kho kéo dài: Gạo có thời hạn bảo quản giới hạn. Tồn kho kéo dài vượt thời gian khuyến cáo, đặc biệt đối với gạo thành phẩm chất lượng cao, có thể dẫn đến suy giảm cảm quan (màu sắc, mùi vị), giảm giá trị thương phẩm và ảnh hưởng đến uy tín với khách hàng. Rủi ro này tăng cao trong các giai đoạn thị trường tiêu thụ chậm.

Thứ tư, rủi ro sai lệch kiểm kê: Trong hoạt động lưu kho với nhiều chủng loại hàng hóa, sai lệch giữa số liệu tồn kho trên sổ sách và số lượng hàng hóa thực tế là rủi ro có thể gặp. Nguyên nhân có thể xuất phát từ sai sót trong quá trình nhập – xuất kho (ghi nhận thiếu, nhầm lẫn chủng

loại hoặc đơn vị tính), hao hụt tự nhiên chưa được cập nhật kịp thời, sai sót trong đối chiếu chứng từ, hoặc việc kiểm kê không được thực hiện thường xuyên, đầy đủ. Sai lệch kiểm kê nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời có thể dẫn đến phản ánh sai giá trị hàng tồn kho trên báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến quyết định mua hàng, điều phối sản xuất và thực hiện đơn hàng.

Thứ năm, rủi ro bất khả kháng: Các sự cố thiên tai (lũ lụt, bão), hỏa hoạn hoặc sự cố điện có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng kho bãi và hàng hóa lưu trữ. Đây là nhóm rủi ro khó kiểm soát hoàn toàn nhưng có thể được giảm thiểu thông qua các biện pháp phòng ngừa và cơ chế bảo hiểm phù hợp.

❖ **Các biện pháp phòng ngừa rủi ro lưu kho:**

Để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro nêu trên, Công ty triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa sau:

- Đối với rủi ro biến động độ ẩm và nhiệt độ: Công ty duy trì hệ thống đo lường và giám sát nhiệt độ, độ ẩm liên tục tại các kho; thực hiện vệ sinh công nghiệp và phun khử trùng định kỳ; đảm bảo hệ thống thông gió hoạt động hiệu quả; và kịp thời xử lý khi các chỉ số môi trường vượt ngưỡng cho phép.
- Đối với rủi ro hao hụt và tổn thất vật lý: Công ty áp dụng quy trình bốc xếp và vận hành nội kho theo tiêu chuẩn; thực hiện kiểm tra côn trùng và kiểm soát dịch hại định kỳ; đồng thời lắp đặt các thiết bị phòng chống chuột bọ tại toàn bộ hệ thống kho của Công ty.
- Đối với rủi ro tồn kho kéo dài: Công ty áp dụng nguyên tắc "nhập trước – xuất trước" (FIFO), theo dõi chặt chẽ thời gian lưu kho theo từng lô hàng trên hệ thống phần mềm và chủ động điều phối tiêu thụ để đảm bảo vòng quay hàng tồn kho phù hợp.
- Đối với rủi ro sai lệch kiểm kê: Công ty thực hiện kiểm kê định kỳ với sự tham gia của nhiều bộ phận (kho, kế toán, ban lãnh đạo), đối chiếu số liệu thực tế với dữ liệu hệ thống SAP sau mỗi lần kiểm kê và xử lý chênh lệch ngay trong kỳ.
- Đối với rủi ro bất khả kháng: Hệ thống kho được xây dựng đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn; trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định, đồng thời thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống điện và thiết bị trong kho. Công ty chủ động theo dõi điều kiện thời tiết, xây dựng phương án ứng phó và có biện pháp gia cố, bảo vệ hàng hóa khi cần thiết. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện mua bảo hiểm đối với tài sản, hàng hóa lưu kho nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

Với hệ thống nhận diện rủi ro và biện pháp phòng ngừa nêu trên, Công ty A An đánh giá các rủi ro trong quá trình lưu kho được kiểm soát ở mức chấp nhận được, không phát sinh các sự cố trọng yếu ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa và tiến độ thực hiện đơn hàng trong các năm vừa qua.

❖ **Hệ thống phân phối và logistics**

Công ty xây dựng hệ thống phân phối theo mô hình hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) với mạng lưới rộng khắp trên toàn quốc, nhằm đảm bảo sản phẩm được đưa đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Hệ thống phân phối của Công ty được tổ chức đa kênh, bao gồm: kênh truyền thống (GT), kênh siêu thị (MT), kênh khách hàng trọng điểm (KA) và kênh thương mại điện tử (E-commerce). Việc đa dạng hóa các kênh bán hàng giúp Công ty mở rộng độ phủ thị trường và tiếp cận nhiều nhóm khách hàng khác nhau.

Mạng lưới phân phối của Công ty hiện bao gồm 95 nhà phân phối, 31 đại lý cấp 1 và hàng nghìn điểm bán lẻ, trải rộng trên 34 tỉnh, thành phố. Hệ thống này góp phần đảm bảo hoạt động phân phối sản phẩm được triển khai ổn định, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và đưa sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng.

Song song với hệ thống phân phối, Công ty cũng phát triển hệ thống logistics nhằm hỗ trợ hoạt động vận chuyển, lưu trữ và điều phối hàng hóa trên phạm vi toàn quốc. Bên cạnh việc khai thác hệ thống kho tại các nhà máy, Công ty còn thuê thêm các kho trung chuyển tại một số khu vực trọng điểm ở các vùng miền nhằm tối ưu hóa khoảng cách vận chuyển và nâng cao hiệu quả phân phối hàng hóa.

Việc bố trí kho tại các khu vực gần thị trường tiêu thụ giúp Công ty chủ động dự trữ hàng hóa theo từng vùng, từ đó rút ngắn thời gian giao hàng cho các nhà phân phối, đại lý và điểm bán lẻ. Đồng thời, mô hình này cũng góp phần giảm chi phí vận chuyển đường dài từ nhà máy đến các điểm bán, tăng tính linh hoạt trong việc điều phối hàng hóa và đảm bảo nguồn cung sản phẩm ổn định cho hệ thống phân phối trên toàn quốc.

❖ **Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh**

- **Nhận xét về dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn từ năm 2023 – 2025:**

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và 2025 của Công ty, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong những năm gần đây ghi nhận giá trị âm. Cụ thể, tại năm 2024, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận âm 297 tỷ đồng, và năm 2025, chỉ tiêu này ghi nhận âm 177 tỷ đồng. Nhìn chung dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2024-2025 đang được cải thiện, khi năm 2025 đã tăng 120 tỷ đồng tương ứng mức tăng 40% so với năm 2024.

Nguyên nhân chủ yếu của việc lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận âm trong giai đoạn 2024-2025 xuất phát từ đặc thù thâm dụng vốn của ngành và quá trình mở rộng quy mô, cụ thể như sau:

Trong năm 2023, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm chủ yếu do nhu cầu hàng tồn kho tăng mạnh. Công ty đã chủ động gia tăng dự trữ hàng tồn kho khi giá nguyên vật liệu đầu vào giảm và nâng cao công suất sản xuất thành phẩm để phục vụ cho kế hoạch kinh doanh, bảo đảm nguồn cung kịp thời cho các kỳ tiêu thụ tiếp theo, phù hợp với đặc thù ngành lúa gạo mang tính mùa vụ. Khi tồn kho tăng, Công ty phải sử dụng nhiều tiền hơn cho hoạt động thu mua và dự trữ hàng hóa, trong khi tiền thu về từ bán hàng chưa chuyển hóa kịp trong kỳ, nên dòng tiền kinh doanh ghi nhận âm.

Sang năm 2024, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh tiếp tục âm so với năm 2023 chủ yếu do khoản phải trả người bán giảm mạnh. Cụ thể, Công ty đã hoàn tất thanh toán các khoản công nợ phát sinh từ cuối năm trước, đồng thời thực hiện chính sách thanh toán nhanh cho các nhà cung cấp, hợp tác xã để duy trì uy tín thương mại và đảm bảo nguồn cung ổn định trong các vụ mùa tiếp theo. Việc giảm nguồn vốn chiếm dụng từ nhà cung cấp làm dòng tiền trong kỳ chịu áp lực lớn hơn. Bên cạnh đó, tiền lãi vay đã trả trong năm 2024 tăng từ 6,5 tỷ đồng lên 21,2 tỷ đồng so với

năm 2023, và thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tăng từ 4,1 tỷ đồng lên 11,5 tỷ đồng, phản ánh quy mô hoạt động và nghĩa vụ tài chính phát sinh tương ứng với kết quả kinh doanh. Trong giai đoạn 2023 - 2024, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết 15.03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2023 và đã nhận góp vốn bằng tài sản là nhà máy gạo tại xã Định An, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Việc này làm nhu cầu vốn lưu động và chi phí vận hành trong giai đoạn đầu tăng lên để đáp ứng hoạt động thu mua nguyên liệu, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, qua đó tác động đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Theo Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2025, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 177,2 tỷ đồng, tuy nhiên đã cải thiện đáng kể so với năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã điều chỉnh kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu sát hơn với nhu cầu sản xuất – tiêu thụ, qua đó hạn chế tồn đọng vốn trong hàng tồn kho, từ đó cải thiện đáng kể dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh. Đồng thời trong năm Công ty đã cân đối thanh toán công nợ với các nhà cung cấp tốt hơn so với năm trước. Tuy nhiên, dòng tiền vẫn chịu áp lực từ một số hoạt động kinh doanh trong kỳ có thể kể đến khoản phải thu khách hàng tăng trong năm. Sự gia tăng khoản phải thu chủ yếu do doanh thu tăng trưởng và các hợp đồng bán hàng, hợp đồng xuất khẩu phát sinh nhiều vào cuối kỳ với kỳ hạn thanh toán từ 90 – 120 ngày. Điều này khiến một phần doanh thu đã được ghi nhận nhưng tiền chưa thu về ngay trong kỳ, làm tăng nhu cầu vốn lưu động và ảnh hưởng đến dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi phát hành tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng giá trị khoảng 40 tỷ đồng. Việc đầu tư và chuyển nhượng được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi, đồng thời vẫn đảm bảo tính thanh khoản. Chi phí tiền lãi vay trong năm đã trả tăng lên 44,8 tỷ đồng, cho thấy nhu cầu sử dụng vốn vay để tài trợ cho hoạt động thu mua, dự trữ và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng hợp các biến động trên cho thấy, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh âm trong giai đoạn 2023–2025 chủ yếu xuất phát từ nhu cầu vốn lưu động lớn của ngành lúa gạo, cùng với việc Công ty chủ động mở rộng quy mô hoạt động, tăng cường dự trữ hàng hóa, phát triển thị trường và duy trì chính sách tín dụng thương mại phù hợp.

Đồng thời, việc dòng tiền năm 2025 có xu hướng cải thiện so với năm 2024 cho thấy hiệu quả bước đầu của các biện pháp quản trị vốn lưu động và quản trị dòng tiền của Công ty. Hiện tại, Công ty không phát sinh rủi ro mất cân đối tài chính trong ngắn hạn do vẫn duy trì khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ các tổ chức tín dụng và chủ động cơ cấu lại các khoản vay phù hợp với nhu cầu vốn.

**- Kế hoạch của Lãnh đạo công ty trong việc cải thiện dòng tiền kinh doanh các năm tới 2026-2027:**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Lương thực A An nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc duy trì một cấu trúc dòng tiền lành mạnh đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nhằm cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong các năm tới, Ban Lãnh đạo Công ty đã xây dựng kế hoạch và định hướng quản trị dòng tiền theo hướng thận trọng, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động thông qua các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

- + Cải tiến chính sách tín dụng khách hàng: rút ngắn thời gian thu hồi công nợ, thực hiện đánh giá tín dụng khách hàng định kỳ, đồng thời xem xét áp dụng các biện pháp bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán đối với các hợp đồng có giá trị lớn.
- + Tối ưu hóa quản trị hàng tồn kho: Công ty tập trung kiểm soát chặt chẽ tồn kho thông qua việc xây dựng kế hoạch thu mua nguyên liệu gắn liền với nhu cầu sản xuất – tiêu thụ thực tế, hạn chế tối đa tình trạng dự trữ vượt mức cần thiết. Đồng thời, tăng cường công tác dự báo thị trường và điều phối kế hoạch sản xuất nhằm nâng cao tốc độ luân chuyển hàng hóa.
- + Cải thiện vòng quay khoản phải thu: Công ty sẽ tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách tín dụng thương mại theo hướng phù hợp với từng nhóm khách hàng, tăng cường kiểm soát thời hạn thanh toán, đồng thời áp dụng các biện pháp thúc đẩy thu hồi công nợ, qua đó rút ngắn vòng quay tiền và cải thiện dòng tiền thực thu.
- + Cân đối hiệu quả các khoản phải trả: Công ty tiếp tục cân đối hợp lý các khoản phải trả, duy trì chính sách thanh toán phù hợp với các nhà cung cấp trên cơ sở đảm bảo uy tín thương mại, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn chiếm dụng nhằm giảm áp lực dòng tiền trong ngắn hạn.
- + Kiểm soát và tối ưu chi phí tài chính: Định hướng cơ cấu lại nguồn vốn vay theo hướng phù hợp với chu kỳ sản xuất – kinh doanh của ngành lúa gạo, tối ưu hóa chi phí lãi vay và hạn chế rủi ro thanh khoản từ các nghĩa vụ tài chính đến hạn.
- + Các quyết định đầu tư tài sản cố định hoặc mở rộng dự án được thực hiện trên cơ sở đánh giá, thẩm định hiệu quả kinh tế và khả năng tạo dòng tiền. Công ty định hướng tập trung nguồn vốn vào các hạng mục phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, chế biến và phát triển chuỗi cung ứng gạo, đồng thời rà soát và hạn chế các khoản đầu tư dàn trải hoặc chưa mang lại hiệu quả.

Trên cơ sở các giải pháp nêu trên, Ban Lãnh đạo Công ty kỳ vọng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2026–2027 sẽ được cải thiện theo hướng tích cực, từng bước tiệm cận trạng thái cân bằng và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo. Công ty cam kết tiếp tục theo dõi sát sao tình hình thực tế và chủ động điều chỉnh các biện pháp quản trị dòng tiền nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động và quyền lợi của cổ đông.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**10.5 Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong giai đoạn 2024 – 2025**

**Bảng 20. Các hợp đồng lớn của Công ty**

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
<b>I</b>	<b>Hợp đồng đầu ra</b>							
1	02-2024/HDBG/AANDT-CD	Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	Gạo trắng thơm	02/2024	2024	69 tỷ	Không	Không
2	02.12-2024/HDBG/AANDT-TH	CTCP Chế biến Nông sản Thanh Hưng	Gạo trắng Japonica 5% tâm	12/2024	2024	61,2 tỷ	Không	Không
3	36BG-2024/HĐ/AANDT-MEK	CTCP Lương thực MEKONG	Gạo trắng Japonica đã sortex	3/2024	2024	44,4 tỷ	Không	Không
4	04.12-2024/HDBG/AANDT-TH	CTCP Chế biến Nông sản Thanh Hưng	Gạo trắng 504 5% tâm	12/2024	2024	25 tỷ	Không	Không
5	1804-2025/HDBG/ADT-GHP	CTCP Gạo Hạnh Phúc	Gạo trắng Japo chưa sortex	04/2025	2025	46,4 tỷ	Không	Không

S/tt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
6	0809-2025/HBBG/ADT-GHP	CTCP Gạo Hạnh Phúc	Gạo trắng OM18 đã sortex	09/2025	2025	40 tỷ	Không	Không
7	09/HDMB/VH-AAN/2025	Công ty TNHH Việt Hưng	Gạo Đài thơm 8 5% tấm, TPXK	01/2025	2025	24,6 tỷ	Không	Không
8	07BG-2025/HĐ/AANDT-TTA	Công ty TNHH Tân Thanh An	Gạo trắng Đài thơm 8 đã sortex	03/2025	2025	24,5 tỷ	Không	Không
9	0104-2025/HĐ/ADT-GVD	CTCP Gạo Vi Dân	Gạo trắng Japonica 5% tấm	04/2025	2025	24 tỷ	Không	Không
10	090525HN/HĐ/AAN-GVD	CTCP Gạo Vi Dân	Gạo trắng 504 (5% tấm)	05/2025	2025	19,8 tỷ	Không	Không
11	1704-2025/HBBG/ADT-CD	Công ty TNHH Lương thực Cờ Đỏ	Gạo trắng ĐT8 đã sortex	04/2025	2025	21,7 tỷ	Không	Không
12	1004HN-2025/HĐ/AAN-AD	CTCP Nông Nghiệp An Điền	Gạo trắng Japonica 5% tấm	04/2025	2025	34,5 tỷ	Không	Không
13	1502HN/AAN-ATH	CTCP Lương Thực An	Gạo trắng Đài	02/2025	2025	39,2 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
		Thuận Hòa	Thơm 8 đã sortex, vụ Đông Xuân 2025					
14	AAN-EMR-221025	77 EMERALD INDUSTRIES INC	Gạo nếp và gạo hạt ngắn	11/2025	2025	12 tỷ	Không	Không
15	9039-2025/HD/AHNTH	CTCP Chế Biến Nông Sản Thanh Hưng	Tám ngang đã sortex	09/2025	2025	59,9 tỷ	Không	Không
<b>II Hợp đồng đầu vào</b>								
1	62MG-2024/HD/AAN-BTT	Công Ty TNHH Bình Thiên Thanh	Gạo trắng	04/2024	2024	24 tỷ	Không	Không
2	19.0424/HDBG/VNC-AA	CTCP Nông Sản Vinacam	Gạo trắng	04/2024	2024	129 tỷ	Không	Không
3	82MG-2024/HD/AAN-MN	Công Ty TNHH MTV Minh Nhân	Gạo trắng	08/2024	2024	15 tỷ	Không	Không
4	01BG.2024/HD/GV-	Công ty TNHH Lương	Gạo trắng	09/2024	2024	72 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
	AAN	Thực Gạo Việt						
5	27.0225/HDBG-VNR-AA	Công ty cổ phần Lương Thực Vinarice Việt Nam	Gạo + lúa	02/2025	2025	38 tỷ	Không	Không
6	20.1025/HDBG/VNR-AAN	CTCP Lương Thực Vinarice Việt Nam	Gạo Đài Thơm 8 5% tâm đã sortex	10/2025	2025	67,7 tỷ	Không	Không
7	144MG-2025/HD/AAN-PT	Công ty TNHH Phát Tài	Gạo trắng	05/2025	2025	25 tỷ	Không	Không
8	101MG-2025/HD/AAN-TP và PL01	Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập Khẩu Tuyền Phát	Gạo trắng	03/2025	2025	15 tỷ	Không	Không
9	147MG-2025/HD/AAN-NL và PL01 25/05/2025	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu Lương Thực Ngọc Lợi	Gạo trắng	05/2025	2025	19 tỷ	Không	Không
10	01BG-2025/HDBG-GV-AA	Công Ty TNHH Lương Thực Gạo Việt	Tầm thơm đã sortex	07/2025	2025	98,9 tỷ	Không	Không

Stt	Hợp đồng	Đối tác	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Tỷ đồng)	Mối quan hệ với NNB và người có liên quan	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
11	0609-2025/HD/AHN-BVNR	CTCP Nông Nghiệp Kiến Nông	Gạo trắng 5% tám	09/2025	2025	34 tỷ	Không	Không
12	29/2025/LKTT/AAN-PNX/EU/JP	HTX DV Phú Nông Xanh	Lúa DS1 vụ Đông Xuân 2025	01/2025	2025	57,9 tỷ	Không	Không
13	03/2025/LKTT/AAN-TANTHANH	HTX NN DV và DL Tân Thạnh	Lúa OM18/ĐT8 vụ Đông Xuân 2025	03/2025	2025	19,4 tỷ	Không	Không
14	04/2025/LKTT/AAN-LHAI/EU/JP	HTXDV NN Long Hải	Lúa DS1 vụ Đông Xuân 2025	12/2024	2025	16,3 tỷ	Không	Không

(Nguồn: AAN)

- Công ty không có hợp đồng đã ký kết và chưa thực hiện.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2024 và 2025

Bảng 21. Danh sách khách hàng, nhà cung cấp lớn của AAN

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
I	Nhà cung cấp					
1	CTCP Nông Nghiệp Kiến Nông	97,5	4,00%	2024	Gạo trắng	Không
2	CTCP Nông Sản Vinacam	579	23,77%	2024	Gạo trắng	Không
3	CTCP BGS GLOBAL	4,3	0,18%	2024	Dịch vụ tư vấn xây dựng cấu trúc, hệ thống, văn hóa doanh nghiệp	Không
4	Công ty TNHH Lương Thực Gạo Việt	99,9	4,10%	2024	Gạo trắng	Không
5	CTCP CƠ KHÍ CHẾ TẠO MÁY LONG AN	1,3	0,05%	2024	Lắp đặt hệ XTLB	Không
6	HTX DV NN Long Hải	24	0,72%	2025	Lúa Japonica, lúa ST24	Không
7	HTX DV Phú Nông Xanh	118	3,56%	2025	Lúa Japonica	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
8	HTX NN DV và DL Tân Thành	42	1,27%	2025	Lúa OM18, Dài Thơm	Không
9	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC GẠO VIỆT	103	3,10%	2025	Gạo trắng, gạo OM18	Không
10	CTCP Nông nghiệp Kiến Nông	147	4,43%	2025	Gạo OM18, gạo 5451	Không
11	CTCP Lương Thực Vinarice Việt Nam	635	19,13%	2025	Gạo trắng, gạo Japo, gạo ST	Không
12	CTCP BRAND PACKAGING	1,1	0,03%	2025	Bao bì	Không
13	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI IN AN BAO BÌ BÁCH SINH-LONG AN	0,5	0,02%	2025	Bao bì	Không
<b>II Khách hàng</b>						
1	CTCP Chế biến Nông sản Thanh Hưng	96	3,94%	2024	Gạo 504, gạo Japonica	Không
2	CTCP Gạo Hạnh Phúc	569,4	23,37%	2024	Gạo thơm	Không
3	CTCP Gạo Vị Dân	24	0,99%	2024	Gạo trắng	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
4	CTCP Lương thực Bình Minh	166,6	6,84%	2024	Gạo Japonica, DT8, ST25	Không
5	CTCP Lương thực MEKONG	136	5,58%	2024	Gạo Japonica, ET8,	Không
6	CTCP Nông nghiệp An Điền	53	2,18%	2024	Tám, DT8	Không
7	Công ty TNHH Lương Thực Cờ Đỏ	120	4,93%	2024	Gạo trắng	Không
8	CTCP THẾ GIỚI DI ĐỘNG	58	2,38%	2024	Gạo ST25, DT8	Không
9	CTCP THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	39	1,60%	2024	Gạo ST25, DT8	Không
10	CTCP Gạo Hạnh Phúc	235	7,08%	2025	Gạo Japo, Gạo Cm18	Không
11	CTCP Gạo Vì Dân	196	5,91%	2025	Gạo 504, gạo Japo	Không
12	CTCP PACIFIC GROUP	42	1,27%	2025	Gạo DT8	Không
13	CTCP Nông Nghiệp An Điền	322	9,70%	2025	Gạo Japo, dài thơm	Không
14	CTCP LƯƠNG THỰC AN THUẬN HÒA	194	5,85%	2025	Gạo ST25, DT8	Không

STT	Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Tỷ lệ trên doanh thu/ doanh số (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ
15	Công ty TNHH Lương Thực Cờ Đỏ	335	10,09%	2025	Gạo ST25, DT8, Japonica	Không
16	CTCP THƯƠNG MẠI BÁCH HÓA XANH	88	2,65%	2025	Gạo ST25, DT8, Japonica	Không
17	CTCP CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THANH HƯNG	127	3,83%	2025	Gạo Japo, tẻ	Không
18	77 EMERALD INDUSTRIES INC	13	0,39%	2025	Gạo Japo, gạo nếp	Không

(Nguồn: AAN)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



## 10.7 Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành

### a) Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Lúa gạo là ngành sản xuất truyền thống và quan trọng của Việt Nam, tạo ra sinh kế cho hàng chục triệu nông dân trên cả nước. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong sản xuất lúa gạo, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và hiện vẫn giữ vững vị trí là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới với kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng cao. Đồng hành cùng ngành lúa gạo Việt Nam, đã có rất nhiều công ty hoạt động lâu năm và có quy mô lớn nhỏ khác nhau; trong số cũng không ít doanh nghiệp là công ty đại chúng có cổ phiếu được niêm yết/đăng ký giao dịch trên các sàn giao dịch: CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - 2006 (sàn HSX – mã: NSC), CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang – 1990 (sàn HSX – mã: AFX); CTCP Giống cây trồng miền Nam – 2002 (sàn HOSE – mã SSC).

Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, ngành lúa gạo Việt Nam cũng phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp có nền nông nghiệp xuất khẩu lúa gạo tiên tiến như: Đài Loan, Ấn Độ, Thái Lan, ... ngày càng đa dạng và có chất lượng cao.

A An là một công ty hoạt động trong ngành lúa gạo mới được thành lập trong bối cảnh thị trường đầy khó khăn và cạnh tranh; đòi hỏi công ty phải có các chính sách đi tắt đón đầu phù hợp. Việc nhanh chóng sở hữu các nhà máy gạo có sẵn trên thị trường giúp việc A An làm chủ được công nghệ sản xuất rút ngắn được rất nhiều thời gian thay vì đầu tư xây nhà mới. Với thế mạnh áp dụng công nghệ tiên tiến cũng như chính sách bán hàng uy tín, mà các sản phẩm gạo của A An tạo ra rất đa dạng và đảm bảo chất lượng phục vụ tiêu dùng đến khách hàng. Nhờ đó, A An đã có tệp khách hàng riêng, dần chiếm được một phần lớn thị phần kinh doanh mảng lúa gạo và hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất, cung ứng, xuất khẩu gạo top đầu Việt Nam, cụ thể:

**Bảng 22. So sánh quy mô với các đơn vị cùng ngành**

Chỉ tiêu	AAN	NSC	AFX	SSC
Doanh thu thuần năm 2025 (tỷ đồng)	3.319	2.300	2.814	302,99
Vốn điều lệ tại 31/12/2025 (tỷ đồng)	650	175,86988	350	149,92
Số nhà máy sở hữu	3	2	1	3

Chỉ tiêu	AAN	NSC	AFX	SSC
ROE (%) tại 31/12/2025	6,55%	15%	9%	3,70%
ROA (%) tại 31/12/2025	3,10%	10%	3%	2,67%
Thị trường chính	Cả nước	Cả nước và quốc tế	Các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP Hồ Chí Minh, 1 số tỉnh thành khác trên cả nước và quốc tế	Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, Duyên Hải miền Trung, Tây Nguyên và một số quốc gia trong khu vực như Lào và Cambodia
Sản phẩm thương hiệu	Thương hiệu gạo "AAn – Lành gạo ngon cơm" bao gồm: ST21, ST24, ST25, Japonica, Dài thơm 8, ...	Thương hiệu gạo "Gạo Ban Mai": Ban mai Trân châu hương, Ban mai Cung Đình, Ban mai hào hạng,... "Gạo Vinaseed" : ST21, ST24, ST25	Gạo trắng dài, Gạo Jasmine, Gạo Hương lái, gạo 5% tấm, gạo 15% tấm, gạo 5% tấm,...	Gạo Ban mai cung đình, Gạo Ban mai thượng hạng, Gạo Ban mai hải hạn, Gạo lứt phúc thọ đen,...

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của AAN, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và Báo cáo thường niên của các công ty)

Ngoài ra, tại thị trường quốc tế gạo A An cũng đã dần khẳng định vị thế của mình khi là thương hiệu gạo đầu tiên của Việt Nam vượt qua hơn 600 tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của Chính phủ Nhật Bản cùng với yêu cầu rất cao của người tiêu dùng Nhật Bản để chính thức được xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản.

**b) Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành lúa gạo Việt Nam đang bước vào giai đoạn tái cơ cấu mạnh mẽ, chuyển dịch từ mô hình sản xuất truyền thống sang phát triển theo chiều sâu, hiện đại và bền vững. Những

đổi thay tích cực trong cơ cấu giống, phương pháp canh tác, tiêu dùng nội địa và mở rộng thị trường xuất khẩu đang mở ra những cơ hội lớn cho các doanh nghiệp có chiến lược dài hạn và năng lực tổ chức chuỗi giá trị hiệu quả như Công ty Cổ phần Lương thực A An.

❖ **Nâng tầm chất lượng sản xuất và chuỗi giá trị lúa gạo**

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, giá trị của giống lúa chất lượng cao, thân thiện với môi trường ngày càng được đề cao. Nhà nước và các doanh nghiệp đang cùng định hướng phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và hậu cần nông nghiệp. Việc triển khai mô hình canh tác lúa theo tiêu chuẩn quốc tế (như SRP - Sustainable Rice Platform) được khuyến khích rộng rãi nhằm tăng năng suất, nâng chất lượng và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Diện tích trồng lúa tuy có xu hướng ổn định hoặc thu hẹp nhẹ, nhưng sản lượng và giá trị gia tăng trên mỗi hecta tiếp tục tăng trưởng nhờ cơ giới hóa, ứng dụng giống lúa cao sản và mở rộng mô hình liên kết bền vững giữa nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp như A An phát huy thế mạnh kiểm soát chuỗi từ “đồng ruộng đến bàn ăn”.

❖ **Tiêu dùng nội địa nâng cấp: từ “ăn no” sang “ăn ngon – ăn sạch”**

Thị trường tiêu dùng trong nước, với gần 100 triệu dân, đang chứng kiến sự chuyển biến rõ nét trong hành vi tiêu dùng. Người dân ngày càng chú trọng đến các sản phẩm gạo có thương hiệu, nguồn gốc rõ ràng, an toàn cho sức khỏe và mang lại trải nghiệm ẩm thực tốt hơn.

Các phân khúc gạo tươi, gạo mềm dẻo tự nhiên, gạo hữu cơ, gạo giàu dinh dưỡng đang tăng trưởng mạnh, đặc biệt tại các đô thị lớn và qua các kênh bán hàng hiện đại như siêu thị, cửa hàng tiện lợi và thương mại điện tử. Đây chính là cơ hội lớn cho các thương hiệu gạo có chiến lược phát triển bền vững, đầu tư dài hạn vào thương hiệu và chất lượng sản phẩm.

❖ **Xuất khẩu gạo Việt Nam: Vươn lên giá trị cao và thị trường rộng mở**

Năm 2024 ghi nhận mức xuất khẩu gạo kỷ lục của Việt Nam với trên 8,1 triệu tấn, đạt gần 4,8 tỷ USD, qua năm 2025 có giảm nhẹ với khoảng 8 triệu tấn đạt gần 4 tỷ USD – khẳng định vị thế ngày càng vững chắc trên thị trường gạo thế giới. Đáng chú ý, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu đang dịch chuyển mạnh sang các dòng sản phẩm giá trị cao như gạo thơm, gạo đặc sản và gạo chất lượng cao phục vụ các thị trường khó tính như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Đông.

Nhờ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, UKVFTA), gạo Việt Nam có lợi thế cạnh tranh rõ rệt về thuế quan, tiêu chuẩn và tiếp cận thị trường. Đây là tiền đề vững chắc để doanh nghiệp có năng lực sản xuất, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu quốc tế như A An gia tăng thị phần xuất khẩu và nâng cao giá trị đóng góp.

❖ **Hệ sinh thái chính sách hỗ trợ toàn diện cho ngành gạo**

Chiến lược quốc gia về phát triển ngành lúa gạo bền vững đến năm 2030 xác định rõ

định hướng: nâng cao giá trị thay vì sản lượng đơn thuần; đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc, giảm phát thải và xây dựng thương hiệu gạo Việt trên trường quốc tế. Nhà nước đang đồng bộ hóa các chính sách hỗ trợ về tín dụng, logistics, đầu tư vùng nguyên liệu và nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến, bảo quản và vận chuyển.

Cùng với đó, các định hướng phát triển nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo đang mở ra không gian phát triển mới cho những doanh nghiệp tiên phong, có khả năng tích hợp công nghệ, vận hành chuỗi khép kín và cam kết phát triển bền vững.

Với nền tảng phát triển mạnh mẽ của ngành gạo và sự chuyển dịch tích cực cả về thị trường lẫn chính sách, Việt Nam đang tiến tới một chu kỳ tăng trưởng bền vững về giá trị và thương hiệu gạo quốc gia. Đây chính là thời điểm vàng để những doanh nghiệp có tầm nhìn chiến lược như Công ty Cổ phần Lương thực A An tiếp tục đầu tư, mở rộng thị phần và khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành.

**e) Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.**

**❖ Phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam**

Chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Lương thực A An tập trung vào việc trở thành một trong những nhà sản xuất, cung ứng và xuất khẩu gạo hàng đầu Việt Nam, đồng thời phát triển thương hiệu gạo A An thành biểu tượng cho gạo chất lượng, an toàn và có xuất xứ rõ ràng trên thị trường nội địa. Định hướng này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu lớn của ngành lúa gạo Việt Nam giai đoạn 2025–2030: chuyển dịch từ tư duy sản lượng sang giá trị gia tăng, từ xuất khẩu thô sang xuất khẩu tinh, và từ mô hình canh tác truyền thống sang sản xuất bền vững theo chuỗi.

Với năng lực kiểm soát toàn bộ chuỗi giá trị “từ đồng ruộng đến bàn ăn” – bao gồm sản xuất, chế biến, đóng gói, phân phối nội địa và xuất khẩu – A An đang tích cực hiện thực hóa định hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng và giá trị của ngành lúa gạo mà Đề án Tái cơ cấu ngành (Quyết định 555/QĐ-BNN-TT) đã đề ra.

**❖ Hòa hòa với các chính sách phát triển nông nghiệp bền vững của Nhà nước**

Các định hướng phát triển của A An không chỉ đồng thuận với chiến lược ngành mà còn thể hiện sự hòa hòa ăn sâu với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp được Chính phủ ban hành trong thời gian qua. Đặc biệt, công ty đang tận dụng hiệu quả các ưu đãi về đất đai, tín dụng, bảo hiểm, khuyến nông và liên kết sản xuất-tiêu thụ theo các nghị định quan trọng như:

- Nghị định 57/2018/NĐ-CP về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Nghị định 98/2018/NĐ-CP về phát triển sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản;
- Nghị định 107/2018/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo;

- Quyết định 703/QĐ-TTg phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng giai đoạn 2021–2030...

Đồng thời, A An tích cực ứng dụng các quy trình canh tác hiện đại như “1 phải, 5 giảm”, SRI, IPM, tưới khô xen kẽ, cũng như đầu tư vào chuyển đổi số và công nghệ sau thu hoạch nhằm tối ưu hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm phát thải và bảo vệ môi trường – điều này phù hợp với các mục tiêu phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững của quốc gia.

❖ **Hòa nhập xu thế tiêu dùng và thương mại gạo toàn cầu**

Xu thế tiêu dùng gạo trên toàn cầu đang thay đổi mạnh mẽ, chuyển từ gạo trắng truyền thống sang các dòng gạo thơm, gạo đặc sản, gạo hữu cơ và sản phẩm chế biến từ gạo. Đồng thời, thị trường xuất khẩu gạo đang mở rộng đáng kể nhờ các FTA thế hệ mới như EVFTA, CPTPP, UKVFTA, giúp Việt Nam giảm sâu thuế quan và tiếp cận các thị trường có tiêu chuẩn cao.

A An xác định rõ xuất khẩu gạo chất lượng cao và xây dựng thương hiệu gạo Việt trên thị trường quốc tế là một trong những trụ cột tăng trưởng dài hạn. Sản phẩm của A An đã và đang từng bước chinh phục các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Đông – phù hợp với định hướng xuất khẩu của ngành đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh tỷ trọng gạo thơm, đặc sản và sản phẩm chế biến đạt trên 65% tổng kim ngạch.

Mặt khác, tại thị trường nội địa, chiến lược phủ rộng hệ thống phân phối và thay đổi thói quen tiêu dùng gạo túi thương hiệu mà A An đang theo đuổi cũng phản ánh đúng xu hướng tiêu dùng hiện đại: người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sản phẩm có thương hiệu, có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Với định hướng phát triển bài bản, nhất quán và dài hạn, Công ty Cổ phần Lương thực A An đang thể hiện rõ sự phù hợp cao với chiến lược ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế phát triển của thị trường gạo toàn cầu. Sự chủ động trong đầu tư vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng giống, chuẩn hóa quy trình sản xuất và xây dựng thương hiệu vững chắc cả trong nước lẫn quốc tế là minh chứng cho cam kết của A An trong việc đồng hành cùng ngành lúa gạo Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển bền vững, hiệu quả và có giá trị gia tăng cao.

**10.8 Hoạt động Marketing**

Để đảm bảo nguồn công việc ổn định nhằm tạo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, AAN luôn chú trọng thực hiện tốt các công tác quảng bá thương hiệu.

Công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu AAN tập trung phân bổ nguồn lực cho các hoạt động sau: tiếp thị sản phẩm qua nhiều kênh và tiếp cận được nhiều khách hàng hơn. Tham gia vào nhiều thị trường kinh doanh cùng một lúc giúp có thể mở rộng kinh doanh. Kết hợp cùng marketing offline và marketing online:

- **Hệ thống Website:** Phát triển mạnh về nội dung mô tả và cập nhật mới hình ảnh thật







các sản phẩm. Chạy quảng cáo google giúp website nhanh chóng lên vị trí Top google tìm kiếm, nhắm đúng khách hàng mục tiêu. Website chính thức: <https://aan.vn/>

- Gian hàng chính hãng trên Shopee Mall: <https://shopee.vn/gaoaanofficial>
- Các nhà phân phối khác qua kênh thương mại điện tử: Lazada, Sendo,...
- Kênh mạng xã hội:

- + Facebook: <https://www.facebook.com/gaoaan/>
- + Tiktok: [https://www.tiktok.com/@gaoaan\\_official](https://www.tiktok.com/@gaoaan_official)
- + Kênh Youtube: <https://www.youtube.com/c/G%E1%BA%A1oAAn>
- Tổ chức sự kiện, họp báo truyền thông

### 10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và thương hiệu/nhãn hiệu AAN đã đăng ký và được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký thương hiệu, nhãn hiệu độc quyền cho Công ty:

<p>Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 419595 cho mẫu nhãn hiệu A An</p> 	<p>Nhãn hiệu mới đang trong thời gian chờ cấp phép:</p> 
<p>Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 391154 cho màu sắc nhãn hiệu A An</p> 	<p>Nhãn hiệu mới đang trong thời gian chờ cấp phép:</p> 
<p>Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 391155 cho mẫu nhãn hiệu A An:</p> 	<p>Nhãn hiệu mới đang trong thời gian chờ cấp phép:</p> 

Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 32060:



Ý nghĩa logo:

- **Chữ AAN**
- + **Font chữ đơn giản, rõ ràng, tạo cảm giác hiện đại, minh bạch và đáng tin cậy.**
- + Tên “A AN” gợi sự an toàn, an tâm – rất phù hợp với sản phẩm thực phẩm.
- + Dấu gạch ngang trên chữ A đầu tiên có thể ngầm gợi một mái nhà – biểu trưng cho sự **ấm cúng, gia đình**, nơi cơm ngon được trân trọng
- **KHẨU HIỆU: “Lành gạo – Ngon cơm”.** Rất ngắn gọn nhưng truyền tải thông điệp mạnh:
  - + “Lành gạo”: nhấn mạnh vào tiêu chí an toàn, không hóa chất, sản phẩm sạch, hữu cơ.
  - + “Ngon cơm”: hướng đến trải nghiệm người dùng cuối – không chỉ sạch mà còn ngon miệng, dẻo, thơm, **phù hợp khẩu vị Việt.**
- Logo A AN thể hiện rõ định vị thương hiệu là một doanh nghiệp:
  - + Sản xuất – kinh doanh gạo an toàn, sạch, có kiểm soát nguồn gốc
  - + Cam kết chất lượng từ đồng ruộng đến bữa cơm
  - + Hướng đến phát triển bền vững, hài hòa giữa con người, thiên nhiên và công nghệ

#### 10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Nhận thức rõ tiềm năng tăng trưởng bền vững của ngành lúa gạo Việt Nam và định hướng chiến lược của Công ty trong dài hạn, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Lương thực A An đã xây dựng chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) với tầm nhìn dài hạn, nhằm từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất – cung ứng – xuất

khẩu gạo hàng đầu Việt Nam.

Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung vào ba trụ cột chiến lược:

**a. Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu**

Công ty chủ động phát triển các vùng nguyên liệu đạt chuẩn, đặt tại các khu vực trồng lúa trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long như Sóc Trăng, An Giang, Đồng Tháp, Long An... nhằm kiểm soát đầu vào và đảm bảo chất lượng nguyên liệu một cách ổn định và lâu dài.

A An triển khai mô hình hợp tác “liên kết chuỗi giá trị” cùng nông dân, hợp tác xã và chính quyền địa phương, với các nội dung trọng tâm:

- Ứng dụng kỹ thuật canh tác hiện đại: sử dụng công nghệ 4.0 trong quản lý mùa vụ, tưới tiêu, bón phân và kiểm soát sâu bệnh.
- Chuyển giao kỹ thuật và giám sát canh tác: đảm bảo tuân thủ quy trình sản xuất sạch, an toàn và truy xuất được nguồn gốc.
- Cam kết bao tiêu đầu ra: hỗ trợ tài chính, vật tư và thu mua lúa đạt chuẩn theo giá thị trường minh bạch.

Mục tiêu đến năm 2030, Công ty sẽ đạt 100% vùng nguyên liệu liên kết đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, phù hợp yêu cầu các thị trường cao cấp như EU, Nhật Bản, Mỹ.

**b. Đầu tư nghiên cứu và chọn tạo giống lúa mới**

A An ưu tiên hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học nông nghiệp và các chuyên gia đầu ngành để triển khai nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các giống lúa chất lượng cao, thích nghi với biến đổi khí hậu, có khả năng kháng sâu bệnh và phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng.

Các nội dung chính bao gồm:

- Nghiên cứu – chọn tạo giống mới: tập trung vào các giống thơm, giống hữu cơ, giống giàu dinh dưỡng có tiềm năng thương mại cao như ST25, Japonica, Đài Thơm 8, OM5451...
- Thử nghiệm mô hình canh tác đặc thù: như mô hình lúa - tôm, mô hình trồng lúa hữu cơ không hóa chất nhằm tạo ra các dòng sản phẩm gạo đặc biệt, phục vụ phân khúc cao cấp và xuất khẩu.
- Tối ưu quy trình thu hoạch và bảo quản giống: nâng cao chất lượng hạt giống, rút ngắn thời gian sinh trưởng, giúp nông dân tăng năng suất và lợi nhuận.

Đây là nền tảng khoa học quan trọng giúp Công ty tạo ra sự khác biệt về chất lượng và định vị thương hiệu A An trên thị trường nội địa và quốc tế.

**c. Phát triển sản phẩm mới, nâng cao giá trị gia tăng**

Không chỉ dừng lại ở việc sản xuất gạo tiêu dùng truyền thống, Công ty định hướng phát triển thêm các sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường, phục vụ đa dạng nhu cầu và nâng cao tỷ suất lợi nhuận:

- Sản phẩm gạo cao cấp: gạo hữu cơ, gạo đặc sản vùng miền, gạo ăn liền, gạo bổ sung vi chất dinh dưỡng.
- Gạo thương hiệu riêng (OEM): cung cấp gạo đóng gói theo nhãn hiệu riêng cho các đối tác trong và ngoài nước.
- Sản phẩm từ phụ phẩm lúa gạo: đầu tư nghiên cứu khai thác giá trị từ cám gạo, trấu, tấm để sản xuất dầu gạo, thức ăn chăn nuôi, phân hữu cơ và năng lượng sinh khối (biomass).

Các sản phẩm mới được phát triển dựa trên định hướng “gạo sạch – gạo an toàn – gạo truy xuất được nguồn gốc”, hướng đến các thị trường cao cấp và người tiêu dùng hiện đại, đề cao sức khỏe và bền vững.

**d. Tầm nhìn đến năm 2030**

Công ty đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ:

- Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm gạo an toàn, bền vững
- Sở hữu ít nhất 2 giống lúa chất lượng cao do Công ty trực tiếp đầu tư nghiên cứu hoặc liên kết phát triển
- Phát triển tối thiểu 5 sản phẩm mới mỗi năm, với định vị khác biệt rõ nét trên thị trường đạt tỷ lệ doanh thu từ sản phẩm mới và cải tiến chiếm tối thiểu 20% tổng doanh thu hàng năm.

**e. Tác động của chính sách nghiên cứu phát triển đến tình hình sản xuất kinh doanh**

Chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) của Công ty Cổ phần Lương thực A An được thiết kế dựa trên ba trụ cột chiến lược: (i) Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu; (ii) Nghiên cứu – chọn tạo giống lúa mới; (iii) Phát triển sản phẩm mới, gia tăng giá trị từ phụ phẩm. Các định hướng này có ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, khả năng cạnh tranh và triển vọng tăng trưởng bền vững của Công ty.

**❖ Mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu**

Tác động tích cực: Việc xây dựng các vùng nguyên liệu liên kết theo mô hình “chuỗi giá trị” giúp Công ty chủ động hơn về nguồn cung, giảm thiểu phụ thuộc vào thương lái, hạn chế biến động giá lúa nguyên liệu – vốn là rủi ro thường trực trong ngành gạo. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ canh tác và cam kết bao tiêu còn giúp ổn định chi phí đầu vào, nâng cao chất lượng hạt gạo, từ đó cải thiện biên lợi nhuận gộp. Trong dài hạn, khi đạt mục tiêu 100% vùng nguyên liệu đạt chuẩn xuất khẩu, AAN sẽ gia tăng năng lực cạnh tranh tại các thị trường khó tính (EU, Nhật, Mỹ), tạo ra lợi thế khác biệt so với nhiều doanh nghiệp xuất khẩu gạo khác chỉ tập trung vào thị trường truyền thống.

Thách thức: Mô hình này đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu đáng kể (tài chính, nhân sự, công nghệ giám sát canh tác) và cần thời gian dài để xây dựng niềm tin, gắn kết chặt chẽ với nông dân.

**❖ Đầu tư nghiên cứu và chọn tạo giống lúa mới**

Tác động tích cực: Việc hợp tác nghiên cứu giống lúa đặc thù như ST25, Japonica hay

các giống hữu cơ, dinh dưỡng cao sẽ giúp Công ty sở hữu danh mục sản phẩm khác biệt, đáp ứng xu hướng tiêu dùng gạo cao cấp, gạo sạch. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao giá trị thương hiệu A An, đồng thời mở rộng biên lợi nhuận nhờ sản phẩm chất lượng vượt trội. Trong dài hạn, khi chủ động được giống lúa đặc thù, AAN sẽ tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ giống – canh tác – chế biến – phân phối, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm rủi ro cạnh tranh về giá.

Thách thức: Nghiên cứu giống mới là lĩnh vực có rủi ro cao, đòi hỏi chi phí lớn và thời gian dài mới có thể thương mại hóa, do đó hiệu quả tài chính chỉ ghi nhận trong trung – dài hạn.

#### ❖ Phát triển sản phẩm mới và gia tăng giá trị từ phụ phẩm

Tác động tích cực: Bên cạnh gạo truyền thống, việc mở rộng sang gạo hữu cơ, gạo đặc sản, gạo ăn liền hoặc gạo bổ sung vi chất sẽ giúp Công ty đa dạng hóa cơ cấu doanh thu, tiếp cận các phân khúc tiêu dùng cao cấp và thị trường quốc tế khắt khe.

Đặc biệt, định hướng khai thác phụ phẩm (cám, tấm, trấu) để sản xuất dầu gạo, thức ăn chăn nuôi, phân hữu cơ và năng lượng sinh khối có thể tạo ra dòng doanh thu mới có biên lợi nhuận cao hơn, giúp AAN giảm phụ thuộc vào thị trường gạo vốn có tính cạnh tranh gay gắt.

Trong dài hạn, nếu triển khai thành công, tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm mới có thể đạt tối thiểu 20% tổng doanh thu vào năm 2030, góp phần nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và cải thiện khả năng sinh lời bền vững.

Thách thức: Đòi hỏi vốn đầu tư lớn, khả năng phát triển thị trường và chiến lược thương hiệu rõ ràng. Nếu không có chính sách marketing mạnh mẽ, sản phẩm mới có thể khó chiếm thị phần trước các đối thủ đã đi trước.

#### ❖ Tầm nhìn đến năm 2030 và ảnh hưởng tổng thể

Hiệu quả kỳ vọng: Nếu đạt được mục tiêu đến năm 2030 (2 giống lúa riêng, 5 sản phẩm mới/năm, 20% doanh thu từ sản phẩm cải tiến), AAN sẽ trở thành một trong số ít doanh nghiệp gạo Việt Nam sở hữu hệ sinh thái sản phẩm toàn diện, từ gạo cao cấp đến sản phẩm phụ phẩm giá trị gia tăng, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược niêm yết và huy động vốn dài hạn.

Rủi ro: Chiến lược R&D đòi hỏi sự đầu tư bền bỉ, trong khi dòng tiền hiện tại của AAN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào kinh doanh gạo thương phẩm với biên lợi nhuận còn mỏng. Do đó, để hiện thực hóa mục tiêu, Công ty cần tăng cường vốn chủ sở hữu thông qua chào bán cổ phiếu, hợp tác chiến lược với nhà đầu tư tài chính và công nghệ.

Kết luận: Chính sách R&D của AAN có ảnh hưởng tích cực, mang tính chiến lược và là yếu tố then chốt giúp Công ty chuyển đổi từ mô hình “doanh nghiệp thương mại gạo” sang “doanh nghiệp nông nghiệp tích hợp – đa giá trị”. Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh ngắn hạn chưa thể hiện rõ rệt mà chủ yếu sẽ tạo động lực tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

### 10.11 Chiến lược kinh doanh

### 10.11.1 Hệ tư tưởng A An

#### a. Tâm nhìn

Trở thành tập đoàn sản xuất và xuất khẩu gạo định hướng phát triển bền vững dẫn đầu Việt Nam.

#### b. Sứ mệnh

Góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trong sản xuất lúa gạo bền vững, cung cấp sản phẩm gạo xanh, sạch, an toàn cho người tiêu dùng và nâng cao thu nhập cho người nông dân.

#### c. Triết lý kinh doanh

Thành công bằng sự tử tế và phụng sự xã hội.

- **Tử tế:** Chân thành + Đạo đức + Yêu thương + Nhân ái
- + Tử tế có nghĩa là cẩn thận, kỹ lưỡng trong từng việc nhỏ nhất.
- + Sống tử tế là sống chân thành, trung thực, biết sống cho người khác vì cái chung.
- + Người tử tế còn thể hiện ở tấm lòng nhân ái, yêu thương, luôn biết ơn mọi thứ xung quanh.

- **Phụng sự:** Tự nguyện + Hết lòng + Thấu cảm + Vì người khác

- + Phụng sự là phục vụ tự nguyện, hết lòng không bắt đầu từ lợi ích riêng của mình.
- + Phụng sự là hành động vì người khác, thấu hiểu và đồng cảm với tổ chức cá nhân khác.

#### d. Giá trị cốt lõi

**Tâm:** Công hiến hết mình, tử tâm trong sáng. Người A AN luôn tận tâm, chân thành, làm việc hết lòng tử tâm trong sáng của mình. Người A AN liêm chính, trung thực trong suy nghĩ và hành động, đề cao chữ tín và đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu. Người A AN luôn cố gắng hết sức, làm việc có trách nhiệm và vận dụng tối đa khả năng của bản thân để đem lại hiệu quả tốt nhất. Mỗi người của Công ty Cổ phần Lương thực A AN luôn ý thức xây dựng thương hiệu cá nhân bằng sự chính trực, chân thành, tận tâm và uy tín để là tấm gương sáng cho các thế hệ mai sau.

**Trí:** Ứng dụng trí thức, nâng tầm giá trị. Người A AN có khát vọng, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Chúng tôi đề cao sự tìm tòi, học hỏi, sáng tạo, chúng ta không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ để gia tăng giá trị của từng sản phẩm, đáp ứng hơn cả sự mong đợi của khách hàng. Tôi tin vào sự may mắn, nhưng may mắn chỉ đến được sau những nỗ lực làm việc không ngừng nghỉ, không bỏ cuộc, không khuất phục trước mọi thử thách thì may mắn mới mỉm cười với mỗi chúng ta.

**Tốc:** Đón đầu cơ hội, thực thi thần tốc. Khi xác định được mục tiêu và chiến lược rõ ràng, chúng tôi hành động quyết liệt, thần tốc, quyết đoán trên tinh thần sáng tạo, phát huy sức mạnh tập thể.

### 10.11.2 Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

Là một doanh nghiệp trẻ nhưng năng động, Công ty Cổ phần Lương thực A An (AAn) đã nhanh chóng khẳng định vị thế trong ngành lúa gạo Việt Nam nhờ vào chiến lược phát triển bài bản, gắn liền với sứ mệnh xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo khép kín, bền vững “từ cánh đồng đến bàn ăn”.

Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của AAn được định hình theo hướng toàn diện, tập trung vào ba trụ cột: liên kết nông nghiệp bền vững – đầu tư công nghệ chế biến hiện đại – phát triển thị trường nội địa và quốc tế, cụ thể như sau.

#### a. Phát triển vùng nguyên liệu và hợp tác nông nghiệp bền vững

AAn xác định nông dân là đối tác chiến lược, giữ vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng. Công ty chủ động thiết lập mối liên kết chặt chẽ với nông dân, hợp tác xã từ khâu chọn giống, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ canh tác đến bao tiêu đầu ra. Việc này không chỉ giúp kiểm soát chất lượng nguyên liệu ngay từ đầu mà còn góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho người trồng lúa, thúc đẩy chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo hướng giá trị cao và bền vững.

Các giải pháp cụ thể:

- Phát triển vùng nguyên liệu tập trung tại các khu vực trọng điểm như Đồng bằng sông Cửu Long, áp dụng mô hình liên kết 3 bên (nông dân – doanh nghiệp – địa phương).
- Triển khai các quy trình sản xuất tiên tiến như “1 phải 5 giảm”, VietGAP, canh tác thông minh thích ứng biến đổi khí hậu.
- Ứng dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc, theo dõi nhật ký đồng ruộng và quản lý sản lượng.

#### b. Đầu tư công nghệ chế biến – nâng cao giá trị gia tăng

Với định hướng trở thành doanh nghiệp sản xuất và chế biến gạo hàng đầu Việt Nam, AAn chú trọng đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống nhà máy hiện đại đạt chuẩn quốc tế. Quy trình chế biến, sấy, xay sát, tách màu, đóng gói được kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo giữ trọn vẹn chất lượng hạt gạo từ sau thu hoạch đến tay người tiêu dùng.

Các biện pháp triển khai:

- Tăng cường ứng dụng tự động hóa, công nghệ cao trong sản xuất.
- Đạt và duy trì các chứng nhận quản lý chất lượng: ISO 22000, HACCP, BRC, Halal...
- Nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm gạo cao cấp, gạo đặc sản, gạo dinh dưỡng phục vụ đa dạng phân khúc người tiêu dùng.

#### c. Phát triển thị trường nội địa và mở rộng xuất khẩu

AAn hướng tới mục tiêu phát triển song song hai thị trường trọng yếu: thị trường trong nước với nhu cầu ngày càng cao về gạo thương hiệu và thị trường quốc tế với tiềm năng xuất khẩu gạo giá trị cao.

Tại thị trường nội địa, AAn xây dựng hệ thống phân phối phủ rộng toàn quốc, từ kênh truyền thống (GT) đến hiện đại (MT), thương mại điện tử và bán hàng trực tiếp (D2C). Doanh nghiệp đẩy mạnh xây dựng thương hiệu “Gạo A An – gạo sạch, an toàn, rõ nguồn gốc”, từng bước thay đổi thói quen tiêu dùng gạo bao bì thương hiệu tại Việt Nam.

Tại thị trường quốc tế, AAn tập trung phát triển xuất khẩu gạo thơm, gạo đặc sản và gạo hữu cơ đến các thị trường cao cấp như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Đông, thông qua việc tận dụng ưu đãi từ các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA. Công ty đặt mục tiêu đưa gạo Việt có thương hiệu sánh ngang với các thương hiệu lớn trên thị trường toàn cầu.

#### **d. Định vị thương hiệu và phát triển sản phẩm**

##### **❖ Định vị Thương hiệu**

Gạo A An được định vị là biểu tượng của gạo sạch – ngon – có trách nhiệm. Công ty không ngừng đổi mới sáng tạo, đa dạng hóa sản phẩm gạo theo xu hướng tiêu dùng hiện đại, đáp ứng nhu cầu về dinh dưỡng, sức khỏe và an toàn thực phẩm.

Một số định hướng sản phẩm chiến lược:

- Gạo thơm đặc sản nội địa (ST25, Japonica, Jasmine...).
- Gạo hữu cơ, gạo cho người ăn kiêng, gạo cho trẻ em.
- Gạo chế biến giá trị gia tăng (bún gạo, bánh gạo, gạo ăn liền...).

##### **❖ Phát triển thêm sản phẩm mới - Dầu gạo**

Dầu Gạo A An là sản phẩm mới thuộc hệ sinh thái nông nghiệp sạch và bền vững của thương hiệu A An. Được chiết xuất từ lớp cám gạo nguyên chất trong quá trình xay xát gạo nội địa, sản phẩm là sự kết hợp giữa công nghệ tinh luyện hiện đại và nguồn nguyên liệu sạch, truy xuất được nguồn gốc.

Dầu Gạo A An giàu Gamma-Oryzanol, Vitamin E, và phytosterol, giúp hỗ trợ giảm cholesterol xấu, chống oxy hóa, và bảo vệ tim mạch. Với điểm bốc khói cao, sản phẩm đặc biệt phù hợp cho chế biến món chiên, xào, nấu ăn hàng ngày và cả dùng trong lĩnh vực làm đẹp.

##### **Lợi thế cạnh tranh của sản phẩm Dầu gạo:**

- **Chuỗi giá trị khép kín:** Tận dụng nguồn cám gạo từ các nhà máy xay xát thuộc hệ thống A An, đảm bảo chất lượng ổn định và chi phí cạnh tranh.
- **Tự chủ nguyên liệu và sản xuất:** Giảm thiểu rủi ro phụ thuộc nhà cung cấp, tăng biên lợi nhuận.
- **Sản phẩm hướng đến sức khỏe:** Phù hợp với xu hướng tiêu dùng thực phẩm lành mạnh và tự nhiên.
- **Khai thác thị trường ngách:** Dầu gạo hiện vẫn là phân khúc ít cạnh tranh so với dầu hướng dương, dầu đậu nành tại Việt Nam.

**Định hướng sản phẩm**

- Phân khúc phổ thông và cao cấp: Chai 250ml – 1L.
- Dòng sản phẩm chuyên biệt: Dầu gạo cho trẻ em, dầu gạo ép lạnh, dầu gạo dưỡng da.

**Thị trường mục tiêu:**

- Người tiêu dùng thành thị quan tâm đến sức khỏe.
- Kênh Horeca (nhà hàng, khách sạn, suất ăn công nghiệp cao cấp).

**e. Phát triển năng lực nội tại – hiện đại hóa quản trị**

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững, AAn không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp và minh bạch. Công ty chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong vận hành, quản lý và chăm sóc khách hàng.

**Giải pháp thực hiện:**

- Áp dụng hệ thống ERP, CRM và các công cụ quản trị hiện đại.
- Đào tạo nội bộ và tuyển dụng nhân sự chiến lược cho các khối kinh doanh, kỹ thuật và vận hành.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết, linh hoạt và thích ứng với thay đổi.

**f. Định hướng dài hạn đến năm 2030**

Công ty định hướng phát triển theo mô hình “Chuỗi giá trị lúa gạo tích hợp”, với mục tiêu xây dựng nền tảng hoạt động ổn định, nâng cao tiềm năng tăng trưởng và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn. Chiến lược này được triển khai nhất quán trên các trụ cột chính sau:

- Tạo dựng nền tảng ổn định thông qua kiểm soát chuỗi cung ứng và hạ tầng chiến lược: Công ty xác định sự ổn định bền vững phải bắt đầu từ việc kiểm soát các mắt xích cốt lõi trong chuỗi cung ứng. Công ty đang đẩy mạnh mô hình liên kết trực tiếp với nông dân và các hợp tác xã để tự chủ vùng nguyên liệu thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào thu mua thương mại. Việc này giúp kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn chất lượng ngay từ khâu hạt giống, giảm thiểu rủi ro biến động giá và đảm bảo nguồn cung ổn định để đáp ứng các đơn hàng lớn dài hạn. Sự ổn định được củng cố bởi hệ thống hạ tầng chế biến và tồn trữ tại các khu vực trọng điểm về logistics, kết hợp với quy trình quản trị tồn kho hiện đại trên hệ thống SAP giúp Công ty nâng cao năng lực điều tiết hàng hóa và ứng phó linh hoạt với biến động thị trường.

- Thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng bằng việc chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và mở rộng quy mô: Động lực tăng trưởng của Công ty nằm ở chiến lược phát triển gạo túi mang thương hiệu riêng – Gạo A An. Công ty tập trung nguồn lực phát triển sản phẩm gạo túi thương hiệu

(phần khúc trung và cao cấp), chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu sản phẩm từ gạo đại trà sang các dòng gạo chất lượng cao có biên lợi nhuận tốt hơn.

Song song với việc củng cố vị thế tại thị trường nội địa, Công ty đang tích cực mở rộng sự hiện diện tại các thị trường quốc tế có yêu cầu khắt khe như EU, Nhật Bản và Mỹ. Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu không chỉ giúp tăng quy mô doanh thu mà còn giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một thị trường duy nhất, tạo dư địa phát triển mạnh mẽ trong dài hạn.

- Cam kết tính lâu dài thông qua quản trị bền vững (ESG) và kỷ luật tài chính: Để khẳng định tính lâu dài của doanh nghiệp sau khi niêm yết, Công ty thực thi nghiêm túc kỷ luật tài chính thận trọng, duy trì các chỉ số nợ và thanh khoản ở mức an toàn, đảm bảo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh luôn ổn định. Đặc biệt, Công ty định hướng phát triển bền vững theo tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) thông qua các mô hình canh tác lúa gạo giảm phát thải và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm toàn cầu. Đây được coi là yếu tố cốt lõi để Công ty tiến sâu vào chuỗi giá trị nông sản thế giới và mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông.

Hiện nay, các mục tiêu tăng trưởng trọng điểm cho giai đoạn tới đã được cụ thể hóa trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua vào tháng 03/2026. Với lộ trình chiến lược rõ ràng và hệ thống quản trị minh bạch, Công ty cam kết hiện thực hóa các giá trị tăng trưởng và khẳng định vị thế lâu dài trên thị trường chứng khoán.

**10.12 Trường hợp Tổ chức niêm yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan**

Không có.

**11. Chính sách đối với người lao động**

**11.1 Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết**

**Bảng 23. Cơ cấu lao động Công ty mẹ 2024-2025**

STT	Trình độ	31/12/2024		31/12/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>220</b>	<b>100%</b>	<b>255</b>	<b>100</b>
1	Đại học và trên đại học	100	45%	126	49%
2	Cao đẳng	28	13%	49	19%

STT	Trình độ	31/12/2024		31/12/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
3	Trung cấp	51	23%	31	13%
4	Lao động phổ thông	41	19%	49	19%
<b>II</b>	<b>Theo tính chất công việc</b>	<b>220</b>	<b>100%</b>	<b>255</b>	<b>100%</b>
1	Lao động thường xuyên	220	100%	255	100%
2	Lao động thời vụ	-	-	0	0

(Nguồn: AAN)

AAN rất xem trọng yếu tố con người trong doanh nghiệp, các cán bộ nhân viên chính là tài sản quý giá nhất, là nền tảng then chốt tạo nên sự phát triển bền vững của công ty. Chúng tôi cam kết nhân viên có mức thu nhập cao và ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, thoải mái, thỏa sức sáng tạo mang lại hiệu quả cao. Người lao động cũng được hưởng các chính sách phúc lợi tốt nhất, chăm lo nâng cao trình độ nghiệp vụ, được phát triển quyền lợi cả về văn hóa và chính trị.

### 11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Nắm được điều đó, AAN thường chủ động liên kết với các trường đại học, cao đẳng trên toàn quốc, có uy tín hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực về kỹ thuật ... Ban hành chính nhân sự và các chuyên gia cao cấp của AAN sẽ cùng nhà trường triển khai đào tạo, xây dựng chương trình phù hợp với định hướng phát triển, và cam kết đầu ra việc làm cho các trường Đại học. Vì vậy, AAN luôn có đội ngũ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, luân phiên làm việc tại các trang trại.

### 11.3 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày; 5-6 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBNV được nghỉ lễ và Tết 11 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam còn được nghỉ thêm 01 ngày Tết cổ truyền dân tộc và 01 ngày Quốc khánh của nước họ. Đối với CBNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại

sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

#### **11.4 Chính sách tiền lương thưởng, trợ cấp:**

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả, năng lực và hiệu quả công việc của cán bộ CNV-LĐ, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

#### **11.5 Quy chế niêm yết cổ phiếu cho người lao động:**

Hiện tại Công ty không có quy chế niêm yết cổ phiếu cho người lao động.

### **12. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Trong năm 2024, 2025 hoạt động kinh doanh của Công ty khá hiệu quả và đều có lãi, tuy nhiên Công ty tạm thời chưa chia cổ tức cho các cổ đông để dành nguồn vốn lưu động bổ sung vốn cho hoạt kinh doanh của AAN.

### **13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...)**

Không có

### **14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới tổ chức đăng ký niêm yết có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu (nếu có)**

Không có

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức niêm yết cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

Không có

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH**

**1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất

**Bảng 24. Hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2024 - 2025**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.239.487	1.566.897	26,4%
2	Vốn chủ sở hữu	428.753	922.484	115,2%
3	Doanh thu thuần	2.204.807	3.040.553	37,9%
4	Lợi nhuận gộp	118.490	185.067	56,2%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.691	55.313	55,0%
6	Lợi nhuận khác	(576)	1.489	358,5%
7	Lợi nhuận trước thuế	35.115	56.802	61,8%
8	Lợi nhuận sau thuế	27.169	44.110	62,4%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	N/A
10	Tỷ lệ cổ tức	-	-	N/A

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 25. Hoạt động kinh doanh Hợp nhất giai đoạn 2024 - 2025**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.285.562	1.609.038	25,16%
2	Vốn chủ sở hữu	439.030	933.589	112,65%
3	Doanh thu thuần	2.436.930	3.318.634	36,18%
4	Lợi nhuận gộp	121.222	187.569	54,73%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.698	56.335	53,51%
6	Lợi nhuận khác	(576)	1.496	359,65%
7	Lợi nhuận trước thuế	36.122	57.831	60,10%
8	Lợi nhuận sau thuế	27.979	44.938	60,61%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	N/A
10	Tỷ lệ cổ tức	-	-	N/A

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2024 và năm 2025 của AAN)

a) **Quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu:** Trong giai đoạn 2024 - 2025, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng bứt phá về quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động và năng lực tích lũy vốn:

**Tổng tài sản:**

- Công ty mẹ: từ 1.239,5 tỷ đồng năm 2024 lên 1.566,9 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức tăng 26,4%.
- Hợp nhất: từ 1.285,6 tỷ đồng năm 2024 lên 1.609,0 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng 25,16%.

**Vốn chủ sở hữu cũng duy trì đà tăng trưởng ổn định:**

- Công ty mẹ: từ 428,8 tỷ đồng năm 2024 lên 922,5 tỷ đồng vào năm 2025, tương ứng tăng 115,2%.
- Hợp nhất: từ 439,0 tỷ đồng năm 2024 lên 933,6 tỷ đồng vào năm 2025, tương ứng tăng 112,65%.

Điều này cho thấy năng lực tài chính vững chắc, khả năng tích lũy lợi nhuận đều đặn, đồng thời tạo nền tảng cho các chiến lược phát triển dài hạn.

b) **Doanh thu thuần:** Việc gia tăng quy mô tài sản gắn liền với hiệu quả kinh doanh thực tế. Doanh thu thuần của AAN tiếp tục tăng trưởng mạnh, thể hiện hiệu quả của chiến lược mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm:

- Công ty mẹ: từ 2.204,8 tỷ đồng năm 2024 lên 3.040,6 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức tăng trưởng 37,9%.

- Hợp nhất: tăng từ 2.436,9 tỷ đồng năm 2024 lên 3.318,6 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng trưởng 36,18%.

Động lực tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ việc gia tăng sản lượng xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa danh mục sản phẩm (gạo chất lượng cao, gạo chế biến, phụ phẩm và dầu gạo), cùng với việc phát triển hệ thống phân phối nội địa.

c) **Lợi nhuận gộp:** Lợi nhuận gộp ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, phản ánh hiệu quả từ việc mở rộng quy mô hoạt động và kiểm soát chi phí sản xuất, dù biên lợi nhuận vẫn chịu áp lực từ biến động chi phí đầu vào và môi trường cạnh tranh:

- Công ty mẹ: lợi nhuận gộp tăng nhẹ từ 118,5 tỷ đồng trong năm 2024 lên 185,1 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với tăng trưởng 56,2%.

- Hợp nhất: lợi nhuận gộp giảm từ 121,2 tỷ đồng trong năm 2024 lên 187,6 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng trưởng 54,73%.

Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm 2025 đạt 6,1% (Công ty mẹ) và 5,7% (Hợp nhất). Mặc dù biên lợi nhuận gộp chưa ở mức cao, điều này là đặc thù của ngành lúa gạo trong giai đoạn mở rộng quy mô. Với định hướng đẩy mạnh chế biến sâu, phát triển sản phẩm giá trị gia tăng và khai thác phụ phẩm, triển vọng cải thiện biên lợi nhuận trong các năm tới được đánh giá là tích cực.

d) **Lợi nhuận sau thuế**

- Công ty mẹ: Lợi nhuận sau thuế đạt 27,2 tỷ đồng năm 2024, và tăng mạnh lên 44,1 tỷ đồng năm 2025, tương ứng với mức tăng trưởng 62,4%.

- Hợp nhất: lợi nhuận sau thuế đạt 28,0 tỷ đồng năm 2024 tăng lên 44,9 tỷ đồng năm 2025, tương ứng tăng trưởng 60,61%.

Trong năm 2024, lợi nhuận duy trì ở mức khiêm tốn, chủ yếu do áp lực từ chi phí tài chính gia tăng trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh mở rộng quy mô hoạt động, đồng thời biên lợi nhuận gộp chịu tác động bất lợi từ biến động giá nguyên liệu đầu vào. Đây là giai đoạn Công ty chủ động chấp nhận gia tăng chi phí nhằm xây dựng nền tảng tăng trưởng về quy mô và thị phần.

Bước sang năm 2025, cùng với sự tăng trưởng mạnh của doanh thu và cải thiện hiệu suất vận hành, lợi nhuận sau thuế đã phục hồi rõ nét, phản ánh chất lượng tăng trưởng được nâng cao. Tuy nhiên, trong năm 2025, một số khoản chi phí ghi nhận mức tăng đáng kể, chủ yếu xuất phát từ nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Chi phí tài chính năm 2025 đạt 46,7 tỷ đồng, tăng 104,5% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty gia tăng sử dụng vốn vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua, dự trữ hàng tồn kho và triển khai các hợp đồng kinh doanh có quy mô lớn.
- Chi phí bán hàng năm 2025 đạt 62,5 tỷ đồng, tăng 42,2% so với năm 2024. Mức tăng chủ yếu đến từ chi phí logistics, cước vận tải, bốc xếp và bao bì trong quá trình mở rộng hoạt động tiêu thụ và triển khai các đơn hàng xuất khẩu trực tiếp.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2025 đạt 30,02 tỷ đồng, tăng 47,75% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty tăng cường đầu tư vào hệ thống quản trị, bao gồm nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý, hoàn thiện bộ máy tổ chức, tăng cường kiểm soát nội bộ.

Diễn biến gia tăng chi phí hoạt động kinh doanh là xu hướng chung của ngành lương thực - lúa gạo khi phần lớn doanh nghiệp đều chịu áp lực biên lợi nhuận mỏng, phụ thuộc lớn vào biến động giá bán gạo và chi phí đầu vào. Thực tế cho thấy biên lợi nhuận gộp của ngành ở mức thấp (khoảng dưới 10%) và có sự phân hóa rõ rệt giữa các doanh nghiệp tùy theo năng lực quản trị chi phí và điều hành kinh doanh. So với một số doanh nghiệp cùng ngành, biên lợi nhuận của AAN có sự cải thiện hơn nhờ kiểm soát tốt chi phí và cơ cấu lại hoạt động. Một số đơn vị kể đến như sau:

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu thuần tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Biên lợi nhuận (%)	Biên lợi nhuận gộp (%)
1	Công ty Cổ phần Lương thực A An	650.000	3.318.634	44.938	1,35%	5,65%
2	Tổng công ty Lương thực miền Nam (Vinafood II)	5.000.000	17.813.544	61.966	0,35%	10,00%
3	Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An (TAR)	783.198	2.385.984	(24.564)	-1,03%	4,32%
4	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu An Giang (Angimex -	182.000	21.503	(104.670)	-486,77%	-54,14%

Stt	Tên công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu thuần tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế tại 31/12/2025 (triệu đồng)	Biên lợi nhuận (%)	Biên lợi nhuận gộp (%)
	AGM)					

- Tổng công ty Lương thực miền Nam (Vinafood II): Mặc dù quy mô doanh thu rất lớn (hơn 17,8 nghìn tỷ đồng) và biên lợi nhuận gộp đạt 10% - cao hơn đáng kể so với Công ty A An (5,65%) nhưng do gánh nặng chi phí vận hành, biên lợi nhuận ròng của đơn vị này chỉ ở mức rất mỏng (0,35%). Điều này cho thấy hiệu quả chuyển hóa doanh thu thành lợi nhuận sau thuế còn hạn chế, đặc biệt đối với doanh nghiệp có quy mô lớn và cơ cấu hoạt động phức tạp.

- Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Trung An (TAR): Biên lợi nhuận gộp năm 2025 chỉ đạt 4,32%, thấp hơn Công ty A An, đồng thời tiếp tục ghi nhận lỗ sau thuế xấp xỉ 24,56 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận ròng âm 1,03%. Kết quả này phản ánh áp lực lớn từ giá vốn, chi phí vận hành và khả năng tiêu thụ sản phẩm chưa đạt kỳ vọng, cho thấy doanh nghiệp vẫn đang gặp khó khăn trong việc duy trì hiệu quả kinh doanh ổn định.

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu An Giang (Angimex - AGM): Doanh thu sụt giảm mạnh chỉ còn khoảng 21,5 tỷ đồng và ghi nhận mức lỗ ròng lớn gần 104,7 tỷ đồng; biên lợi nhuận ròng âm ở mức rất cao (-486,77%) và biên lợi nhuận gộp âm (-54,14%). Đây là dấu hiệu cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp gặp khó khăn, khả năng tạo dòng tiền từ hoạt động chính suy giảm và áp lực tái cơ cấu tài chính là rất lớn.

#### **e) Đánh giá chung và triển vọng**

- AAN đang mở rộng quy mô nhanh chóng, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng mạnh của doanh thu và tổng tài sản.

- Biên lợi nhuận còn khiêm tốn do đặc thù ngành lúa gạo, nhưng Công ty đã và đang triển khai các giải pháp nâng cao giá trị gia tăng như: phát triển sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo hữu cơ, dầu gạo và phụ phẩm chế biến sâu.

- Trong ngắn hạn, biên lợi nhuận có thể còn chịu ảnh hưởng từ biến động chi phí đầu vào, nhưng về trung - dài hạn, việc tối ưu chuỗi cung ứng, nâng cao hiệu quả quản trị tài chính và mở rộng kênh xuất khẩu sẽ giúp AAN cải thiện lợi nhuận bền vững.

#### **f) Các chỉ tiêu khác**

- Không có.

#### **g) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập**

- Không có.

### **1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết**

#### **a) Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức**

**niêm yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết**

Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu tác động từ những yếu tố thuận lợi và khó khăn khác nhau, cụ thể như:

❖ **Thuận lợi**

- Mạng lưới phân phối rộng khắp: Đến cuối năm 2024, AAN đã thiết lập hàng nghìn điểm bán trên toàn quốc, phủ rộng các hệ thống bán lẻ, chuỗi cửa hàng thực phẩm, chợ truyền thống, sàn thương mại điện tử cùng hệ thống giao hàng nhanh tại Hà Nội và TP.HCM, nâng cao khả năng tiếp cận người tiêu dùng.
- Thương hiệu uy tín và độ nhận diện cao: Với nền tảng thương hiệu từ năm 2019, AAN đã xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp, đáng tin cậy, được người tiêu dùng và nhiều tổ chức uy tín trong nước, quốc tế công nhận.
- Đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm: Sở hữu đầy đủ giấy tờ pháp lý và tiêu chuẩn chất lượng, Công ty dễ dàng tiếp cận và phục vụ các kênh tiêu thụ đặc thù như bếp ăn công nghiệp, nhà hàng, trường học.
- Vị thế ổn định trên thị trường xuất khẩu: AAN đã có tên tuổi và uy tín nhất định trên thị trường quốc tế, đặc biệt trong các phân khúc gạo chất lượng cao.
- Hệ thống sản xuất đồng bộ: Các nhà máy chế biến, sấy, tồn trữ của AAN phân bố tại những vùng nguyên liệu chiến lược như Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang... tạo lợi thế về logistics và thu mua nguyên liệu.
- Nhân lực chất lượng cao: Đội ngũ quản lý và nhân viên có chuyên môn tốt, được đào tạo định kỳ cả về lý thuyết và thực tiễn, hỗ trợ quá trình mở rộng quy mô và tối ưu vận hành.
- Ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại: Hệ thống quản trị ERP được áp dụng xuyên suốt, giúp giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời hỗ trợ mở rộng linh hoạt và bền vững.

❖ **Khó khăn**

- Từ thực tiễn triển khai phát triển vùng nguyên liệu, A An nhận thấy hợp tác với nông dân hiện nay còn tồn tại nhiều rào cản. Mặc dù đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất – bao tiêu với các hộ dân, tuy nhiên cam kết thực hiện chưa cao; một số trường hợp nông dân tự ý bán lúa cho thương lái khi giá thị trường biến động. Bên cạnh đó, trình độ canh tác không đồng đều, chưa tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn kỹ thuật khiến phát sinh nhiều chi phí trong việc kiểm soát chất lượng. Vai trò của hợp tác xã – đơn vị trung gian – còn yếu, chưa hỗ trợ hiệu quả trong việc điều phối sản xuất và giám sát thực hiện hợp đồng. Những yếu tố này đang ảnh hưởng trực tiếp đến tính ổn định và hiệu quả của vùng nguyên liệu mà A An đầu tư.
- A An đang chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá từ các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là các đơn vị không đầu tư vào vùng nguyên liệu mà thu mua trôi nổi trên thị trường với chi phí thấp. Trong khi đó, A An theo đuổi mô hình sản xuất khép kín, đầu tư vào vùng nguyên

5108  
G T  
H A N  
I T H  
A N  
O V

MST: 03022705  
SỞ GI  
CHỨNG  
THÁP  
HỒ C

TH H  
NH

liệu và kiểm soát chất lượng toàn diện, dẫn đến giá thành và giá bán thường cao hơn thị trường từ 2.000 - 3.000 đồng/kg. Điều này khiến công ty gặp bất lợi tại các phân khúc nhạy cảm về giá, dù sản phẩm có chất lượng và mức độ an toàn vượt trội.

- Hạn chế trong năng lực xử lý sau thu hoạch: Một số cơ sở chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý lúa tươi trong vòng 12 giờ sau thu hoạch, làm tăng tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào.
- Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn giá rẻ: Chi phí huy động vốn cao làm giảm năng lực cạnh tranh về giá và hạn chế khả năng đầu tư mở rộng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường tài chính chưa ổn định.

**b) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổ chức niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

**❖ Biến đổi khí hậu và tác động đến sản xuất nông nghiệp**

Biến đổi khí hậu tiếp tục là yếu tố rủi ro hàng đầu đối với ngành nông nghiệp toàn cầu, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất lúa gạo – ngành có vai trò then chốt trong việc đảm bảo an ninh lương thực cho hàng tỷ người. Trong năm 2024 và năm 2025, sự gia tăng rõ rệt của các hiện tượng thời tiết cực đoan như nhiệt độ tăng cao, hạn hán kéo dài, mùa mưa đến muộn hoặc phân bố thất thường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng và chu kỳ canh tác lúa gạo tại nhiều khu vực trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long.

Những biến động này không chỉ gây ra giảm năng suất và tăng rủi ro mùa vụ, mà còn tác động đến giá trị dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và tính ổn định của chuỗi cung ứng gạo. Về dài hạn, nếu không có biện pháp thích nghi và đầu tư kịp thời, biến đổi khí hậu có thể làm gián đoạn hoạt động sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và khả năng duy trì thị phần của doanh nghiệp.

Để đối phó với rủi ro này, AAn và các đối tác nông dân đang từng bước triển khai các giải pháp thích ứng như:

- Chuyển đổi cơ cấu giống lúa chịu hạn, chịu mặn, sinh trưởng ngắn ngày;
- Tăng cường đầu tư hệ thống tưới tiêu tiết kiệm, ứng dụng công nghệ thông minh trong giám sát thời tiết và mùa vụ;
- Nâng cao năng lực sấy, bảo quản tại chỗ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và duy trì chất lượng lúa gạo ổn định trong điều kiện thời tiết bất lợi.

**❖ Bất ổn thị trường lúa gạo và tác động đến hoạt động xuất khẩu**

Từ cuối năm 2024 đến nay, thị trường lúa gạo toàn cầu liên tục biến động mạnh do ảnh hưởng từ chính sách thương mại và điều kiện thời tiết toàn cầu. Cụ thể:

- Các lệnh cấm xuất khẩu gạo từ Ấn Độ và UAE kéo dài sang năm 2024 và chưa có dấu hiệu được dỡ bỏ đã gây ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung trên thị trường quốc tế, đẩy giá gạo tăng cao. Trong ngắn hạn, điều này mở ra cơ hội thuận lợi để gạo Việt Nam gia tăng thị phần

và giá trị trong hoạt động cung ứng cho các đối tác xuất khẩu.

- Tuy nhiên, về trung và dài hạn, việc khó dự đoán thời điểm các quốc gia này nối lại xuất khẩu khiến thị trường gạo toàn cầu rơi vào trạng thái thiếu ổn định, ảnh hưởng đến khả năng lập kế hoạch sản xuất và cung ứng của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng xuất khẩu.
- Bên cạnh đó, hiện tượng El Nino kéo dài từ cuối năm 2024 sang đầu năm 2025 tiếp tục ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng lúa tại các quốc gia sản xuất lớn như Thái Lan, Myanmar, Campuchia... khiến nguồn cung toàn cầu thiếu ổn định và làm gia tăng rủi ro trong chuỗi giá trị xuất khẩu.
- Đối với các đối tác xuất khẩu, việc ký kết hợp đồng dài hạn trước khi giá tăng mạnh có thể dẫn đến rủi ro về hiệu quả tài chính. Chỉ những hợp đồng ký trong giai đoạn giá cao gần đây mới đảm bảo được biên lợi nhuận tích cực.
- Xuất khẩu gạo tiếp tục giảm trong năm 2025 và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Trước những bất ổn nêu trên, Công ty Cổ phần Lương thực A An – với vai trò là đơn vị cung ứng gạo cho hoạt động xuất khẩu – đang tập trung triển khai các giải pháp nhằm thích ứng linh hoạt, cụ thể:

- Tăng công suất hệ thống sấy và tồn trữ lúa, giúp chủ động về thời điểm giao hàng và tối ưu hóa giá bán trong các chu kỳ thị trường;
- Đàm phán với các đối tác xuất khẩu để xây dựng điều khoản hợp đồng linh hoạt, giảm thiểu ràng buộc cố định trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào và chi phí logistics biến động liên tục;
- Tái phân bổ thị trường cung ứng theo hướng đa dạng hóa, hạn chế phụ thuộc vào một số thị trường trọng điểm nhằm tăng tính ổn định cho hoạt động sản xuất – kinh doanh.

❖ **Biến động chi phí đầu vào và áp lực lạm phát**

Năm 2024 – 2025 và qua năm 2026, giá các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhiên liệu và logistics tiếp tục duy trì ở mức cao do:

- Tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt ở khu vực Trung Đông và Biển Đỏ;
- Giá dầu thô, khí đốt và nguyên liệu hóa học biến động khó lường;
- Các quốc gia sản xuất phân bón lớn như Trung Quốc và Nga hạn chế xuất khẩu để ưu tiên nhu cầu nội địa.

Chi phí đầu vào tăng gây sức ép lên biên lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh giá bán gạo khó tăng tương ứng do cạnh tranh cao trong thị trường nội địa và yêu cầu khắt khe từ thị trường xuất khẩu.

❖ **Biến động tỷ giá và rủi ro tài chính quốc tế**

Hoạt động cung ứng gạo cho xuất khẩu chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu doanh thu

của AAn. Do đó, biến động tỷ giá hối đoái có thể tác động trực tiếp đến giá trị doanh thu thực nhận từ các đối tác xuất khẩu cũng như ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh về giá của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Bước sang năm 2026, xu hướng tăng lãi suất tại các nền kinh tế lớn và đã phục hồi không đồng đều sau đại dịch tiếp tục tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực, khiến diễn biến tỷ giá trở nên khó lường. Điều này đặt ra rủi ro cho việc đàm phán giá bán cũng như điều chỉnh kế hoạch cung ứng phù hợp với nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đó, chi phí huy động vốn trong nước vẫn ở mức cao, gây khó khăn cho việc triển khai các kế hoạch đầu tư mở rộng hạ tầng chế biến – bảo quản và duy trì dòng vốn lưu động phục vụ hoạt động thu mua – sản xuất. Đây là những yếu tố mà AAn đang theo dõi chặt chẽ để kịp thời điều chỉnh chiến lược tài chính và hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung và năng lực phục vụ thị trường xuất khẩu.

#### ❖ **Thay đổi chính sách và quy định pháp luật**

Ngành lúa gạo là ngành có điều tiết cao và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách của Nhà nước về:

- Quy hoạch vùng nguyên liệu, hạn ngạch xuất khẩu, điều chỉnh thuế suất;
- Chuẩn hóa tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng đối với gạo xuất khẩu;
- Quy định về bảo vệ môi trường, phát thải carbon trong chuỗi giá trị nông nghiệp – xu hướng đang được đẩy mạnh từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và thị trường EU, Nhật, Mỹ.
- Bất kỳ thay đổi nào trong hành lang pháp lý cũng có thể tác động đến mô hình sản xuất – kinh doanh hiện tại của Công ty và đòi hỏi chi phí chuyển đổi tương ứng.

#### ❖ **Rủi ro cạnh tranh trong nước và quốc tế**

Thị trường gạo đang ngày càng cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của:

- Các doanh nghiệp tư nhân trong nước đầu tư mạnh vào thương hiệu, công nghệ chế biến, logistics;
- Doanh nghiệp FDI và các tập đoàn nước ngoài thâm nhập thị trường Việt Nam thông qua hoạt động M&A hoặc liên doanh, liên kết;

Sự phát triển nhanh chóng của kênh thương mại điện tử và tiêu dùng trực tiếp, khiến các doanh nghiệp phải thay đổi mô hình phân phối, đầu tư vào thương hiệu và truyền thông

## **2. Tình hình tài chính**

### **2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

#### **2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

- a) **Vốn điều lệ**  
 Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 650.000.000.000 đồng
- b) **Vốn kinh doanh**  
 Vốn kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 26. Vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	740.152	603.759
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
3	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	428.753	922.484
-	Vốn góp của chủ sở hữu	350.000	650.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	0	149.621
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	78.753	122.864
-	Cổ phiếu quỹ	0	0
-	Quỹ đầu tư phát triển	0	0
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.168.905</b>	<b>1.526.244</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 27. Vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	740.152	603.759
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
3	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	439.030	933.589
-	Vốn góp của chủ sở hữu	350.000	650.000

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025
-	Thặng dư vốn cổ phần	0	149.621
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	87.442	132.374
-	Cổ phiếu quỹ	0	0
-	Quỹ đầu tư phát triển	0	0
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
-	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.588	1.594
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.179.182</b>	<b>1.537.348</b>

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Công ty mẹ:** Trong giai đoạn 2024 – 2025, quy mô vốn kinh doanh của Công ty mẹ tăng mạnh từ 1.168,9 tỷ đồng lên 1.526,2 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 30,6%, phản ánh nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng nguồn lực tài chính phục vụ tăng trưởng. Cơ cấu vốn cho thấy những chuyển biến tích cực cụ thể như sau:

- Vốn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 740,2 tỷ đồng năm 2024 xuống 603,8 tỷ đồng năm 2025, cho thấy Công ty đã chủ động kiểm soát đòn bẩy tài chính, giảm dần sự phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn trong bối cảnh quy mô hoạt động vẫn tiếp tục mở rộng.
- Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 428,8 tỷ đồng lên 922,5 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 115,2%. Sự gia tăng này không chỉ đến từ sự tăng trưởng về lợi nhuận, mà còn được hỗ trợ đáng kể bởi hoạt động huy động vốn cổ phần trong năm của Công ty. Trong năm 2025, Công ty đã chào bán thành công 30 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 15.000 đồng/cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ từ 350 tỷ đồng lên 650 tỷ đồng và ghi nhận 149,6 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tiếp tục tăng từ 78.8 tỷ đồng lên 122,9 tỷ đồng, góp phần củng cố chỉ tiêu vốn chủ sở hữu của Công ty.

Nhờ đó, cơ cấu vốn của Công ty mẹ chuyển dịch theo hướng lành mạnh hơn, khi tỷ trọng vốn vay ngắn hạn giảm từ khoảng 63,3% tổng vốn kinh doanh năm 2024 xuống còn khoảng 39,6% năm 2025, trong khi tỷ trọng vốn chủ sở hữu tăng tương ứng. Điều này giúp Công ty giảm áp lực chi phí lãi vay và nâng cao khả năng tự chủ tài chính.

**Hợp nhất:** Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất, quy mô vốn kinh doanh tăng từ 1.179,2 tỷ đồng năm 2024 lên 1.537,3 tỷ đồng năm 2025, tương ứng mức tăng 30,37%. Trong đó:

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 740,2 tỷ đồng xuống 603,8 tỷ đồng, phù hợp với xu hướng kiểm soát rủi ro tài chính và tối ưu cấu trúc nguồn vốn ở cấp độ Công ty mẹ.
- Vốn chủ sở hữu hợp nhất tăng mạnh từ 439 tỷ đồng lên 933,59 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 112,65%, nhờ tăng vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương tự như công ty mẹ.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2024–2025, cơ cấu nguồn vốn của AAN cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt từ mô hình phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn sang vốn chủ sở hữu. Sự điều chỉnh này phản ánh định hướng quản trị tài chính thận trọng và chủ động, nhằm cân đối giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro.

Đây có thể được đánh giá là tín hiệu tích cực, đặc biệt trong bối cảnh Công ty đang mở rộng nhanh quy mô hoạt động, triển khai các dự án đầu tư chế biến sâu có tính dài hạn.

**Bảng 28. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025
1	Tiền và tương đương tiền	63.731	172.799
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	154.000	206.008
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	265.759	426.792
4	Hàng tồn kho	432.527	419.875
5	Tài sản ngắn hạn khác	9.996	21.880
6	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
7	Tài sản cố định	144.412	149.911
8	Tài sản dở dang dài hạn	1.225	1.220
9	Đầu tư tài chính dài hạn	158.500	158.500
10	Tài sản dài hạn khác	9.337	9.912
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.239.487</b>	<b>1.566.897</b>

*(Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024 và năm 2025 của AAN)*

**Bảng 29. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty – Hợp nhất**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025
1	Tiền và tương đương tiền	66.675	175.454
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	163.000	216.007
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	296.323	501.916
4	Hàng tồn kho	478.353	427.572
5	Tài sản ngắn hạn khác	13.399	22.915
6	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
7	Tài sản cố định	255.437	250.891
8	Tài sản dở dang dài hạn	1.225	1.220
9	Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
10	Tài sản dài hạn khác	11.149	13.063
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.285.561</b>	<b>1.609.038</b>

*(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)*

**Công ty mẹ:** Tổng tài sản tăng từ 1.239,5 tỷ đồng năm 2024 lên 1.566,9 tỷ đồng vào năm 2025, tương ứng mức tăng 26,4%. Cơ cấu sử dụng vốn có những thay đổi đáng chú ý, phản ánh định hướng quản trị vốn linh hoạt và ưu tiên thanh khoản.

- Tiền và tương đương tiền tăng mạnh từ 63,7 tỷ đồng năm 2024 lên 172,8 tỷ đồng năm 2025, tương ứng mức tăng 171,2%, cho thấy khả năng tạo tiền và quản trị dòng tiền được cải thiện rõ rệt.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 154 tỷ đồng lên 206,0 tỷ đồng, tăng khoảng 1,34 lần, phản ánh chiến lược sử dụng hiệu quả nguồn vốn tạm thời nhận rồi thông qua các công cụ tài chính ngắn hạn có tính thanh khoản cao.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 265,8 tỷ đồng lên 426,8 tỷ đồng, phù hợp với quy

mô doanh thu mở rộng và chính sách bán hàng trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh thị trường xuất khẩu và phân phối.

- Hàng tồn kho giảm nhẹ từ 432,5 tỷ đồng xuống 419,9 tỷ đồng (giảm 2,9%), song vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 26,8% tổng tài sản, phù hợp với đặc thù ngành lương thực – gạo có chu kỳ dự trữ và thu mua theo mùa vụ.

- Tài sản cố định tăng nhẹ từ 144,4 tỷ đồng lên 149,9 tỷ đồng, cho thấy Công ty vẫn tiếp tục đầu tư bổ sung tài sản phục vụ sản xuất – kinh doanh, bù đắp cho chi phí khấu hao.

- Đầu tư tài chính dài hạn duy trì ổn định ở mức 158,5 tỷ đồng, phản ánh chiến lược nắm giữ dài hạn vào các công ty con và đơn vị liên kết, không có biến động lớn trong kỳ.

**Hợp nhất:** Tổng tài sản tăng từ 1.285,6 tỷ đồng năm 2024 lên 1.609,0 tỷ đồng năm 2025, tương ứng mức tăng 25,2%. Cơ cấu sử dụng vốn nhìn chung đồng nhất với Công ty mẹ, song phản ánh rõ hơn quy mô hoạt động toàn hệ thống:

- Tiền và tương đương tiền tăng từ 66,7 tỷ đồng lên 175,5 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 163,1%, cho thấy thanh khoản hợp nhất được cải thiện đáng kể.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng từ 163,0 tỷ đồng lên 216,0 tỷ đồng, phản ánh sự nhất quán trong chính sách quản lý vốn ngắn hạn giữa Công ty mẹ và các công ty con.

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh từ 296,3 tỷ đồng lên 501,9 tỷ đồng, phù hợp với đà tăng trưởng doanh thu và mở rộng mạng lưới khách hàng trong kỳ.

- Hàng tồn kho giảm từ 478,4 tỷ đồng xuống 427,6 tỷ đồng, song vẫn là khoản mục trọng yếu, chiếm khoảng 26,6% tổng tài sản hợp nhất, phù hợp đặc thù ngành nghề.

- Tài sản cố định giảm nhẹ từ 255,4 tỷ đồng xuống 250,9 tỷ đồng, chủ yếu do tác động của khấu hao trong kỳ, trong khi các khoản đầu tư mới chưa làm thay đổi đáng kể quy mô tài sản cố định.

**Đánh giá về hiệu quả hoạt động và sử dụng vốn trong các năm gần đây:**

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty A An đã thực hiện tối ưu hóa nguồn vốn, tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh cốt lõi là lúa gạo. Hiệu quả sử dụng vốn có sự cải thiện, được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- Quy mô tài sản tăng gắn liền với hiệu quả kinh doanh: Căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, giá trị tổng tài sản hợp nhất tại ngày 31/12/2025 đạt 1.609 tỷ đồng, tăng 25,16% so với năm 2024. Việc gia tăng tài sản chủ yếu tập trung vào tài sản lưu động (hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn) phù hợp với đặc thù ngành lúa gạo có nhu cầu vốn lưu động cao để phục vụ các mùa vụ cao điểm, đồng thời Công ty A An đang mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và tăng sản lượng tiêu thụ trong kỳ, kéo theo nhu cầu gia tăng vốn lưu động để đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh được vận hành liên tục và hiệu quả. Doanh thu thuần hợp nhất tăng 36,18%, từ 2.436,9 tỷ đồng lên 3.318,6 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 60,61%, từ 27,9 tỷ đồng lên 44,9 tỷ đồng. Kết quả này đến từ việc Công ty đẩy mạnh

mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa các kênh bán hàng (bao gồm kênh GT, kênh MT, kênh thương mại điện tử), đồng thời Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả mảng kinh doanh gạo túi thương hiệu và gạo xá. Bên cạnh đó từ tháng 10/2025, Công ty bắt đầu ghi nhận thêm doanh thu từ hoạt động xuất khẩu gạo, qua đó mở rộng đầu ra và cải thiện cơ cấu thị trường tiêu thụ. Lợi nhuận gộp hợp nhất cũng tăng 54,73% từ 121,2 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng, phản ánh sản lượng tiêu thụ tăng và Công ty đã kiểm soát tốt hơn chi phí sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu đầu vào.

- Hiệu quả sử dụng tài sản và vốn lưu động: Các chỉ tiêu vòng quay của Công ty trong năm 2025 đều cải thiện so với năm 2024, phản ánh chất lượng vận hành và khả năng luân chuyển vốn được nâng lên rõ rệt. Cụ thể:

- Vòng quay tổng tài sản tăng từ 2,04 vòng lên 2,29 vòng cho thấy doanh thu tăng nhanh hơn tốc độ tăng của tổng tài sản, qua đó mỗi đồng tài sản tạo ra nhiều doanh thu hơn so với kỳ trước. Điều này cho thấy Công ty mở rộng quy mô tiêu thụ nhưng vẫn kiểm soát tốt quy mô tài sản đầu tư.

- Đối với vòng quay vốn lưu động, chỉ tiêu này tăng nhẹ từ 2,64 vòng lên 2,81 vòng, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động tiếp tục được duy trì ổn định trong bối cảnh quy mô hoạt động mở rộng. Công ty vẫn đảm bảo cân đối giữa nhu cầu dự trữ hàng hóa, công nợ phải thu và tiến độ bán hàng, qua đó hạn chế tình trạng ứ đọng vốn trong chu kỳ kinh doanh.

- Đáng chú ý, vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 4,95 vòng lên 6,91 vòng, phản ánh tốc độ tiêu thụ hàng hóa được cải thiện đáng kể. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sản lượng tiêu thụ tăng, đặc biệt khi Công ty mở rộng thêm kênh xuất khẩu, đồng thời công tác quản trị tồn kho được tối ưu hơn, giúp rút ngắn thời gian lưu kho và giảm thiểu rủi ro tồn đọng hàng hóa.

- Các chỉ tiêu vòng quay nêu trên cho thấy tốc độ luân chuyển vốn của Công ty được cải thiện, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả khai thác tài sản và là cơ sở hỗ trợ cải thiện các chỉ tiêu sinh lời như ROA và ROS. Đồng thời, việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và tài sản cũng góp phần duy trì khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức ổn định trong các năm gần đây. Trên cơ sở đó, Công ty đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đang được nâng cao đồng thời với mở rộng hoạt động, tạo nền tảng cho khả năng duy trì hiệu quả tài chính trong các năm tiếp theo.

### **2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định**

#### **a) Tài sản cố định hữu hình:**

- ❖ Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- ❖ Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ

khôi nguyên giá TSCĐ hữu hình.

- ❖ Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- ❖ Phương pháp khấu hao: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- ❖ Thời gian trích khấu hao được ước tính như sau:

**Bảng 30. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 40 năm
Máy móc, thiết bị	04 - 14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 11 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 được kiểm toán của AAN)

**b) Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.**

- ❖ Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.
- ❖ Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.
- ❖ Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
- ❖ Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:
  - + Quyền sử dụng đất: Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.
  - + Kiểu dáng công nghiệp: Là khoản chi phí thuê ngoài thiết kế bao bì sản phẩm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm
  - + Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong

06 năm.

**c) Những thay đổi trong chính sách khấu hao**

❖ Không có

**d) Tuân thủ theo chế độ quy định**

Công ty luôn tuân thủ chế độ khấu hao tài sản cố định theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC và các thông tư sửa đổi thông tư 45/2013/TT-BTC (thông tư 147/2016/TT-BTC, Thông tư 28/2017/TT-BTC, Thông tư 30/2025/TT-BTC), cụ thể:

- ❖ Áp dụng các nguyên tắc cơ bản khi tuân thủ chế độ khấu hao
- ❖ Lựa chọn phương pháp khấu hao: đường thẳng, số dư giảm dần, hoặc theo sản phẩm
- ❖ Thông báo cho cơ quan thuế về phương pháp đã chọn: thông báo phương pháp trích khấu hao đã chọn cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi bắt đầu áp dụng
- ❖ Thực hiện nhất quán: Phương pháp khấu hao đã chọn cho mỗi tài sản cố định phải được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình sử dụng tài sản. Chỉ được phép thay đổi phương pháp trích khấu hao 01 lần cho mỗi tài sản và phải giải trình rõ lý do cho cơ quan thuế.

**2.1.3 Mức lương bình quân**

**Bảng 31. Mức lương bình quân của người lao động công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Mức lương bình quân	Đồng/người/tháng	12.500.000	13.400.000

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, thu nhập bình quân tháng của người lao động trên toàn quốc năm 2025 đạt khoảng 8,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,9% so với năm 2024. Còn đối với khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 chỉ đạt khoảng 4,8 – 4,9 triệu đồng/người/tháng, thấp hơn đáng kể so với mức bình quân chung của nền kinh tế.

Trong khi đó, mức lương bình quân của người lao động tại Công ty năm 2025 đạt 13,4 triệu đồng/người/tháng, cao hơn rõ rệt so với:

- Thu nhập bình quân của người lao động trong khu vực nông nghiệp, và
- Thu nhập bình quân của người lao động trên phạm vi toàn quốc.

Như vậy, có thể đánh giá rằng chính sách tiền lương của Công ty đang ở mức tốt so với mặt bằng chung, đảm bảo thu nhập cho người lao động cao hơn bình quân ngành Nông nghiệp và bình quân cả nước, qua đó góp phần nâng cao đời sống, tạo động lực làm việc và giữ chân người lao động.

**2.1.4 Tình hình công nợ**

Tình hình công nợ của Công ty như sau:

**Bảng 32. Tổng hợp tình hình công nợ – Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/ giảm (%)
<b>I</b>	<b>Phải thu</b>	<b>265.759</b>	<b>426.792</b>	<b>60,59%</b>
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	265.759	426.792	60,59%
2	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	N/A
<b>II</b>	<b>Phải trả</b>	<b>810.734</b>	<b>644.412</b>	<b>-20,51%</b>
1	Nợ ngắn hạn	810.734	644.412	-20,51%
2	Nợ dài hạn	0	0	N/A

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 33. Tổng hợp tình hình công nợ – Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/ giảm (%)
<b>I</b>	<b>Nợ phải thu</b>	<b>296.323</b>	<b>501.916</b>	<b>69,38%</b>
1	Các khoản phải thu ngắn hạn	296.323	501.916	69,38%
2	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	N/A
<b>II</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>846.532</b>	<b>675.449</b>	<b>-20,21%</b>
1	Nợ ngắn hạn	846.532	675.449	-20,21%
2	Nợ dài hạn	0	0	N/A

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

a) **Các khoản phải thu**

**Bảng 34. Các khoản phải thu của Công ty mẹ**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/ giảm (%)
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>265.759</b>	<b>426.792</b>	<b>60,59%</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách	234.213	400.214	70,88%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/ giảm (%)
	hàng			
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.294	3.755	-59,60%
3	Phải thu ngắn hạn khác (****)	22.062	22.822	3,45%
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	190	0	-100,00%
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>N/A</b>
1	Phải thu dài hạn khác	0	0	N/A
	<b>Tổng cộng</b>	<b>265.759</b>	<b>426.792</b>	<b>60,59%</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 35. Các khoản phải thu Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng/ giảm (%)
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>296.323</b>	<b>501.916</b>	<b>69,38%</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	264.659	475.131	79,53%
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.356	3.888	-58,44%
3	Phải thu ngắn hạn khác (****)	22.118	22.897	3,52%
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	190	0	-100,00%
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>N/A</b>
1	Phải thu dài hạn khác	0	0	N/A
	<b>Tổng cộng</b>	<b>296.323</b>	<b>501.916</b>	<b>69,38%</b>

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

❖ Nhận xét về các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty:

Trong giai đoạn năm 2024 – 2025, tổng giá trị các khoản phải thu hợp nhất của Công ty Cổ phần Lương thực A An có xu hướng biến động tăng. Cụ thể: Năm 2024, tổng các khoản

phải thu đạt 296,32 tỷ đồng (tương ứng giảm 5,0% so với năm trước). Năm 2025, tổng các khoản phải thu đạt 501,92 tỷ đồng, tăng 69,4% so với cuối năm 2024. Diễn biến này phản ánh sự gia tăng quy mô bán hàng trong năm 2025, đồng thời cho thấy Công ty vẫn duy trì công tác quản trị công nợ tương đối ổn định, không ghi nhận tình trạng các khoản phải thu tăng trưởng đột biến vượt quá tốc độ tăng doanh thu. Cụ thể như sau:

(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ phải thu, lần lượt đạt 264,66 tỷ đồng năm 2024 và 475,13 tỷ đồng năm 2025, tương ứng chiếm khoảng 89,3% và 94,7% tổng các khoản phải thu hợp nhất. Đây là các khoản công nợ phát sinh chủ yếu từ hoạt động bán gạo thương mại cho các khách hàng lớn và uy tín như: Công ty CP Gentraco, Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh, Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam. Việc tốc độ tăng của khoản phải thu khách hàng cao hơn tốc độ tăng doanh thu chủ yếu xuất phát từ đặc điểm thời điểm phát sinh giao dịch và điều khoản thanh toán trong các hợp đồng bán hàng của Công ty. Cụ thể, trong năm 2025, Công ty đã mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh bao gồm bổ sung thêm hoạt động xuất khẩu và ký kết một số hợp đồng bán hàng có giá trị lớn, đặc biệt trong quý IV/2025. Để cạnh tranh và bao tiêu được các đơn hàng lớn từ các đối tác chiến lược, Công ty đã phân loại khách hàng dựa trên quy mô, lịch sử giao dịch và uy tín thanh toán để cấp hạn mức công nợ phù hợp hơn. Đối với các đối tác lớn, chiến lược, Công ty áp dụng chính sách thanh toán linh hoạt với kỳ hạn từ **90 ngày đến 120 ngày** kể từ ngày hoàn thành việc chuyển giao hàng hóa cho khách hàng. Đây là chính sách đặc thù, thiết yếu trong ngành lương thực với quy mô lớn nhằm hỗ trợ các nhà phân phối xoay vòng vốn, đồng thời giúp A An khóa chặt được các tệp khách hàng trọng điểm. Do đó, tại thời điểm 31/12/2025, nhiều khoản doanh thu đã được ghi nhận nhưng chưa đến hạn thanh toán theo hợp đồng, dẫn đến việc số dư phải thu khách hàng tăng đáng kể so với cuối năm trước.

(ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn:

Khoản mục trả trước cho người bán ngắn hạn của Công ty giảm từ 9,36 tỷ đồng năm 2024 xuống 3,89 tỷ đồng năm 2025, phản ánh việc Công ty giảm nhu cầu tạm ứng trước cho nhà cung cấp.

(iii) Phải thu ngắn hạn khác:

Khoản phải thu ngắn hạn khác của AAN duy trì ở mức ổn định từ 22,12 tỷ đồng năm 2024 lên 22,90 tỷ đồng năm 2025. Đây chủ yếu liên quan đến các khoản ký quỹ và các khoản phải thu mang tính chất ngắn hạn khác trong hoạt động kinh doanh thường xuyên, trong đó khoản mục này bao gồm chủ yếu là 20 tỷ đồng đặt cọc thuê tài sản cho CTCP CBOT Việt Nam (CBOT). Liên quan đến khoản mục phải thu ngắn hạn đối với CBOT, Công ty xin làm rõ như sau:

- **Về cơ sở pháp lý sử dụng tài sản thuê làm tài sản bảo đảm cho khoản vay:**

Căn cứ theo khoản 2 Điều 3 và Điều 194 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

"Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

...

Điều 194. Quyền định đoạt của chủ sở hữu

Chủ sở hữu có quyền bán, truu đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản."

Trong trường hợp này, việc AAN và CBOT tự nguyện xác lập Hợp đồng thuê tài sản số 2024104/HĐTVP/CB-AAN/2024 và Phụ lục Hợp đồng số 20241511/HĐTVP/CB-AAN/2024, trong đó ghi rõ mục đích thuê tài sản là để làm tài sản bảo đảm cho việc huy động vốn, là một thỏa thuận dân sự hoàn toàn hợp pháp. Với tư cách là chủ sở hữu hợp pháp của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 308 (địa chỉ 145/18 Nguyễn Văn Hường), Công ty CBOT có toàn quyền định đoạt đối với tài sản của mình, bao gồm cả việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho bên thứ ba (là Công ty AAN) tại tổ chức tín dụng.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 295 và khoản 1 Điều 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 295. Tài sản bảo đảm

3. Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai.

...

Điều 317. Thế chấp tài sản

1. Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)."

Theo đó, bên thế chấp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Pháp luật không hạn chế việc Bên thế chấp phải chính là Bên đi vay. Bên cạnh đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 3 của Nghị định 99/2022/NĐ-CP về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đăng ký biện pháp bảo đảm là việc cơ quan đăng ký ghi, cập nhật vào Sổ đăng ký hoặc vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm về **việc bên bảo đảm dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc của người khác** hoặc đồng thời bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và của người khác đối với bên nhận bảo đảm (sau đây gọi là đăng ký)."

Nghị định 99/2022/NĐ-CP đã ghi nhận việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với trường hợp bên bảo đảm dùng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác. Trên cơ sở các

quy định nêu trên, việc Công ty CBOT sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn của Công ty A An là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- **Về thời hạn và khả năng thu hồi khoản đặt cọc 20 tỷ đồng:** thời hạn thuê tài sản căn cứ theo hợp đồng thuê tài sản số 2024104/HĐTVP/CB-AAN/2024 là 12 tháng kể từ ngày 01/04/2024 và đã được gia hạn thêm 12 tháng theo Phụ lục Hợp đồng số 20251512/HĐTVP/CB-AAN/2025 ký ngày 15/03/2025, theo đó thời hạn thuê kéo dài đến ngày 31/03/2026. Khoản đặt cọc này hiện vẫn đang được Công ty CBOT Việt Nam nắm giữ theo đúng thỏa thuận hợp đồng và tiếp tục được trình bày trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” tại BCTC quý I/2026.

Về khả năng thu hồi, đây là khoản đặt cọc có tính chất bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài sản, không phải khoản phải thu phát sinh từ hoạt động bán hàng thông thường. Hiện tại hợp đồng thuê vẫn còn hiệu lực, tài sản thuê vẫn đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay tại BIDV – Chi nhánh Bắc Hà và hai bên dự kiến tiếp tục làm việc để gia hạn hợp đồng trong tháng 04/2026 nhằm duy trì mục đích sử dụng tài sản thuê. Đồng thời, Công ty luôn duy trì việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với tổ chức tín dụng, bảo đảm khả năng trả nợ đúng hạn và hạn chế tối đa rủi ro phát sinh nợ xấu hoặc xử lý tài sản bảo đảm. Trên cơ sở đó, rủi ro tài sản bảo đảm bị xử lý ở mức rất thấp, do đó Công ty đánh giá việc thu hồi khoản đặt cọc 20 tỷ đồng là khả thi, phù hợp với tình hình tài chính hiện tại của Công ty và các thỏa thuận trong hợp đồng.

- **Về tác động đến chi phí tài chính:** Việc thuê tài sản từ Công ty CBOT để sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay có phát sinh chi phí thuê tài sản và được Công ty ghi nhận vào chi phí tài chính theo quy định kế toán hiện hành. Bên cạnh đó, thông qua việc sử dụng tài sản này để bảo đảm cho khoản vay tại ngân hàng, Công ty có điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó phát sinh chi phí lãi vay tương ứng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Chi phí tài chính này đã được Công ty tính toán, kiểm soát trong kế hoạch tài chính tổng thể, bảo đảm phù hợp với hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ.

- **Về rủi ro liên quan đến bên thứ ba:** do tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của Công ty CBOT, Công ty có thể phát sinh một số rủi ro như: (i) rủi ro phát sinh tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản; (ii) rủi ro trong trường hợp bên cho thuê không tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc thay đổi điều kiện hợp tác; (iii) rủi ro phát sinh nghĩa vụ liên quan trong trường hợp tài sản bảo đảm bị xử lý. Tuy nhiên, các rủi ro này được Công ty đánh giá ở mức kiểm soát, do các bên đã ký kết hợp đồng với các điều khoản rõ ràng về quyền và nghĩa vụ, đồng thời Công ty luôn duy trì việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với tổ chức tín dụng nhằm hạn chế khả năng phát sinh xử lý tài sản bảo đảm.

- **Về tuân thủ quy định pháp lý:** Việc sử dụng tài sản của bên thứ ba để bảo đảm nghĩa vụ vay vốn của Công ty được thực hiện trên cơ sở hợp đồng dân sự hợp pháp, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Các giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và đăng ký (nếu thuộc trường hợp phải đăng ký) theo quy định tại Nghị định 99/2022/NĐ-CP. Công ty bảo đảm việc ghi nhận và trình bày

các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

(iv) Tài sản thiếu chờ xử lý: Khoản mục này phát sinh trong năm 2024 ở mức 190 triệu đồng và đã được Công ty xử lý dứt điểm trong năm 2025, không còn phát sinh tại thời điểm cuối kỳ.

❖ **Đánh giá về chất lượng công nợ phải thu:**

*Về các khoản phải thu của Công ty*

Tính đến cuối năm 2025, các khoản phải thu của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khách hàng thương mại có lịch sử giao dịch và tình trạng hoạt động bình thường. Công ty thường xuyên theo dõi công nợ, đối chiếu sổ dư và đơn đốc thu hồi theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tại thời điểm hiện tại, Công ty đã thu hồi 100% công nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2025, qua đó khẳng định các khoản phải thu này có khả năng thu hồi đầy đủ và không phát sinh dấu hiệu suy giảm giá trị.

Công ty quản lý công nợ theo nguyên tắc phân loại khách hàng, kiểm soát hạn mức và theo dõi thu hồi sát tiến độ. Trước khi ký kết hợp đồng, Công ty xem xét quy mô giao dịch, lịch sử mua bán, uy tín và năng lực tài chính của khách hàng để quyết định hạn mức công nợ phù hợp. Đối với các khách hàng lớn và đối tác chiến lược, Công ty áp dụng kỳ hạn thanh toán linh hoạt để hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa nhưng vẫn kiểm soát rủi ro thông qua cơ chế đối chiếu công nợ định kỳ, theo dõi phát sinh theo từng khách hàng và đơn đốc thu hồi nợ ngay khi đến hạn. Đối với các khoản nợ không còn khả năng thu hồi, Công ty chỉ thực hiện xử lý xóa nợ trên cơ sở hồ sơ đầy đủ, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nhưng không đạt kết quả, bảo đảm nguyên tắc thận trọng và phản ánh trung thực tình hình tài chính.

*Về khoản công nợ khó đòi đã xử lý:*

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và năm 2025, các khoản công nợ phải thu đều nằm trong hạn thanh toán, không phát sinh tình trạng nợ quá hạn đáng kể. Trong năm 2024 và năm 2025, Công ty đã xử lý xóa nợ khó đòi trị giá lần lượt là 233,2 triệu đồng và 407,87 triệu đồng, đảm bảo phản ánh đúng thực trạng tài chính và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn.

Trong năm 2024, khoản nợ phải thu khó đòi đối với 02 khách hàng là Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Cái Gia và Hệ thống siêu thị TH Mart với tổng giá trị 248.350.000 đồng. Khoản công nợ này phát sinh vào thời điểm cuối năm 2023. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2023 (ngày 31/12/2023), các khoản nợ này chưa quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên. Căn cứ theo quy định của pháp luật, các khoản nợ chưa đủ điều kiện về tuổi nợ để Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Bước sang năm 2024, bộ phận thu hồi nợ của Công ty đã nhiều lần áp dụng các biện pháp đôn đốc khách hàng thực hiện thanh toán nhưng phía khách hàng hoàn toàn không hợp tác, không thể liên lạc được và được đánh giá là không còn khả năng thanh toán. Nhằm minh bạch hóa số liệu và tuân thủ nguyên tắc thận trọng, Hội đồng xử lý nợ của Công ty đã quyết định xử lý xóa khoản nợ này.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục xử lý xóa khoản nợ của Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải và Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn với tổng giá trị khoản nợ là 174.625.933

đồng. Tương tự như trường hợp trên, các khoản nợ này phát sinh vào thời điểm cuối năm 2024. Tại thời điểm chốt số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 (ngày 31/12/2024), các khoản nợ vẫn đang trong kỳ hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn đủ 06 tháng nên Công ty không có cơ sở để trích lập dự phòng. Đến giữa năm 2025, do khách hàng ngừng hoạt động giao dịch, trốn tránh nghĩa vụ, không thể liên lạc và không có khả năng thu hồi, Công ty đã thiết lập hồ sơ để xử lý xóa nợ dứt điểm.

+ **Cơ sở pháp lý xóa nợ:** Việc xử lý nợ được căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng. Trên cơ sở đó, Ban Tổng giám đốc đã thành lập Hội đồng xử lý nợ để rà soát, thu thập hồ sơ, đánh giá tình trạng công nợ và xác định khả năng thu hồi của từng khoản nợ. Sau khi xem xét đầy đủ hồ sơ, chứng từ và kết quả đánh giá thực tế, Hội đồng xử lý nợ đã họp và trình Hội đồng quản trị xem xét, ban hành quyết định xóa nợ đối với các khoản nợ không còn khả năng thu hồi.

+ **Thẩm quyền phê duyệt:** Đối với các khoản phải thu khó đòi trong năm 2023 - 2024, sau khi được Hội đồng xử lý nợ rà soát, đánh giá và đề xuất, hồ sơ đã được trình Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy chế tài chính của công ty. Cụ thể, theo Quyết định số 3112/2024/NQ-CTHQQT ngày 31/07/2024 của Hội đồng quản trị về việc xóa nợ đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Cái Gia (230.000.000 đồng) và Hệ thống siêu thị TH Mart (3.247.200 đồng); đồng thời căn cứ theo Nghị quyết số 306/2025/NQ-CTHQQT của Hội đồng quản trị ngày 30/06/2025 về việc xóa nợ đối với khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư Intimex Sài Gòn (90.166.400 đồng) và Công ty Cổ phần Đại Thanh Hải (84.459.533 đồng). Việc xóa nợ được thực hiện minh bạch, có đầy đủ bằng chứng pháp lý và đã được đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, chấp thuận trong các kỳ Báo cáo tài chính. Các khoản nợ này sau khi xóa sổ vẫn được Công ty theo dõi ngoại bảng trong thời hạn tối thiểu 10 năm để tiếp tục thu hồi nếu khách hàng có khả năng thanh toán trở lại.

+ **Biện pháp tăng cường quản trị rủi ro tín dụng thương mại:**

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường quản trị rủi ro tín dụng thương mại và hạn chế phát sinh nợ xấu, bao gồm:

- ✓ Thiết lập hệ thống theo dõi tuổi nợ định kỳ trên hệ thống phần mềm SAP đối với toàn bộ danh mục phải thu khách hàng, qua đó nhận diện sớm các khoản có dấu hiệu khó thu hồi và thực hiện trích lập dự phòng khi đủ điều kiện theo quy định.
- ✓ Xây dựng và áp dụng quy trình thẩm định tín dụng thương mại trước khi cấp hạn mức công nợ cho khách hàng mới, đặc biệt với các khách hàng nhỏ lẻ hoặc chưa có lịch sử giao dịch lâu dài với Công ty. Đối với khách hàng lớn và có uy tín, Công ty tiếp tục duy trì chính sách tín dụng thương mại phù hợp với thông lệ ngành..
- ✓ Định kỳ đối chiếu công nợ và yêu cầu khách hàng xác nhận số dư bằng văn bản; đồng thời gắn chỉ tiêu tỷ lệ thu hồi công nợ đúng hạn với đánh giá hiệu quả công việc của bộ phận kinh doanh để tăng cường trách nhiệm trong công tác thu hồi công nợ.

- ✓ Khi khách hàng có dấu hiệu chậm thanh toán, bộ phận Kinh doanh và Pháp chế sẽ phối hợp làm việc trực tiếp để xây dựng phương án thu hồi phù hợp, bao gồm đàm phán thanh toán, thu hồi từng phần hoặc thực hiện các biện pháp pháp lý theo quy định. Trường hợp khoản nợ phát sinh dấu hiệu mất khả năng thu hồi, Công ty sẽ thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định; việc xóa nợ chỉ được xem xét là biện pháp cuối cùng khi đã có đủ hồ sơ và căn cứ chứng minh khách hàng không còn khả năng thanh toán. Sau khi xóa sổ, các khoản nợ này vẫn tiếp tục được theo dõi để thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty.

❖ **Đánh giá và rủi ro:**

Nhìn chung, tình hình công nợ phải thu của A An được quản trị chặt chẽ và có tính thanh khoản cao.

- Tích cực: Công ty duy trì khách hàng thương mại lớn, uy tín, đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn; tỷ lệ nợ phải thu/ doanh thu ở mức hợp lý, không gây áp lực lên dòng tiền.
- Rủi ro tiềm ẩn: Các khoản phải thu ngắn hạn khác có xu hướng tăng, chủ yếu liên quan đến đặt cọc dài hạn, tiềm ẩn rủi ro chuyển đổi thành tiền chậm hơn so với phải thu thương mại.

Tác động đến tình hình tài chính: Công tác quản lý công nợ phải thu hiệu quả giúp Công ty cải thiện dòng tiền kinh doanh, giảm áp lực vay ngắn hạn và củng cố tính ổn định tài chính. Đây là yếu tố tích cực hỗ trợ kế hoạch mở rộng kinh doanh của Công ty.

**b) Các khoản phải trả**

Sổ dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

**Bảng 36. Các khoản phải trả của Công ty mẹ**

*Đơn vị: triệu đồng*

Stt	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>810.734</b>	<b>644.412</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	39.899	20.134
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.627	5.307
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	2.484	7.039
4	Phải trả người lao động	2.730	4.836
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.697	3.167
6	Phải trả ngắn hạn khác	145	170
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (****)	740.152	603.759
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	0	0

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
	<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>810.734</b>	<b>644.412</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 37. Các khoản phải trả Hợp nhất**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>846.532</b>	<b>675.449</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	75.193	50.574
2	Người mua trả tiền trước hạn	20.711	5.315
3	Thuế và các khoản khác phải nộp NN	2.498	7.254
4	Phải trả người lao động	2.958	5.117
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	4.841	3.184
6	Phải trả ngắn hạn khác	180	246
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (****)	740.152	603.759
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	0	0
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	0	0
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0
	<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>846.532</b>	<b>675.449</b>

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Theo Báo cáo tài chính riêng**

- Tổng nợ phải trả: Tại thời điểm 31/12/2024, tổng nợ phải trả của Công ty mẹ đạt 810,7 tỷ đồng, đến 31/12/2025 giảm còn 644,4 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 20,5%. Diễn biến này cho thấy Công ty đã chủ động cơ cấu lại nghĩa vụ nợ, từng bước giảm áp lực tài chính trong bối cảnh quy mô hoạt động vẫn được duy trì. Việc giảm nợ cũng phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc cải thiện cơ cấu nguồn vốn và tăng cường khả năng tự chủ tài chính.
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tiếp tục là khoản mục chi phối, song đã giảm mạnh từ 740,2 tỷ đồng vào năm 2024 xuống 603,8 tỷ đồng năm 2025, tương ứng giảm 18,4%. Điều

này phản ánh việc Công ty đã chủ động thanh toán bớt dư nợ vay ngắn hạn, tận dụng dòng tiền cải thiện và nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm để giảm đòn bẩy tài chính. Việc các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu xuất phát từ đặc thù hoạt động kinh doanh trong ngành lúa gạo, trong đó nhu cầu vốn lưu động để thu mua nguyên liệu, dự trữ hàng hóa và phục vụ sản xuất theo mùa vụ thường ở mức cao. Các khoản vay này thường có kỳ hạn dưới 12 tháng theo quy định kế toán nên được phân loại là vay ngắn hạn, tuy nhiên trên thực tế có thể được gia hạn hoặc quay vòng theo chu kỳ sản xuất – kinh doanh, dẫn đến việc dư nợ vay ngắn hạn được duy trì qua nhiều năm. Trong bối cảnh lãi suất thị trường có xu hướng biến động, việc vay ngắn hạn với tỷ trọng lớn có thể làm gia tăng rủi ro chi phí tài chính đối với Công ty. Tuy nhiên, rủi ro này được kiểm soát thông qua một số biện pháp như:

- + Duy trì quan hệ tín dụng ổn định với các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn vốn với mức lãi suất cạnh tranh;
  - + Chủ động cân đối dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để giảm dần dư nợ vay khi điều kiện thị trường thuận lợi;
  - + Tối ưu hóa quản lý tồn kho và vòng quay vốn lưu động nhằm giảm nhu cầu vay vốn ngắn hạn.
- Phải trả người bán ngắn hạn: Giảm giảm từ 39,9 tỷ đồng xuống 20,1 tỷ đồng, cho thấy Công ty giảm dần sự phụ thuộc vào tín dụng thương mại, đồng thời cải thiện quan hệ thanh toán với nhà cung cấp.
  - Người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm mạnh từ 20,6 tỷ đồng xuống 5,3 tỷ đồng, phản ánh sự thay đổi về điều khoản giao dịch cũng như tiến độ thực hiện hợp đồng bán hàng trong kỳ.
  - Các khoản phải trả mang tính nghĩa vụ thường xuyên như thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả duy trì ở mức thấp và biến động không đáng kể, phản ánh tính ổn định trong quản lý nghĩa vụ ngắn hạn.

#### **Theo Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Tổng nợ phải trả giảm từ 846,5 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 675,4 tỷ đồng tại 31/12/2025, tương ứng mức giảm 20,4%.
- Nợ ngắn hạn chiếm gần như toàn bộ tổng nợ phải trả, trong đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 740,2 tỷ đồng xuống 603,8 tỷ đồng.
- Phải trả người bán ngắn hạn giảm từ 75,2 tỷ đồng năm 2024 xuống 50,6 tỷ đồng năm 2025.
- Người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp, phải trả người lao động duy trì ở

mức hợp lý, phản ánh hoạt động kinh doanh diễn ra ổn định, không phát sinh nghĩa vụ bất thường.

*(\*\*\*) Giai đoạn năm 2024-2025 với mục tiêu đẩy mạnh quy mô sản xuất và có thêm nguồn vốn lưu động để thực hiện hoạt động thu mua lúa gạo, phục vụ hoạt động kinh doanh, A An đã tăng cường việc mở rộng hạn mức tín dụng tại các ngân hàng với tổng hạn mức vay vốn lần lượt như sau: năm 2024 tổng hạn mức được cấp 1305 tỷ đồng, năm 2025 tổng hạn mức được cấp 2061 tỷ đồng.*

*Để sử dụng được tổng hạn mức vay vốn được cấp nêu trên, Công ty cần bổ sung các tài sản đảm bảo và duy trì giá trị tài sản đảm bảo với tỷ lệ tối thiểu khoảng 30-50% trên tổng số dư nợ được giải ngân (tỷ lệ này có thay đổi tùy thuộc vào quy định của mỗi ngân hàng). Do đó việc có thêm tài sản đảm bảo của bên thứ ba sẽ giúp Công ty có thể tận dụng và sử dụng được tối đa hạn mức tín dụng mà các ngân hàng đã cấp, từ đó giúp gia tăng nguồn vốn lưu động, hỗ trợ kịp thời nguồn lực cho Công ty khi vào cao điểm sản xuất (đặt biệt vào các mùa vụ chính như Đông Xuân và Hè Thu). Với chiến lược sử dụng nguồn vay hiệu quả và ổn định, trong giai đoạn 2024-2025 Công ty đã tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ với các đơn vị nội bộ (thuộc A An và hệ thống Siba Holdings, Tân Long) và các đối tác, khách hàng bên ngoài... để bổ sung thêm các tài sản đảm bảo hoặc sự hỗ trợ bảo lãnh tín dụng. Chi tiết thông tin về các khoản vay được thế chấp bằng tài sản hoặc bảo lãnh của bên thứ ba trong năm 2024 - 2025 cụ thể như sau:*

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

STT	Tổ chức cho vay	Hạn mức tín dụng (triệu đồng)	Đợt nợ tín dụng cuối năm (triệu đồng)	Thông tin tài sản thế chấp của bên thứ ba	Giá trị của tài sản đảm bảo (triệu đồng)	Mối quan hệ với AAN	Thẩm quyền thông qua
<b>I. Thông tin các khoản vay tại ngày 31/12/2024:</b>							
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà	400.000	356.944	Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba là Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam (“CBOT”) số 01/2024/15267813/HĐTC ngày 4/4/2024. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số D1 205580, số vào sổ cấp GCN CT 88224 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cbot Việt Nam	198.277 (i)	CBOT không có mối quan hệ với AAN	Không có do CBOT không có mối quan hệ với AAN
2	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	150.000	149.970	Hợp đồng bảo lãnh liên đới ngày 18/9/2024, bên bảo lãnh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	0 (i)	Tập đoàn Tân Long là Công ty có cùng chủ tịch HĐQT (ông Trương Sỹ Bá)	Nghị quyết HĐQT số 0401/2024/NQ-HDQT ngày 04/01/2024 về việc phê duyệt các hợp đồng/ giao dịch với người nội bộ và người có liên quan phải được chấp thuận của

STT	Tổ chức cho vay	Hạn mức tín dụng (triệu đồng)	Dư nợ tín dụng cuối năm (triệu đồng)	Thông tin tài sản thế chấp của bên thứ ba	Giá trị của tài sản đảm bảo (triệu đồng)	Mối quan hệ với AAN	Thẩm quyền thông qua
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	55.000	4.999,6	Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2024/HĐBĐ/NHCT328-AAN ngày 26/6/2024 với bên thứ ba là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng. Tài sản thế chấp là các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng	41.654 (i)	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yên Đăng là Công ty con	HDQT Công ty cổ phần Lương thực A An
<b>Tổng cộng</b>		<b>605.000</b>	<b>561.913,6</b>		<b>239.931</b>		

II. Thông tin các khoản vay tại ngày 31/12/2025:

<p>1</p>	<p>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà</p>	<p>550.000</p>	<p>177.022</p>	<p>- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba là Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam số Hợp đồng thế chấp số 01/2024/15267813/HDTCTC ngày 04/04/2024. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận số DI 205580, số vào sổ cấp GCN CT 88224 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cbot Việt Nam. Giá trị tài sản thế chấp: 210.000.000.000 VND theo báo cáo thẩm định giá trị tài sản số 01/2025/15267813/BDS-QLKH ngày 24/04/2025. - Hợp đồng tiền gửi số 819005043324 tổng trị giá 24.000.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Trương Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Khánh Huyền đang gửi tại ngân hàng theo các thỏa thuận cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và một số tài sản đảm bảo khác - Hợp đồng tiền gửi số 819005043324 tổng trị giá 24.000.000.000 VND thuộc sở hữu của ông Trương Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Khánh Huyền đang gửi tại ngân hàng theo các thỏa thuận cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và một số tài sản đảm bảo khác</p>	<p>234.000 (i)</p>	<p>-CBOT không có mối quan hệ với AAN - Ông Trương Mạnh Linh hiện là Phó Chủ tịch HĐQT thường trực của AAN - Bà Nguyễn Thị Khánh Huyền là vợ của Ông Trương Mạnh Linh</p>	<p>Nghị quyết HĐQT số 0301/2025/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025 về việc phê duyệt các hợp đồng/ giao dịch với người nội bộ và người có liên quan phải được chấp thuận của HĐQT Công ty cổ phần Lương thực A An</p>
----------	--	----------------	----------------	--	--------------------	---	--

STT	Tổ chức cho vay	Hạn mức tín dụng (triệu đồng)	Lư nợ tín dụng cuối năim (triệu đồng)	Thông tin tài sản thế chấp của bên thứ ba	Giá trị của tài sản đảm bảo (triệu đồng)	Mối quan hệ với AAN	Thẩm quyền thông qua
2	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	250.000	143.620	Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội số 132852445136045929TG.DN, số tiền 9.000.000.000 VNĐ thuộc sở hữu của Công ty TNHH Dầu Gạo AAN ORYZA	9.000 (i)	Công ty TNHH Dầu Gạo AAN ORYZA là Công ty con	Nghị quyết HĐQT số 0401/2024/NQ-HDQT ngày 04/01/2024 về việc phê duyệt các hợp đồng/ giao dịch với người nội bộ và người có liên quan phải được chấp thuận của HĐQT Công ty cổ phần Lương thực A An
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	100.000	7.415,9	- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 48/2024/HĐBĐ/NHCT328-AAN ngày 26/6/2024 với bên thứ ba là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng. Tài sản thế chấp là các Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 41.654.000.000 VNĐ. - Hợp đồng cầm cố trái phiếu số 55/2025/HĐBĐ/NHCT328-AAN, số tiền 7.000.000.000 VNĐ thuộc sở hữu của ông Trương Mạnh Linh.	48.654 (i)	- Ông Trương Mạnh Linh hiện là Phó Chủ tịch HĐQT thường trực của AAN - Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Yến Đăng là Công ty con	

STT	Tổ chức cho vay	Hạn mức tín dụng (triệu đồng)	Dư nợ tín dụng cuối năm (triệu đồng)	Thông tin tài sản thế chấp của bên thứ ba	Giá trị của tài sản đảm bảo (triệu đồng)	Mối quan hệ với AAN	Thẩm quyền thông qua
4	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai	150.000	0	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng bảo lãnh liên đới ngày 12/08/2025, bên bảo lãnh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long.</li> <li>Hợp đồng bảo lãnh liên đới ngày 12/08/2025, bên bảo lãnh Ông Trương Sỹ Bá.</li> <li>Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10001096LD005202411 ngày 06/01/2025 giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Lương thực Cò đó (Bên thế chấp) và Công ty (bên vay)</li> </ul>	57.961 (i)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT</li> <li>CTCP Tập đoàn Tân Long là Công ty có cùng chủ tịch HĐQT (ông Trương Sỹ Bá)</li> <li>Công ty TNHH Lương thực Cò không có mối quan hệ với AAN</li> </ul>	Nghị quyết HĐQT số 0401/2024/NQ-HDQT ngày 04/01/2024 về việc phê duyệt các hợp đồng/giao dịch với người nội bộ và người có liên quan phải được chấp thuận của HĐQT Công ty cổ phần Lương thực A An
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.050.000</b>	<b>528.058</b>		<b>349.615</b>		

(Nguồn: AAN)

(\* Giá trị tài sản đảm bảo của các khoản vay ngân hàng được Công ty duy trì đảm bảo theo tỷ lệ quy định trong các thỏa thuận cấp tín dụng, bao gồm tài sản thế chấp của bên thứ ba và các tài sản bảo đảm bổ sung phát sinh trong quá trình hoạt động. Bên cạnh tài sản bảo đảm, các ngân hàng cũng xem xét về mức độ tin nhiệm, năng lực tài chính và lịch sử quan hệ tín dụng của Công ty khi xác định hạn mức tín dụng hàng năm. Theo đó, một phần hạn mức tín dụng được cấp trên cơ sở tín chấp, dựa trên uy tín và năng lực tài chính của Công ty theo chính sách tín dụng của từng ngân hàng. Do đó, giá trị tài sản đảm bảo của một số khoản vay có thể thấp hơn dư nợ thực tế hoặc hạn mức tín dụng được cấp.

**Đánh giá chung**

- Xu hướng tích cực: Giai đoạn 2024–2025 ghi nhận sự điều chỉnh giảm rõ rệt nợ phải trả, đặc biệt là nợ vay ngắn hạn, cho thấy A An đã chủ động kiểm soát đòn bẩy tài chính sau giai đoạn mở rộng quy mô.
- Rủi ro tiềm ẩn: Mặc dù nợ vay ngắn hạn đã giảm, tỷ trọng nợ ngắn hạn trong tổng nợ vẫn ở mức cao, đòi hỏi Công ty tiếp tục quản trị chặt chẽ dòng tiền và kế hoạch thanh toán.
- Định hướng: Trong thời gian tới, A An hướng tới cơ cấu lại danh mục nợ, giảm dần phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, từ đó củng cố khả năng thanh toán và tăng tính bền vững trong tài chính.

**c) Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, năm 2025 và cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ.

**d) Việc vi phạm các điều khoản khác**

Công ty không vi phạm bất kỳ các điều khoản trong các hợp đồng đã ký kết với khách hàng đối tác nào trong quá trình hoạt động.

**2.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

- ✚ Đối với thuế giá trị gia tăng, Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Mặt hàng	Thuế suất thuế GTGT
Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại	Không chịu thuế
Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chưa qua chế biến hoặc sơ chế bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các cá nhân, tổ chức khác và dịch vụ gia công xay xát lúa	5%
Hàng hóa, dịch vụ khác	8%, 10%

- ✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty Cổ phần Lương thực A An có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất:
  - Đối với hoạt động sơ chế từ lúa gạo thành gạo thành phẩm tại địa bàn ưu đãi đầu tư: 10%
  - Đối với hoạt động sơ chế từ lúa gạo thành gạo thành phẩm tại địa bàn ưu đãi khác: 15%

Đối với hoạt động thương mại gạo và các hoạt động khác: 20%

Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước như sau:

**Bảng 38. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2024**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		Phát sinh trong năm 2024		31/12/2024	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.943	0	7.946	(11.207)	1.681	0
Thuế thu nhập cá nhân	91	0	287	(330)	49	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	0	0	970	(215)	755	0
<b>Tổng</b>	<b>5.034</b>	<b>0</b>	<b>9.203</b>	<b>(11.753)</b>	<b>2.484</b>	<b>0</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024 của AAN)

**Bảng 39. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Công ty mẹ năm 2025**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		Phát sinh trong năm 2025		31/12/2025	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.681	0	12.691	(7.389)	6.984	0
Thuế thu nhập cá nhân	49	0	566	(559)	55	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	755	0	151	(906)	0	0
<b>Tổng</b>	<b>2.484</b>	<b>0</b>	<b>13.408</b>	<b>(8.854)</b>	<b>7.039</b>	<b>0</b>

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2025 của AAN)

**Bảng 40. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2024**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		Phát sinh trong năm 2024		31/12/2024	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.112	0	8.143	(11.562)	1.693	0
Thuế thu nhập cá nhân	93	0	292	(335)	50	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác		0	973	(218)	755	0
<b>Tổng</b>	<b>5.205</b>	<b>0</b>	<b>9.408</b>	<b>(12.115)</b>	<b>2.498</b>	<b>0</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của AAN)

**Bảng 41. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Hợp nhất năm 2025**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		Phát sinh trong năm 2025		31/12/2025	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.693	0	12.893	(7.389)	7.197	0
Thuế thu nhập cá nhân	50	0	577	(570)	56	0
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	755	0	156	(911)	0	0
<b>Tổng</b>	<b>2.498</b>	<b>0</b>	<b>13.626</b>	<b>(8.870)</b>	<b>7.254</b>	<b>0</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của AAN)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật

và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật.

#### 2.1.6 Trích lập, sử dụng các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Số dư các quỹ được trích lập giai đoạn 2024 - 2025 như sau:

**Bảng 42. Số dư trích lập các quỹ của Công ty**

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
2	Quỹ bình ổn giá	0	0
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0
4	Quỹ đầu tư phát triển	0	0
5	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	0	0
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, dựa trên quy định của pháp luật và quyết định của ĐHĐCĐ Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, Công ty đang trong giai đoạn ưu tiên tích lũy nguồn lực tài chính để phục vụ nhu cầu vốn lưu động và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đặc thù ngành lúa gạo có chu kỳ vốn lưu động lớn và yêu cầu duy trì tồn kho nguyên liệu cũng như thành phẩm ở mức cao, việc giữ lại lợi nhuận chưa phân phối thay vì phân bổ vào các quỹ giúp Công ty linh hoạt hơn trong quản trị dòng tiền và tối ưu nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh cốt lõi.

#### 2.1.7 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

Ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế chính trị thế giới: Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine vẫn chưa có hồi kết tính đến hết năm 2025, trong khi căng thẳng mới tại Trung Đông (Israel – Hamas, Iran) khiến giá dầu và năng lượng leo thang trở lại. Điều này làm tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, vận chuyển và năng lượng, tạo áp lực lên biên lợi nhuận gộp và dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, xung đột địa chính trị khiến chuỗi cung ứng toàn

cầu tiếp tục đứt gãy cục bộ và làm gia tăng rủi ro cho các kế hoạch nhập khẩu nguyên vật liệu.

Ảnh hưởng bởi lãi suất và chính sách tiền tệ: Trong năm 2025, các nước đang thực hiện quá trình nới lỏng tiền tệ thông qua hạ lãi suất điều hành (trừ Nhật Bản). Dự kiến năm 2026, quá trình nới lỏng sẽ chậm lại so với 2025. Trong nước, Lãi suất tiền gửi đang nhích tăng cuối tháng 11/2025 đến nay, kênh tiền gửi dự kiến vẫn sẽ được ưu tiên cho các khách hàng có khẩu vị thận trọng - trung bình, đồng thời lãi suất cho vay cũng có xu hướng tăng. Điều này cho thấy các doanh nghiệp sẽ có áp lực về chi phí tài chính trong ngắn hạn, đặc biệt với các doanh nghiệp có đòn bẩy cao. Rủi ro vẫn tồn tại nếu đồng USD mạnh lên hoặc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giữ lãi suất cao lâu hơn kỳ vọng, có thể gây áp lực tỷ giá và dòng vốn rút ra khỏi các thị trường mới nổi, bao gồm Việt Nam, mặc dù dự báo sẽ ổn định hơn trong năm 2026 nhờ cán cân thanh toán cải thiện.

Rủi ro từ biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan: Công ty A An hoạt động trong ngành gắn chặt với yếu tố thời tiết và mùa vụ. Sự xuất hiện của El Niño trong những năm gần đây đã làm giảm năng suất lúa, gây gián đoạn nguồn cung nguyên liệu đầu vào, đồng thời tạo rủi ro cho kế hoạch tồn trữ và sản xuất của công ty. Ngoài ra, tình trạng ngập mặn, xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long có thể làm suy giảm chất lượng hạt gạo, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu.

## 2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 43. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,14	1,94
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,61	1,28
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,65	0,41
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,89	0,70
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
- Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,99	2,17
- Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	2,77	2,80
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	5,17	6,70
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	1,23%	1,45%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	2,45%	3,14%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	6,54%	6,53%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ CP	776	1.217

(Nguồn: Tính toán từ BCTC riêng kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**Bảng 44. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,20	1,99
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ</i>	Lần	0,64	1,36

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
<i>ngắn hạn</i>			
<b>2. Cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,66	0,42
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,93	0,72
<b>3. Năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	2,04	2,29
- Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	2,64	2,81
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,95	6,91
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	1,15%	1,35%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	2,34%	3,10%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	6,58%	6,55%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ CP	799	1.240

(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của AAN)

**a. Khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn: Theo BCTC riêng và hợp nhất, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty có sự tăng trưởng như sau:

- ❖ Công ty mẹ: tăng mạnh từ 1,14 lần vào năm 2024 lên 1,94 lần năm 2025.
- ❖ Hợp nhất: tăng từ 1,20 lần năm 2024 lên 1,99 lần năm 2025.

Diễn biến này phản ánh việc Công ty tăng cường tài sản ngắn hạn, đồng thời giảm đáng kể nợ ngắn hạn, qua đó nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn. Mức hệ số đều lớn hơn 1 và tiệm cận ngưỡng 2 cho thấy vị thế thanh khoản an toàn.

Hệ số thanh toán nhanh: Cải thiện rõ rệt ở cả công ty mẹ (tăng từ 0,61 lên 1,28 lần) và hợp nhất (tăng từ 0,64 lên 1,36 lần). Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy Công ty đã cải thiện chất lượng tài sản ngắn hạn, giảm dần sự phụ thuộc vào hàng tồn kho để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán.

Đánh giá: Nhìn chung, khả năng thanh toán của AAN được cải thiện theo hướng tích cực, phản ánh hiệu quả của việc tái cơ cấu nguồn vốn và quản trị vốn lưu động.

**b. Cơ cấu vốn**

Xét về cơ cấu vốn, mức độ đòn bẩy tài chính đã được cải thiện rõ rệt trong năm 2025. Tại Công ty mẹ, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,65 xuống 0,41, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 1,89 lần xuống 0,70 lần. Theo số liệu hợp nhất, các chỉ tiêu này cũng lần lượt giảm từ 0,66 xuống 0,42 và từ 1,93 lần xuống 0,72 lần. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc giảm dư nợ vay ngắn hạn đồng thời gia tăng vốn chủ sở hữu thông qua đợt chào bán cổ phiếu, qua đó tạo điều kiện để Công ty từng bước điều chỉnh mô hình tài trợ vốn, giảm dần sự phụ thuộc vào vốn vay và củng cố nền tảng tài chính trong trung – dài hạn.

**c. Năng lực hoạt động**

Hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty được nâng cao trong năm 2025. Vòng quay tổng tài sản tại Công ty mẹ tăng từ 1,99 vòng lên 2,17 vòng, trong khi tại báo cáo hợp nhất tăng từ 2,04 vòng lên 2,29 vòng, cho thấy doanh thu tăng nhanh hơn so với quy mô tài sản. Đồng thời, vòng quay vốn lưu động duy trì xu hướng cải thiện nhẹ, đạt 2,80 vòng tại Công ty mẹ và 2,81 vòng tại hợp nhất. Đáng chú ý, vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh từ 5,17 vòng lên 6,70 vòng ở Công ty mẹ và từ 4,95 vòng lên 6,91 vòng ở hợp nhất, phản ánh hiệu quả rõ rệt trong công tác quản trị hàng tồn kho, rút ngắn thời gian lưu kho và giải phóng vốn lưu động.

**d. Khả năng sinh lời**

Trên nền tảng đó, khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2025 ghi nhận sự phục hồi tích cực. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tại Công ty mẹ tăng từ 1,23% lên 1,45%, và tại hợp nhất tăng từ 1,15% lên 1,35%. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) cũng được cải thiện đáng kể, từ 2,45% lên 3,14% ở Công ty mẹ và từ 2,34% lên 3,10% ở hợp nhất. Trong

khi đó, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) duy trì ổn định quanh 6,5%, dù vốn chủ sở hữu tăng mạnh sau phát hành cổ phiếu, cho thấy chất lượng lợi nhuận được giữ vững. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng mạnh từ 776 đồng lên 1.217 đồng tại Công ty mẹ và từ 799 đồng lên 1.240 đồng tại hợp nhất, phản ánh sự tăng trưởng thực chất của lợi nhuận ròng phân bổ cho cổ đông.

**e. Tổng hợp đánh giá**

Các chỉ tiêu tài chính cho thấy tình hình tài chính của AAN trong năm 2025 đã có những cải thiện tích cực, thể hiện qua việc khả năng thanh khoản được nâng lên, mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính giảm, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản từng bước cải thiện, đồng thời khả năng sinh lời có dấu hiệu phục hồi. Những chuyển biến này góp phần tạo nền tảng tài chính ổn định hơn, hỗ trợ Công ty duy trì hoạt động và triển khai các kế hoạch tăng trưởng trong giai đoạn sau niêm yết.

**f. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.**

**3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết**

**3.1 Đối với báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024**

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1911.01.01/2024/BCTC – NVT2 ngày 25/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng*

**3.2 Đối với báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024**

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1911.01.02/2024/BCTC – NVT2 ngày 25/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *“Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.*

**3.3 Đối với báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025**

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025: Theo

Báo cáo kiểm toán số: 1407.02.03/2025/BCTC-NTV2 ngày 28/01/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng."*

### 3.4 Đối với báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2025: Theo Báo cáo kiểm toán số: 1407.02.04/2025/BCTC-NTV2 ngày 28/01/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: *"Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất để cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực A An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."*

## 4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

### 4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026

**Bảng 45. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch Năm 2026	% tăng giảm
Doanh thu thuần	3.319	4.300	29,56%
Lợi nhuận sau thuế	44,9	57,7	28,51%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,35%	1,34%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,54%	6,00%	-
Tỷ lệ cổ tức	0	18%	-

(Nguồn: AAN)

### 4.2 Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết 003.2/2026/NQĐHĐCĐ-AAN ngày 20/03/2026.

#### **4.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 của CTCP Lương thực A An được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện bối cảnh thị trường, năng lực nội tại của Công ty và định hướng chiến lược phát triển trung – dài hạn. Trong đó, việc Công ty đã được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo số 376/9-2025-TP.HN/GCN ngày 23/09/2025, đây là nền tảng quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và nâng cao hiệu quả sinh lời.

##### **a. Chủ động chuỗi giá trị nhờ vùng nguyên liệu chiến lược – Nền tảng tăng trưởng doanh thu ổn định**

A An tiếp tục mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu lúa gạo chất lượng cao thông qua mô hình liên kết “Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Nông dân” tại các tỉnh trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long như An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang, với quy mô dự kiến trên **20.000 ha**.

Việc chủ động vùng nguyên liệu, áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ và kiểm soát truy xuất nguồn gốc giúp Công ty:

- Ổn định nguồn cung, hạn chế chi phí trung gian, giảm rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào;
- Chủ động kế hoạch sản xuất – xuất khẩu theo đơn hàng;
- Đảm bảo sản lượng và chất lượng đầu vào phục vụ mục tiêu tăng trưởng doanh thu gần **30%** trong năm 2026.

##### **b. Mở rộng vùng nguyên liệu**

Công ty xác định phát triển vùng nguyên liệu là một trong những trụ cột chiến lược quan trọng nhằm bảo đảm tính ổn định của hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động nguồn cung đầu vào và nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn. Theo định hướng phát triển chuỗi giá trị lúa gạo tích hợp, Công ty không chỉ mở rộng diện tích liên kết đơn thuần mà còn tập trung xây dựng vùng nguyên liệu bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu thụ, qua đó kiểm soát chất lượng nguyên liệu ngay từ đầu vào, giảm thiểu rủi ro biến động giá và bảo đảm khả năng đáp ứng các đơn hàng quy mô lớn, dài hạn. Việc này cũng phù hợp với định hướng phát triển vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp và tăng trưởng xanh tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực tế triển khai trong giai đoạn 2024 – 2026 cho thấy quy mô vùng nguyên liệu của Công ty đã tăng trưởng rõ nét. Cụ thể, tổng diện tích ký hợp đồng bao tiêu năm 2024 đạt 7.254 ha, với sản lượng ký kết 52.366.500 kg; sang năm 2025, diện tích tăng lên 23.753 ha, sản lượng đạt 179.622.833 kg; và năm 2026 dự kiến tiếp tục đạt 29.951 ha, sản lượng ước tính 234.543.671 kg. Như vậy, chỉ sau hai năm, diện tích liên kết đã tăng hơn 4 lần so với năm 2024, phản ánh sự mở rộng mạnh mẽ cả về quy mô lẫn mức độ tin tưởng của các hợp tác xã,

nông dân và đối tác liên kết đối với mô hình bao tiêu của Công ty.

Về phạm vi triển khai, năm 2024 vùng nguyên liệu chủ yếu tập trung tại An Giang và Kiên Giang, với các đối tác cốt lõi như HTX Nông Nghiệp Sơn Hòa, HTX Nông Nghiệp Vọng Đông, HTX Nông Nghiệp Vinacam Hòn Đất và HTX Dịch Vụ Phú Nông Xanh. Sang năm 2025, Công ty mở rộng mạnh mẽ mạng lưới liên kết với khoảng 30 hợp tác xã và doanh nghiệp, trong đó có các đối tác mới như HTX Nông Nghiệp Nông Thuận Phát, HTX Nông Nghiệp Hiệp Lợi, HTX Nông Nghiệp Hiệp Xuân Phú, Công ty TNHH Gạo Hưng Phú, Công ty TNHH Một Thành Viên Hạt Lúa Vàng và HTX Nông Nghiệp Trí Lực Thới Bình. Đến năm 2026, vùng nguyên liệu tiếp tục được củng cố và tập trung hơn tại An Giang, đồng thời phát triển thêm các hợp đồng quy mô lớn với các đối tác như Công ty TNHH Thương Mại và DV Nông Phát Đạt và HTX Nông Nghiệp Hiệp Lợi.

Bên cạnh mở rộng diện tích, Công ty đồng thời chuyển dịch cơ cấu giống lúa theo hướng phục vụ phân khúc chất lượng cao và thị trường xuất khẩu. Nếu như năm 2024 cơ cấu giống chủ yếu gồm OM18, DT8, 5451, JAPO, ST24, ST25 và lúa tôm ST25, thì giai đoạn 2025 – 2026 giống DSI trở thành giống chủ đạo trong nhiều hợp đồng, đặc biệt ở các vùng liên kết phục vụ thị trường EU và Nhật Bản. Việc lựa chọn cơ cấu giống như vậy cho thấy Công ty không chỉ chú trọng sản lượng, mà còn định hướng vùng nguyên liệu theo yêu cầu thị trường, nhất là các thị trường có tiêu chuẩn khắt khe về an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và truy xuất nguồn gốc.

Để bảo đảm vùng nguyên liệu mở rộng đi đôi với chất lượng đầu vào, Công ty triển khai đồng bộ hệ thống tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân, hợp tác xã và các đơn vị liên kết. Các nội dung tập huấn tập trung vào quy trình canh tác IP5G, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), kinh tế tuần hoàn trong sản xuất lúa gạo, canh tác lúa nước giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê phát thải theo chuẩn ISO 14064-1, cũng như các tiêu chuẩn GlobalG.A.P. và SAI/FSA. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng huấn luyện an toàn lao động và sơ cấp cứu ban đầu. Cách tiếp cận này giúp vùng nguyên liệu không chỉ tăng về diện tích mà còn được chuẩn hóa về quy trình canh tác, nâng cao tính đồng nhất của nguyên liệu, giảm tổn thất sau thu hoạch và tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong dài hạn.

Trên cơ sở đó, việc mở rộng vùng nguyên liệu là hướng đi phù hợp với đặc thù ngành lúa gạo và chiến lược phát triển của Công ty trong dài hạn. Mô hình liên kết với nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong chuỗi giá trị giúp Công ty chủ động nguồn cung, kiểm soát chất lượng, nâng cao khả năng đáp ứng đơn hàng lớn và gia tăng khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu có giá trị cao. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững trong các năm tới.

### **c. Tái định vị sản phẩm và thương hiệu – Tối ưu hóa biên lợi nhuận**

Trong năm 2026, A An sẽ tái cơ cấu danh mục sản phẩm theo hướng tập trung nguồn lực phát triển nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, cụ thể:

- **Gạo hữu cơ cao cấp,**
- + ST25 Plus – dòng sản phẩm cải tiến với hàm lượng dinh dưỡng vượt trội,
- + Japonica Premium – hướng đến thị trường Nhật, Hàn và các cộng đồng người châu Á tại châu Âu.

- **Chiến lược bao gồm:**

- + Đầu tư chiều sâu vào bao bì, nhận diện thương hiệu, nâng cao trải nghiệm người tiêu dùng
- + Tăng độ phủ sản phẩm tại kênh hiện đại: chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi, thương mại điện tử.
- + Thay đổi thói quen tiêu dùng gạo truyền thống bằng việc giới thiệu sản phẩm đóng túi có thương hiệu, rõ ràng về nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Đây là cơ sở quan trọng để lợi nhuận sau thuế tăng tương ứng với tốc độ tăng doanh thu, đồng thời duy trì biên lợi nhuận ở mức ổn định.

**d. Giấy phép xuất khẩu – Động lực trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng doanh thu**

CTCP Lương thực A An đã được Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo, qua đó cho phép Công ty:

- Chủ động ký kết và thực hiện các hợp đồng xuất khẩu trực tiếp;
- Giảm phụ thuộc vào hình thức xuất khẩu ủy thác;
- Kiểm soát tốt hơn chuỗi giá trị và thời gian giao hàng.

Trên nền tảng pháp lý và năng lực xuất khẩu đã được cấp phép, năm 2026 Công ty tập trung:

- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu trực tiếp, đặc biệt đối với các sản phẩm gạo chất lượng cao;
- Mở rộng thị trường xuất khẩu trọng điểm:
  - + Châu Âu (Đức, Hà Lan, Pháp) tận dụng ưu đãi thuế quan từ EVFTA;
  - + Nhật Bản, Hàn Quốc với các dòng gạo Japonica, gạo cao cấp;
  - + Trung Đông và châu Phi cho phân khúc gạo bao lớn, sản lượng ổn định.

Việc đẩy mạnh xuất khẩu trực tiếp được kỳ vọng là yếu tố đóng góp chủ lực vào mức tăng doanh thu 29,56% năm 2026 so với năm 2025.

**e. Tối ưu chi phí – Nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng lợi nhuận**

Để kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 tăng 28,51%, A An triển khai đồng bộ các giải pháp tối ưu chi phí:

- Công ty tập trung tối ưu chi phí đầu vào thông qua việc mở rộng và chuẩn hóa vùng nguyên liệu theo mô hình liên kết với nông dân và hợp tác xã tại các khu vực trọng điểm. Việc chủ động nguồn cung không chỉ giúp Công ty kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào mà còn giảm phụ thuộc vào biến động giá thị trường, hạn chế chi phí trung gian và tạo điều kiện

ổn định giá vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý tồn kho được thực hiện theo quy trình nội bộ chặt chẽ, bao gồm kiểm soát chất lượng đầu vào, điều kiện bảo quản, cơ chế kiểm tra định kỳ và nguyên tắc luân chuyển hàng hóa hợp lý, qua đó góp phần giảm hao hụt trong lưu kho và quá trình sản xuất, hạn chế rủi ro suy giảm chất lượng và tối ưu chi phí lưu kho.
- Đối với chi phí bán hàng, Công ty tiếp tục tối ưu mạng lưới phân phối và hoạt động logistics theo hướng tiết kiệm chi phí nhưng vẫn bảo đảm hiệu quả tiêu thụ. Cụ thể, Công ty tăng cường đàm phán đơn giá với các đơn vị vận tải, bốc xếp và cung ứng bao bì; tối ưu kế hoạch giao hàng, tuyến vận chuyển và phương thức giao nhận để giảm chi phí logistics trên từng đơn vị sản phẩm; đồng thời nâng cao hiệu quả điều phối hàng hóa giữa các nhà máy, kho trung chuyển và điểm bán nhằm hạn chế phát sinh chi phí ngoài kế hoạch.
- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty tiếp tục thực hiện tinh gọn bộ máy, rà soát và chuẩn hóa quy trình quản trị. Công ty đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý để giảm thao tác thủ công, nâng cao hiệu suất xử lý công việc và tiết giảm chi phí vận hành.
- Đối với chi phí tài chính, Công ty thực hiện quản trị dòng tiền và vốn lưu động một cách chặt chẽ, bao gồm việc tối ưu vòng quay hàng tồn kho, tăng cường kiểm soát công nợ và cân đối nguồn vốn phù hợp với chu kỳ kinh doanh. Các biện pháp này nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào vốn vay ngắn hạn, qua đó kiểm soát chi phí lãi vay và cải thiện biên lợi nhuận sau thuế.
- Về cơ cấu doanh thu, Công ty định hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là gạo túi thương hiệu, gạo chất lượng cao và các sản phẩm phục vụ thị trường xuất khẩu. Trong đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh doanh thu gạo túi thương hiệu thông qua các kênh nhà phân phối (GT), kênh siêu thị (MT) và thương mại điện tử (Ecom), qua đó mở rộng độ phủ thị trường, tăng khả năng tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng và cải thiện giá bán bình quân. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục gia tăng doanh thu từ hoạt động xuất khẩu trực tiếp đối với các dòng gạo chất lượng cao, tận dụng lợi thế về giấy phép xuất khẩu, thị trường tiêu thụ và giá bán tốt hơn so với một số kênh nội địa. Đồng thời, Công ty vẫn duy trì và khai thác hiệu quả mảng bán hàng gạo xá nhằm bảo đảm quy mô doanh thu, tối ưu công suất sản xuất và tạo nền tảng tiêu thụ ổn định cho toàn bộ chuỗi hoạt động kinh doanh.
- Tự động hóa và số hóa quy trình sản xuất, giảm tổn thất, nâng cao tỷ lệ thu hồi thành phẩm, tối ưu hóa hiệu suất vận hành.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ theo thời gian thực, giúp ban điều hành ra quyết định chính xác, kịp thời và hiệu quả.
- Chỉ tiêu cụ thể:
- + Tỷ lệ thu hồi thành phẩm  $\geq 68\%$ ;

- + Tỷ lệ hao hụt sản xuất  $\leq 2\%$ ;
- + Giảm chi phí sản xuất bình quân trên mỗi tấn gạo  $\geq 5\%$ .

**f. Tái đầu tư**

Trong năm 2026, Công ty chủ trương không chia cổ tức tiền mặt, thay vào đó tái đầu tư toàn bộ lợi nhuận giữ lại nhằm:

- Mở rộng vùng nguyên liệu chất lượng cao;
- Đầu tư nâng cấp hệ thống sản xuất, kho vận;
- Tăng cường vốn lưu động phục vụ sản xuất – xuất khẩu;
- Đẩy mạnh hoạt động xây dựng thương hiệu và kênh phân phối.

Đây là bước đi chiến lược nhằm đảm bảo năng lực tài chính vững chắc, tạo đòn bẩy cho giai đoạn tăng trưởng nhanh và bền vững trong trung hạn.

Cam kết từ Ban điều hành: Nhằm nâng cao và đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty trong thời gian tới, Công ty A An xác định việc duy trì hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao chất lượng tăng trưởng bền vững là một trong những mục tiêu trọng tâm sau niêm yết. Đây không chỉ phản ánh định hướng quản trị thận trọng, hiệu quả mà còn là cơ sở để củng cố năng lực tài chính và gia tăng giá trị cho cổ đông. Với định hướng chiến lược rõ ràng, năng lực thực thi đã được chứng minh, cùng sự đồng hành của các đối tác và cổ đông, CTCP Lương thực A An cam kết hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2026, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn trở thành thương hiệu gạo dẫn đầu tại Việt Nam và vươn tầm quốc tế.

**4.4 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

Dưới góc độ của Tổ chức Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE đã xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Lương thực A An do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty cổ phần Lương thực A An đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE nhận thấy AAN có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm. Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với Công ty. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của AAN trong những năm qua tương đối tốt, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của Ngành và các chính sách của Nhà nước.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của AAN phụ thuộc vào tình hình biến động của thị trường và thói quen sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến

lược dài hạn của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cổ phần Lương thực A An cung cấp. Thông tin thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

**VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**1. Thông tin về cổ đông sáng lập**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Lương thực A An hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 27/01/2021 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0109510866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/01/2021 do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 27/01/2021 đã hết hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 27/01/2024.

**2. Thông tin về cổ đông lớn**

**2.1. Danh sách cổ đông lớn**

**Bảng 46. Danh sách cổ đông lớn là tổ chức của AAN**

STT	Cổ đông	Năm thành lập	ĐKKD	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo UQ tại ICPH
1	CTCP Siba Holdings	2021	Số 0109778609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Việt Nam	Tầng 14, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới NI,	2.139 tỷ đồng	Trương Sỹ Bá - Chủ tịch HĐQT	Không có

			lần đầu ngày 14/10/2021		Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
--	--	--	----------------------------	--	---	--	--

**2.2. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm hiện tại:**

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn tại 28/01/2026: 33.892.857 cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu 52,14%.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn tại 28/01/2026: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức niêm yết: Không có
- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức niêm yết mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan: Không có

**2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức niêm yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức niêm yết và những người có liên quan của họ**  
Không có.

**3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng**

**3.1. Hội đồng quản trị**

**Bảng 47. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trương Mạnh Linh	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Ông Đoàn Nhật Tân	Thành viên HĐQT độc lập

**3.1.1 Thông tin Ông Trương Sỹ Bá – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên: Trương Sỹ Bá
- Năm sinh: 1967
- Nơi sinh: Nghệ An

- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990-1994	CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh	Nhân viên
1994-2000	Kinh doanh tự do	
2000 – Nay	CTCP Tập đoàn Tân Long	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2021 – Nay	CTCP Siba Holdings	Chủ tịch HĐQT
2022 – Nay	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2024 – Nay	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	Chủ tịch HĐQT
20/03/2026 – nay	CTCP Lương thực A An	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Chủ tịch HĐQT	20/03/2026

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chức vụ	Đơn vị công tác
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CTCP Tập đoàn Tân Long
Chủ tịch HĐQT	CTCP Siba Holdings
Chủ tịch HĐQT	CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam
Chủ tịch HĐQT	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ

+ Những người có liên quan: 35.285.714 cổ phần tương ứng với 54,29% vốn điều lệ

Họ và tên	Mối quan hệ với NNB	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Trương Mạnh Linh	Con	1.392.857	2,14%
CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	33.892.857	52,14%
<b>Tổng cộng</b>		<b>35.285.714</b>	<b>54,29%</b>

Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CCCD/DKKD	Số cổ phần
1	CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	0109778609	33.892.857
2	Trương Mạnh Linh	Con trai		1.392.857

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có.

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị bảo lãnh/cho mượn (tỷ đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	AAN/Công ty con của AAN/AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Đồng Bảo lãnh thanh toán	150	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	CTCP Tập đoàn Tân Long
2	Đồng Bảo lãnh thanh toán	150	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Sỹ Bá
3	Cho mượn tài sản	24	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Khánh Huyền
5	Cho mượn tài sản	7	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Mạnh Linh

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	0

Lương	0	0
-------	---	---

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

**3.1.2 Thông tin Ông Trương Mạnh Linh – Phó Chủ tịch HĐQT thường trực điều hành**

- Họ và tên: **Trương Mạnh Linh**
- Năm sinh: 1992
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cao học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 2013	Trường Đại Học Sydney – Úc	Cử nhân kinh tế
2013 - 2017	CTCP Tập đoàn Tân Long	Giám đốc Kinh doanh Nông sản
2017 – Nay	Viet Agro Pte. Ltd	Giám đốc
2021-2024	CTCP Thẻ Thao Sông Lam Nghệ An	Tổng Giám Đốc
2021-2023	CTCP Tập đoàn Tân Long	Giám đốc ngành gạo
2023 – 12/2025	CTCP Lương thực A An	Tổng Giám Đốc kiêm thành viên HĐQT
12/2025 – 20/03/2026	CTCP Lương thực A An	Chủ tịch HĐQT
20/03/2026 – nay	CTCP Lương thực A An	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	20/03/2026

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc - Viet Agro Pte. Ltd
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 1.392.857 cổ phần, tương ứng với 2,14% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị bảo lãnh/ cho mượn (tỷ đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	AAN/Công ty con của AAN/AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
3	Đồng Bảo lãnh thanh toán	150	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Sỹ Bá
4	Cho mượn tài sản	24	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Mạnh Linh và bà Nguyễn Thị Khánh Huyền
5	Cho mượn tài sản	7	Không có	HĐQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	Ông Trương Mạnh Linh

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	72.000.000
Lương	609.096.154	654.274.103

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

**3.1.3 Thông tin Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân
- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2005	Công ty TNHH Taisun Việt Nam	Quản lý Bán hàng
2006 – 2012	CTCP tập đoàn Tân Long	Trưởng phòng XNK
2012 - nay	CTCP tập đoàn Tân Long	Phó tổng Giám đốc
2025 – nay	CTCP Siba Holdings	Tổng Giám đốc
03/2025 – 12/2025	CTCP Lương thực A An	Chủ tịch HĐQT
12/2025 – nay	CTCP Lương thực A An	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- + Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần tập đoàn Tân Long
- + Tổng Giám đốc - CTCP Siba Holdings

- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:

- + Sở hữu cá nhân: 150.000 cổ phần tương ứng với 0,23% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0 % vốn điều lệ

- + Những người có liên quan: 33.000 cổ phần tương ứng với 0,06% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Họ và tên	Mối quan hệ với NNB	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Em gái	3.000	0,01%
Nguyễn Anh Tuấn	Chồng	30.000	0,05%

Họ và tên	Mối quan hệ với NNB	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
<b>Tổng cộng</b>		<b>33.000</b>	<b>0,06%</b>

- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CCCD/DKGD	Số cổ phần
1	CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	0109778609	33.892.857

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ:

STT	Loại giao dịch	Giá trị bảo lãnh/ cho mượn (tỷ đồng)	Các điều khoản quan trọng	Các cấp phê duyệt	AAN/Công ty con của AAN/AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ	Đối tác là người có liên quan với người nội bộ
1	Bảo lãnh thanh toán	150	Không có	HDQT	Công ty Cổ phần Lương thực A An	CTCP Tập đoàn Tân Long

+ Thù lao tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	60.000.000
Lương (đồng)	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có.

### 3.1.4 Thông tin Ông Trương Đức Nam – thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Trương Đức Nam

- Năm sinh: 1991

- Nơi sinh: Hải Phòng

- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Trình độ học vấn: Cao học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Kinh Tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013	Ngân hàng ANZ – Phòng giao dịch Cầu Giấy	Nhân viên tín dụng khách hàng cá nhân
2014-2015	CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại (Vinatranco)	Nhân viên xuất nhập khẩu
2016-2017	CTCP chứng khoán Thủ Đô	Chuyên viên tài chính
2018-2019	CTCP chứng khoán Everest	Chuyên viên tài chính
2020-2021	CTCP Quản lý quỹ Bông Sen	Trưởng phòng tư vấn tài chính
2021- 04/2026	CTCP Siba Holdings	Kế toán trưởng
2022-2024	CTCP Sản xuất và Thương mại Tùng Khánh	Thành viên HĐQT
2023 – 2025	CTCP Lương thực A An	Trưởng Ban kiểm soát
2024 - nay	CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao SiBa	Thành viên Ban Kiểm soát
2025	CTCP Lương thực A An	Phó Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT
12/2025 – nay	CTCP Lương thực A An	Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT	03/2025
Tổng giám đốc	12/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- + Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao SIBA
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 33.892.857 cổ phần tương ứng với 52,14% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN:

STT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số CCCD/DKGD	Số cổ phần
1	CTCP Siba Holdings	Tổ chức có liên quan	0109778609	33.892.857

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	60.000.000
Lương (đồng)	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

### 3.1.5 Thông tin Ông Đoàn Nhật Tân – thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Đoàn Nhật Tân
- Năm sinh: 1989
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2017	CTCP Nông Sản Vinacam	Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh
2018 - 2019	Công ty TNHH Hiệp Tài	Trưởng phòng kinh doanh
2025 – nay	CTCP Lương thực A An	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên HĐQT độc lập	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	60.000.000
Lương (đồng)	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

### 3.2. Ban điều hành

**Bảng 48. Danh sách thành viên Ban điều hành gồm:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trương Đức Nam	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Anh Nam	Phó Tổng Giám đốc

#### 3.2.1 Thông tin Ông Trương Đức Nam – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Thông tin chi tiết đã được nêu tại mục 3.1.4

#### 3.2.2 Thông tin Ông Lê Anh Nam – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Lê Anh Nam
- Năm sinh: 1992
- Nơi sinh: Liên Bang Nga
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2014 - 2015	Ngân hàng BIDV Chi nhánh Sơn Tây	Chuyên viên tín dụng
2015 - 2016	Chi nhánh CTCP Tập Đoàn Tân Long tại Hải Phòng	Nhân viên kinh doanh
2016 - 2019	CTCP Hum	Nhân viên kế toán
2019 - 2021	CTCP Tập Đoàn Tân Long	Phụ trách kinh doanh
2021 - nay	CTCP Xuất Nhập Khẩu Yên Đăng	Giám đốc
2024 - nay	CTCP Lương thực A AN	Phó tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Phó Tổng Giám đốc	01/08/2024

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Yến Đàng
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
  - + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
  - + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
  - + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
  - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	0
Lương (đồng)	0	452.425.254

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

### 3.3. Ban kiểm soát

**Bảng 49. Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Toàn	Trưởng BKS
2	Bà Hồ Thị Hải	Thành viên BKS
3	Ông Ngô Xuân Hùng	Thành viên BKS

**3.3.1 Thông tin Ông Nguyễn Văn Toàn – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Văn Toàn
- Năm sinh: 1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2016	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC	Trợ lý KTV
2016 - 2021	CTCP Vicostone	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ
2021 - 2023	CTCP Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Ban Kiểm toán
2023 - 2024	CTCP Phát triển Dịch vụ và Thương mại Quốc An	Trưởng phòng KSNB
2025 - nay	CTCP Lương thực A An	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ

với người nội bộ: không có

+ Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	30.000.000
Lương (đồng)	0	350.892.501

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

### 3.3.2 Thông tin Bà Hồ Thị Hải – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Hồ Thị Hải
- Năm sinh: 1990
- Nơi sinh: Nghệ An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2013	CTCP Thương Mại Tổng hợp và Xuất nhập khẩu TVH	Nhân viên kế toán
2015 - 2017	Chi nhánh công ty TNHH Finewines Hà Nội	Nhân viên kế toán
2017 - 2019	Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH CJ Foods Việt Nam	Nhân viên kế toán
2019 - 2021	Công ty TNHH Moen Việt Nam	Trợ lý kinh doanh phòng dự án
2021 - 2025	CTCP Lương thực A An	Kiểm soát nội bộ
2025 – nay	CTCP Lương thực A An	Thành viên BKS

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Trưởng Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:  
0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
  - + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
  - + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
  - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	20.000.000
Lương (đồng)	0	215.817.837

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

### 3.3.3 Thông tin Ông Ngô Xuân Hùng – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Ngô Xuân Hùng
- Năm sinh: 1997
- Nơi sinh: Nghệ An
- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2019 – 2020	Công Ty TNHH Dụng Cụ An Mi	Kế toán viên
2020 – 2021	Công Ty TNHH Kiểm Toán Immanuel	Trợ lý kiểm toán
2021 – 2022	CTCP Nước Tinh Khiết Óc Đào Xanh	Kiểm soát viên tài chính
2022 – nay	CTCP Siba Holdings	Chuyên viên tài chính
2025 – nay	CTCP Lương thực A An	Thành viên ban kiểm soát

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Thành viên Ban kiểm soát	24/03/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	20.000.000
Lương (đồng)	0	0

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có

**3.4. Kế toán trưởng:**

- Họ và tên: Phạm Thị Trang
- Năm sinh: 1989
- Nơi sinh: Nghệ An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế – chuyên ngành kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2017	CTCP Quảng Cáo Truyền Thông TV	Kế toán viên
2019 - 2024	CTCP Nông Sản Tzan Quốc Tế	Kế toán trưởng
01/2025 - nay	CTCP Lương Thực A An	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại AAN hiện nay:

Chức vụ	Thời gian bầu/bổ nhiệm
Kế Toán Trưởng	01/01/2025

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán tại AAN tại 28/01/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần tương ứng với 0% vốn điều lệ
- Thông tin về người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông, người nội bộ của AAN: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết:
- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với người nội bộ: không có

- + Thông tin về các hợp đồng giao dịch lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa AAN, công ty con của AAN hoặc AAN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với những người có liên quan của người nội bộ: không có
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thù lao (đồng)	0	0
Lương (đồng)	0	313.196.812

- Các khoản nợ đối với tổ chức niêm yết: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với tổ chức niêm yết: không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức niêm yết hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức niêm yết: không có.

*[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]*

**VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**
**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá cổ phiếu**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu

**3. Mã cổ phiếu: AAN**
**4. Tổng số cổ phiếu đang ký niêm yết: 63.000.000 cổ phiếu.**
**5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký niêm yết:**

Danh sách người nội bộ và cổ đông lớn của AAN thực hiện cam kết nắm giữ cổ phiếu bao gồm:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Chức vụ	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDK	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng tiếp theo
1	Trương Sỹ Bá	Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0
2	Trương Mạnh Linh	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	1.392.857	2,14%	1.392.857	696.429
3	Trương Đức Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0,00%	0	0
4	Đoàn Nhật Tân	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0
5	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	150.000	0,23%	150.000	75.000
6	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng BKS	0	0,00%	0	0
7	Hồ Thị Hải	Thành viên BKS	0	0,00%	0	0
8	Ngô Xuân Hùng	Thành viên BKS	0	0,00%	0	0
9	Trương Đức Nam	Tổng Giám đốc, Người	0	0,00%	0	0

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Chức vụ	Số lượng CP cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDCK	Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng tiếp theo
		đại diện theo pháp luật				
10	Lê Anh Nam	Phó Tổng Giám đốc	0	0,00%	0	0
11	Phạm Thị Trang	Kế toán trưởng	0	0,00%	0	0
12	Công ty Cổ phần Siba Holdings	Cổ đông lớn	33.892.857	52,14%	33.892.857	16.946.429

#### 6. Phương pháp tính giá

Phương pháp so sánh các chỉ số là phương pháp định giá cổ phiếu trên cơ sở so sánh giá trị của cổ phiếu cần định giá với một nhóm cổ phiếu tương đồng đang có giao dịch trên thị trường.

Phương pháp so sánh các chỉ số (P/S, P/B, P/E) là phương pháp được áp dụng rộng rãi. Phần lớn giá cổ phiếu của các công ty trong cùng ngành thường có xu hướng biến động cùng chiều. Vì vậy, chỉ số P/S, P/B, P/E trung bình ngành thường được dùng để làm cơ sở xác định giá. Tuy nhiên, những yếu tố không ổn định như tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô làm lợi nhuận cũng như quy mô tài sản của các công ty trong ngành ghi nhận nhiều biến động, qua đó phương pháp so sánh các chỉ số có thể không phản ánh hoàn toàn chính xác giá trị thực sự của Công ty. Do đó, Công ty bổ sung phương pháp định giá dựa trên giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo báo cáo kết quả phát hành số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025 – đây là cơ sở tính giá cổ phiếu đáng tin cậy với việc giá chào bán thông qua kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng thành công. Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên dựa trên 03 phương pháp:

- (1) Phương pháp giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025;
- (2) Phương pháp giá trị cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B);
- (3) Căn cứ giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo báo cáo kết quả phát hành số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025.

##### 6.1 Phương pháp định giá cổ phiếu theo giá trị sổ sách

Phương pháp định giá theo giá trị sổ sách định giá cổ phiếu dựa trên giá trị tài sản ròng được ghi nhận trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ các khoản nợ phải trả. Chúng tôi sử dụng giá trị tài sản ròng ghi nhận theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

năm 2025. Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (BVPS) của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{BVPS} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{933.588.816.300 - 0}{65.000.000} \\ &= 14.363 \text{ VND/cổ phiếu} \end{aligned}$$

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025 của AAN)

## 6.2 Phương pháp giá trị cổ phần trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)

Theo phương thức Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{BVPS} \times \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- *P*: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- *BVPS*: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- *P/B bình quân*: là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng.

Công ty đã chọn một số công ty có cùng ngành nghề và quy mô vốn góp chủ sở hữu dưới đây để làm cơ sở xác định P/B của ngành.

Mã chứng khoán	Tên doanh nghiệp	Vốn góp chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Giá trị sổ sách	Giá đóng cửa tại 16/04/2026	P/B
NSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	175.870	2.608.497	1.648.624	93.741	75.700	0,8
AFX	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	350.000	1.570.041	521.340	14.895	10.750	0,7
SSC	Công ty cổ phần giống cây trồng miền Nam	149.924	510.063	366.091	24.419	29.000	1,2
<b>Chỉ số trung bình</b>							<b>0,9</b>

(Nguồn: cafef, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của các công ty, AAN tổng hợp)

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty, giá trị cổ phiếu AAN theo phương pháp P/B được xác định như sau:

Diễn giải	Đơn vị	Giá trị
Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 (1)	Triệu đồng	933.589
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Triệu đồng	1.594
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (3)	Cổ phiếu	40.416.667
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần bình quân 31/12/2025 (4) = [(1)-(2)]/(3)	Đồng/cổ phiếu	23.060
P/B bình quân đại diện ngành	Lần	0,9
<b>Giá cổ phiếu AAN (6) = (4) * ((5)</b>	<b>Đồng/cổ phiếu</b>	<b>20.754</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty)

### 6.3 Định giá cổ phiếu theo giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo báo cáo kết quả phát hành số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025

Căn cứ theo giá chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, cụ thể: Công ty cổ phần Lương thực A An đã hoàn tất đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng trong thời hạn từ ngày 31/10/2025 đến hết ngày 25/11/2025 với giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu, thực hiện báo cáo kết quả phát hành theo Báo cáo số 2511/BCKQPH-AAN ngày 25/11/2025 với số lượng chào bán thành công là 30.000.000 cổ phiếu.

#### Đề xuất Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HSX:

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên HSX được xác định trên cơ sở tổng hợp theo các phương pháp nêu trên và giá tham chiếu dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên tại HSX là 15.000 đồng/cổ phiếu.

## 7. Các loại thuế có liên quan

### 7.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

#### - Thuế thu nhập cá nhân:

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 ngày 22/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

#### - Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng theo Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024.

#### - Thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12;

+ Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017;

+ Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ như được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 119/2014; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015; Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

Căn cứ các quy định trên thu nhập từ chuyển nhượng vốn chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là tổ chức là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

## **7.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

### **- Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 10%, 15% và 20% tùy vào hoạt động sản xuất kinh doanh trên thu nhập chịu thuế (Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thu nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12).

### **- Thuế giá trị gia tăng**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành. Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

### **- Các loại thuế khác**

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí, ... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên công ty : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT  
Địa chỉ : Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : 024 3761.3399  
Website : <http://www.vpaudit.vn/>

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE  
Địa chỉ : Tầng 6 tòa nhà Pax Sky, 63-65 Ngô Thị Nhậm, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.  
Điện thoại : (024) 7108 9234  
Website : <https://www.dnse.com.vn/>

#### Tổ chức tư vấn nêu ý kiến về việc đăng ký niêm yết

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về hồ sơ đăng ký niêm yết: xét tính hợp pháp và tuân thủ quy định pháp luật, Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của AAN đã được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật Chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi bổ sung có liên quan. Những thông tin về đợt đăng ký niêm yết đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi đơn vị đủ điều kiện, Chúng tôi thấy rằng AAN đã tuân thủ quy định pháp luật về hồ sơ đăng ký niêm yết.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chiều lực mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

#### IX. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.



**X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT,  
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 21, tháng 04, năm 2026

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC A AN**



**Trương Đức Nam**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Trương Sỹ Bá**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

**Phạm Thị Trang**

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DNSE**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Việt**

**XI. PHỤ LỤC**

- Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- Phụ lục II: Điều lệ công ty
- Phụ lục III: Báo cáo tài chính của Tổ chức Đăng ký Niêm yết:
- + Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2024;
- + Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2025.

